

CÀO THƠM TRƯỚC ĐÈN

PHAN KẾ BÌNH

Lê Văn Phúc hiệu chỉnh

NAM HẢI DỊ NHÂN

LIỆT TRUYỆN



Nhà Xuất Bản Trẻ



Nhà Xuất Bản Hồng Bàng

TỰA

Hào kiệt anh tài là khí tinh anh của một nước; cho nên nước nào cũng có, mà thời nào cũng có. Nhơn khi xây dựng nên thời thế, tỏ điểm cho non sông; nhỏ thì lập nên công nghiệp, để danh tiếng về sau; cũng là làm gương cho người đời cả.

Nước Nam ta từ xưa đến nay trải hơn 4.000 năm chẳng thiếu gì người tài đức, người danh tiếng; nhưng bởi vì sự tích xa xôi mà không rõ, hoặc vì sử sách biên sót mà không tường. Chỉ còn người nào ghi vào sử, hoặc chép vào ký tái của các tư gia thì còn có thể lưu truyền vào được.

Nhưng lại ngặt vì sách ít, cho nên lưu truyền ra không được rộng. Người ta nói truyện cổ tích chẳng qua chỉ một vài người được trông vào sách, rồi thì truyền khẩu cho nhau, lờ mờ người nhớ khúc này, kẻ nhớ khúc kia, mỗi người truyền đi lại sai một tí, tẻ ra nhầm lẫn sai cả sự thực của người xưa. Và chẳng mình là người nước Nam mình không biết, hóa ra kiến thức của mình kém lắm đư.

Vì vậy chúng tôi kê cứu trong chính sử và các tạp ký tìm những người có danh vọng, có sự tích lạ lùng, chia ra từng môn từng mục, cứ theo thể thức trước sau mà đặt, gọi là “Nam Hải dị nhân liệt truyện”, trước là để lưu cái sự tích của người trước, sau là để các văn nhân tài tử xem cho biết anh tài nước mình, thì chẳng những là giúp được khi vui cười, mà cũng có thể tư ích trí khôn cho người ta nữa.

Còn như những sự quái lạ, là lời tục truyền để lại, thì chúng tôi cũng theo mà chép vào đây, hoặc có, hoặc không, tùy người xem nên lấy lý mà đoán, chớ cũng không dám chắc là có những việc ấy cả.

Ngày 27 tháng sáu năm Nhâm Tý, niên hiệu Duy tân thứ sáu (le 9 April 1912).

PHAN KẾ BÌNH *cẩn tựa*
LÊ VĂN PHÚC *hiệu chỉnh.*

LỜI NGƯỜI HIỆU CHÍNH

Sách này có dự vào chương trình học thi tú tài, lần này là lần in thứ tư, có hiệu chỉnh lại, và có kê cứu chép thêm vào để ghi cho đủ các bậc anh hùng hào kiệt nước Nam ta, như là sự tích Đức Gia Long cùng các bậc danh thần, danh tướng.

Xem sách này có thể biết được đại lược lịch sử nước nhà, chẳng khác gì đối với các bậc cổ nhân tự bốn nghìn năm về trước, mà ngắm làm gương chung về sau; không những là giúp về việc vấn đề thi cử, mà về phần trí dục, đức dục cũng có tư ích được ít nhiều.

Nay kính dẫn
Kim Giang LÊ VĂN PHÚC hiệu chính
Décembre 1916

N.B. – Những bài mới thêm có để dấu (*)

Chương thứ I CÁC BẠC ĐẠI ANH KIỆT

1. Trưng Vương

Xưa về thời nội thuộc nhà Đông Hán, ở huyện Mê Linh, đất Phong Châu (tức huyện An Lão, tỉnh Phúc Yên bây giờ), có quan Lạc tướng họ Hùng sinh được hai người con gái, chị tên là Trắc, em tên là Nhị; hai chị em vốn có tiếng anh hùng.

Chị lấy chồng tên Thi Sách, về dòng dõi vua Hùng Vương, làm quan châu ở bộ Chu Diên (bây giờ là phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên).

Quan Thái thú bấy giờ tên là Tô Định, tính tham tàn hay hại người, thấy Thi Sách lấy được bà ấy, sợ về sau có mưu phản gì chẳng, mới kéo binh vây thành Chu Diên, giết mất Thi Sách.

Bà ấy tức giận lắm, cùng với em là Nhị chiêu binh tập mã để đánh báo thù cho chồng. Các hào kiệt trong nước ai cũng có bụng oán Tô Định, tranh nhau kéo đến theo bà ấy; không bao lâu được hơn 10 vạn quân, bà ấy mới mang quân đến đánh Tô Định. Tô Định chống giữ không nổi, phải chạy về bể Nam Hải rồi lên về Tàu. Bà ấy thừa thế đánh tràn, hạ được 56 thành ở xứ Lĩnh Nam (thuộc hạt Quảng Đông, Quảng Tây, nước Tàu); mới đổi là họ Trưng, tự lập lên làm vua, gọi là Trưng Vương, bấy giờ là năm Canh Tý niên hiệu Kiến Võ thứ 16 đời vua Quang Vũ nhà Hán, (sau Thiên Chúa 40 năm).

Bà Trưng Vương làm vua được 3 năm, vua Quang Vũ sai quan Phục Ba tướng quân là Mã Viện đem binh sang đánh. Bà Trưng Vương đem quân chống nhau với quân Tàu ở hồ Lãng Bạc (tức hồ Tây, Hà Nội). Mã Viện tài kiêm văn võ, mà lại khéo dùng binh, đánh nhau mấy trận thì quân của bà Trưng Vương cũng thua cả, mới lui về giữ Cẩm Khê (bây giờ thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây). Bà ấy nghĩ mình là quân ô hợp, không thể đương được với quân Mã Viện, mà hàng thì bà ấy cũng không chịu hàng. Sau mới rút quân về đến xã Hát Môn, huyện Phúc Lộc (tức huyện Phúc Thọ, thuộc Sơn Tây), thì bà ấy bức chí nhảy xuống sông Hát Giang tự tận.

Em là Trưng Nhị thấy chị đã liều mình xuống sông, cũng liều mình xuống theo chị nốt.

Than ôi! Một đôi nữ anh hùng nước Nam, tuy vì tài liễu yếu đào tơ, không làm được công nghiệp oanh oanh liệt liệt, nhưng biết giận kẻ tàn ác, khởi binh đánh đuổi đi, cũng lừng lẫy được một thời mà lưu danh thiên cổ, gây dựng nền độc lập cho đời sau; khá khen thay, khá khen thay!

Từ lúc hai bà ấy xuống sông, rồi hóa ra hai người bằng đá, nổi lên đênh trên mặt nước trôi đi. Các làng quanh sông thấy vậy, tranh nhau ra khẩn đê vớt về thờ, nhưng chỉ có làng Đông Nhân ở huyện Thanh Tri (bây giờ thuộc về tỉnh Hà Đông) vớt được, mới lập đền thờ ở bãi làng ấy. Dân xã Hát Môn thấy sự thiêng làm vậy, cũng lập đền thờ vọng ở bên sông.

Đến thời vua Anh Tôn nhà Lý, chỗ bãi Đông Nhân lở gần đến miếu thờ. Vua sai làng Hưng Viên bên trong đê, ra đền nước tượng hai bà ấy vào, rồi vua ban tiền bạc cho dân lập miếu mà thờ, phong sắc là “*Trinh Linh chi phu nhân*.” Đền ấy bây giờ vẫn còn, tục gọi là đền Hai bà.

Đến đời nhà Trần, lại phong thêm tám chữ: “*Uy liệt chế thắng thuần trinh bảo thuận.*” Đến bây giờ vẫn còn anh linh lắm.

2. Bồ Cái Đại Vương

Về thời nội thuộc nhà Đường ở quận Đường Lâm, (bây giờ là làng Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, Sơn Tây), có ông Phùng Hưng, nguyên đời đời được tập phong làm Tù trưởng châu Ấy (tức là quan lang).

Nhà ông Phùng Hưng giàu có quyền hành nhất vùng ấy, lại có sức khỏe lạ thường, có thể đâm chết hổ, đẩy ngã trâu. Em tên là Phùng Hải, cũng có sức khỏe đội nổi nghìn cân, đi hơn 10 dặm. Các người rợ đầu đầu cũng phục nhà ông ấy.

Trong năm Trinh Nguyên nhà Đường (791), nước Nam có đám loạn quân khởi biến. Hai anh em ông Phùng Hưng nhân dịp ấy, mới đem quân đi dẹp loạn các nơi lân ấp, đi đến đâu dẹp tan đến đấy.

Ông ấy đắc chí rồi, đổi tên gọi là Cự Lão, tự xưng là Đô Quân. Em thì đổi tên là Cự Lực, tự xưng là Đô Bảo. Nhân dùng mẹo của bộ tướng tên là Đỗ Anh Luân, đem quân tràn ra các châu quận, người theo về càng ngày càng nhiều, có ý muốn đến phá phủ Đô Hộ.

Quan Đô Hộ bấy giờ là Cao Chính Bình, đem quân đi đánh bị thua, rồi lo lắng thành bệnh mà chết. Ông Phùng Hưng mới chiếm giữ phủ thành, tự coi việc Đô Hộ, được 7 năm thì mất.

Chúng muốn lập em là Hải lên nối ngôi, nhưng trong bọn bấy tôi có người đầu mục tên là Bồ Phá Lặc, có sức khỏe đạp đổ núi, nhấc nổi vạc, người ấy nhất định không nghe, mới lập con ông Hưng tên là An lên nối nghiệp, mà đem quân ra cự nhau với Phùng Hải. Hải chịu thua, Bồ Phá Lặc bắt đây ra ở đồng Chu Nhan.

An được lập rồi, tôn vua cha được gọi là Bồ Cái đại vương (tục bấy giờ gọi cha là Bồ, gọi mẹ là Cái). Được hai năm vua Đức Tôn nhà Đường sai Triệu Xương sang làm Đô Hộ, Triệu Xương sai sứ đến dụ hàng, An chịu hàng, cơ nghiệp họ Phùng mới đổ.

Khi trước ông Phùng Hưng mới mất, thường có hiện linh ở trong dân thôn, hiện hình ra nghìn xe, muôn ngựa, bay ở trên các mái nhà, cùng là trên ngọn cây cổ thụ, trông tựa hồ đám mây ngũ sắc. Lại có tiếng đàn sáo bát âm ở trên không, và tiếng quát tháo. Lại thấp thoáng trông thấy cả cờ, tán, võng, lọng. Phạm trong làng có việc gì mừng hay sợ, tất báo mộng trước cho các người hào trưởng. Dân gian thấy lắm sự hiện linh, mới lập miếu ở mé tây phủ Đô Hộ để thờ. Dân có việc cầu đảo, thường ứng nghiệm lắm.

Đến thời Ngô Chủ Quyền, có giặc Bắc sang xâm. Ngô chủ nằm mơ thấy một ông cụ đầu bạc phơ phơ, áo mũ tề chỉnh, tự xưng là Phùng Hưng và nói rằng: “Tôi xin lĩnh một muôn thân binh, phục sẵn ở chỗ hiểm yếu, ông nên tiến binh mà đánh giặc đi, đã có tôi giúp, không cần phải lo.” Đến lúc này Ngô Chủ đánh nhau với Hoảng Tháo ở sông Bạch đằng, quả nhiên nghe trên không có tiếng xe ngựa âm âm. Ngô chủ phá được quân Nam Hán giờ về, sai sửa sang đình miếu cho hoa mỹ rồi dùng lễ thái lao đến tạ ơn.

Từ bấy giờ chiều nào cũng có phong tặng, phong làm “*Phu hựu chương tín sùng nghĩa đại vương.*”

3. Đinh Tiên Hoàng

Tiên Hoàng họ Đinh tên là Hoàn, người ở đồng Hoa Lư, phủ Đại Hoàng (bây giờ là phủ An Khánh, tỉnh Ninh Bình), nguyên là con quan nha tướng của Dương Đình Nghệ tên là Đinh Công Trứ.

Tục truyền ở đồng Hoa Lư xưa có con rái cá cực to, vợ ông Công Trứ một hôm tắm ở dưới suối, bị con rái cá hiếp, về mới có mang. Khi con rái cá bị người ta bắt được ăn thịt, quẳng xương ra đường cái, thì bà ấy nhặt về mà gác lên gác bếp.

Về sau, ông Công Trứ mất rồi, bà ấy mới sinh ra Đinh Tiên Hoàng, Tiên Hoàng lớn lên, thông minh nhanh nhẹn, mà tài nghệ lợi nước. Nhà nghèo, phải nương nhờ ở với chú. Bây giờ có một thầy địa lý Tàu sang nước ta xem đất, đi từ Hưng, Tuyên theo long mạch đến mãi phủ Đại Hoàng, trông xuống dòng sông thấy nước sâu thăm thẳm mà xoáy mạnh lắm, đò là ở đấy tất có huyết đế vương. Mới gọi trẻ thuê tiền cho thử lặn xuống chỗ ấy xem làm sao. Tiên Hoàng vốn tài lặn, mới nhận lời lặn xuống thì sờ thấy có con ngựa bằng đá đứng ở dưới đáy sông, mới lên bờ báo với người khách, người khách đưa cho nắm cỏ, bảo thử xuống dừ vào mồm ngựa xem ra làm sao, ngài cầm nắm cỏ xuống dừ thì con ngựa há miệng ra đón ngay.

Ngài lại lên nói chuyện với người khách, người khách lấy tiền thưởng cho ngài rồi đi. Ngài vốn thông minh, biết ngay chỗ ấy hẳn là đại huyết, rồi về nói chuyện với mẹ. Xem mã cha ở đâu, để đem táng vào huyết ấy. Bà mẹ trở lên gác bếp, rồi lấy nắm xương đưa cho ngài, ngài đem ra, lặn lại xuống chỗ vực sâu ấy, cũng lấy cỏ bọc nắm xương dừ vào mồm ngựa thì con ngựa cũng đón và nuốt đi.

Từ đấy ngài sinh ra bạo tợn, các trẻ chăn trâu bò đều sợ, bầu ngài lên làm tướng, bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí giới, đi đánh nhau với trẻ làng khác. Đi đến đâu, các trẻ phải sợ hãi kinh phục. Một bữa, hội hết trẻ các làng ở ngoài đồng, nhân có con bò của chú cho đi chăn, mổ ngay ra làm cỗ để khao các chúng. Chú ở nhà nghe tin, vác gậy ra đồng xem làm sao, thì thấy chúng đã ăn tiệc xong rồi. Chú tức giận lắm, vác gậy đuổi đánh, ngài sợ hãi, chạy đã bí đường, phải nhảy choàng xuống sông, bỗng dung có con rồng vàng ở dưới sông hiện ra đội ngài lên, người chú thấy vậy kinh hoảng, vội vàng bỏ gậy mà lạy phục xuống đất.

Từ bấy giờ danh tiếng ngài lừng lẫy, các hào kiệt trong nước để lòng trông mong về ngài. Nhân bấy giờ cuối đời Nam Tấn, nước Nam có 12 ông sứ quân nổi lên, mỗi người chiếm giữ một phương, như là:

1. Ngô Xương Xí giữ ở Bình Kiều.
2. Kiều Công Hãn giữ ở Phong Châu (nay là Bạch Hạc, Vĩnh Yên), tự xưng là Tam Chế.
3. Nguyễn Khoan giữ phủ Tam Đái, (nay là phủ Vĩnh Tường, Vĩnh Yên) tự xưng là Thái Bình Công.
4. Ngô Nhật Khánh giữ châu Đường Lâm (nay là làng Cam Lâm, huyện Phú Thọ, Sơn Tây) tự xưng là Anh Hiên Công.
5. Đỗ Cảnh Thạc giữ ở Tương Giang (tức là Đỗ Động Giang nay thuộc Thanh Oai, Hà Đông).
6. Lý Khuê giữ ở Siêu Loại (Thuận Thành, Bắc Ninh).

7. Nguyễn Thủ Tiệp giữ ở Tiên Du, (thuộc Bắc Ninh), tự xưng là Nguyễn Linh Công.
8. Lã Đường giữ ở Tế Giang, (nay thuộc Văn Giang, Bắc Ninh), tự xưng là Tá Công.
9. Nguyễn Siêu giữ Tây Phù Liệt (thuộc Thanh Trì, Hà Đông), tự xưng là Nguyễn Thạch Công.
10. Kiều Thuận giữ ở Hồ Hồ (nay thuộc huyện Cẩm Khê, Phú Thọ) tự xưng là Kiều Linh Công.
11. Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu (nay là Khoái Châu, Hưng Yên), tự xưng là Phạm Phòng Át.
12. Trần Lãm giữ ở cửa Bồ Chính (nay là Kỳ Bồ thuộc phủ Kiến Xương), tự xưng là Trần Minh Công.

Tiên Hoàng nhân dịp ấy, theo về nương nhờ với Trần Minh Công. Trần Minh Công thấy ngài là dòng dõi tướng võ, và có tài cán, mới dùng cho cai quản binh lính. Không bao lâu, Trần Minh Công mất, ngài thay lĩnh hết cả quân quyền, tự xưng là Đinh Bộ Lĩnh, dần dần đem quân đi dẹp các nơi, thì đi đến đâu dẹp tan đến đấy, tự xưng là Vạn Thắng Vương. Rồi lại nhất thống được hết mọi nơi, mới lên ngôi thiên tử đóng đô ở Hoa Lư, sửa sang thành quách, cung điện, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

Khi trước thầy địa lý Tàu về lại giờ sang, toan mang mã tổ táng vào thùy mã huyết, sang đến nơi thì đã thấy ngài nổi lên hùng dũng, biết là ngài được đất ấy rồi. Người khách không sao được, muốn lập mưu để phản lại, mới vào hầu mà nói rằng:

- Ngài được ngôi đại địa ấy, cũng bởi lúc phúc nhà ngài mà trời cho đấy; nhưng có ngựa phải có kiếm thì mới tung hoành ra bốn bể, vậy ngài lên để thanh kiếm lên cổ ngựa thì mới hay.

Tiên Hoàng tưởng nó nói thật, mới lấy thanh gươm gác lên trên cổ ngựa, không ngờ kiếm có sát khí,^[1] có kiếm tuy làm được lừng lẫy, nhưng không làm được lâu dài. Vì thế ngài ở ngôi được 11 năm thì bị Đỗ Thích giết mất, mà đến đời con là Vệ Vương, thì cơ nghiệp lại về tay triều khác.

4. Lý Thái Tổ

Thái Tổ họ Lý tên là Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, tỉnh Bắc Ninh.

Tục truyền đời ông thân sinh ra ngoài, nhà nghèo khó, đi làm ruộng thuê ở chùa Tiêu Sơn, huyện An Phong, phải lòng một người tiểu nữ có mang,^[2] nhà sư thấy thế đuổi đi chỗ khác. Hai vợ chồng mang nhau đi, đến chỗ rừng Bàng, mỗi một ngồi nghỉ mát. Chồng khát nước đến chỗ giếng giữa rừng uống nước, chẳng may sẩy chân xuống giếng chết đuối. Vợ ngồi chờ lâu không thấy, đến giếng xem thì đất đã đùn lấp giếng rồi, ngồi khóc lóc một hồi, rồi vào ngủ nhờ trong chùa Ứng Tâm ở gần đấy. Ông sư chùa Ứng Tâm, đêm hôm trước nằm mê thấy ông Long thần báo mộng rằng: “Ngày mai dọn chùa cho sạch, có Hoàng đế đến.” Nhà sư tỉnh dậy, sai tiểu quét dọn sạch sẽ, chực đợi từ sáng đến chiều, chỉ thấy một người liền bà có mang xin vào ngủ nhờ.

Nhà sư thấy làm lạ hỏi rằng:

- Chồng con quê quán ở đâu?

Người liền bà kể tên họ nhà chồng, và nói lại chuyện sa xuống giếng. Nhà sư cho ở nhờ ngoài cửa tam quan. Được vài tháng, có một đêm, thơm nức cả chùa, nhà sư thức dậy trông ra tam quan, thì thấy sáng rực lên. Nhà sư sai bà hộ chùa ra thăm, thì người liền bà ấy đã sinh ra một đứa con giai. Bà hộ chùa bế đứa bé vào chùa cho nhà sư xem thì thấy bàn tay có bốn chữ son: “*son hà xã tắc* 山河社稷.” Xem rồi, bỗng nhiên trời nổi cơn mưa to gió lớn. Đến lúc bà hộ chùa trở ra, thì người liền bà đã chết rồi, nhà sư sai đem chôn ở đằng sau vườn.

Từ đấy, nhà sư nuôi người con giai, lên sáu tuổi đã có khí phách thông minh. Một hôm nhà sư sai mang oản lên chùa dâng cúng, thì chú nhỏ đã khoét lấy ruột oản ăn trước. Sáng mai, nhà sư gọi mắng chú nhỏ ấy. Chú nhỏ hỏi:

- Ai nói với ông như thế?

Nhà sư kể sự ông Long thần báo mộng, chú kia tức lắm, lên chùa đánh vào cổ ông Long thần ba cẳng tay, rồi viết vào sau lưng bốn chữ rằng: “Lưu tam thiên lý.” Đến đêm ông Long thần lại báo mộng cho ông sư rằng: “Hoàng đế đã đuổi ta đi rồi, thì ông nghỉ lại để tôi đi.” Nhà sư thức dậy sớm, vội vàng lên chùa soát xem, thì thấy sau lưng ông Long thần có mấy chữ ấy, mới bắt tiểu lấy nước vào rửa, thì rửa làm sao cũng không sạch. Nhà sư bảo chú nhỏ ấy rửa, thì chỉ nhỏ ít nước bọt chùi đi sạch ngay.

Khi 8, 9 tuổi, nhà sư cho chú nhỏ ấy theo học ông sư ở chùa Tiêu Sơn tên là Vạn Hạnh. Một khi học không thuộc, phải ông thầy trối lại bắt nằm dưới đất một đêm, mới ngâm một câu thơ rằng:

Cánh khuya không dám giang chân ruỗi,

Vì ngại non sông, xã tắc xiêu.

Vạn Hạnh thấy có khẩu khí thiên tử, tự bấy giờ có lòng kính trọng lắm.

Ngài lớn lên, kháng khái có chí khí to, nhân có công, làm quan thời vua Thiếu Đế nhà Lê. Khi vua Thiếu Đế bị giết, thì ngài nằm ôm lấy thân vua mà khóc. Vua Ngọa Triều khen là trung, nhắc lên làm Tư tướng quân chế chỉ huy sứ, thống lĩnh hết quân túc vệ.

Bấy giờ ở làng Cổ Pháp có cây gạo cổ thụ, bị sét đánh tước lìa da ngoài, trong thân cây có mấy câu sấm rằng:

Mộc côn^[1] liễu liễu

樹根杳杳

Mộc biểu thanh thanh.

木俵青青

Hỏa đao mộc lạc,

禾刀木落

Thập bát tử thành

十八子成

Vân vân...

云云...

...

Vạn Hạnh xem câu sấm ấy, biết rằng điềm nhà Lê đổ mà nhà Lý sắp lên, bảo riêng với ngài rằng:

- Xem câu sấm ấy, thì chắc nhà Lý lên làm vua. Thiên hạ tuy cũng nhiều họ Lý, nhưng xem ra thì không ai bằng ngài có bụng nhân từ khoan thứ, vả lại lòng dân tin mến nhiều, thì phi ngài không ai làm nổi.

Ngài thấy nói làm vậy, sợ nói lộ chuyện ra ngoài, phải giấu Vạn Hạnh ở chùa Tiêu Sơn. Đến khi vua Ngọa Triều mất vua kế tự còn nhỏ, ngài cầm quân túc vệ trong chốn cung cấm. Có quan chi hậu là Đào Cam Mộc mưu với các quan triều, lập ngài lên làm thiên tử.

Ngài đã lên trị vì, thấy chỗ kinh đô Hoa Lư hẹp hòi lắm, mới thiên lên đóng đô ở Đại La thành, nhân có điềm rồng vàng hiện ra, mới đổi tên gọi là thành Thăng Long (tức thành Hà Nội bây giờ).

Ngài ở ngôi được 18 năm thì mất.

Xét ngôi huyệt chỗ giếng trong rừng Báng ấy, những gò ở chung quanh, trông hình như cái hoa sen nở ra tám cánh, cho nên nhà Lý truyền ngôi được tám đời, bây giờ thuộc về làng Đình Báng huyện Đông Ngàn.

Vì ngài sinh ra ở chùa Ứng Tâm, cho nên bây giờ thành tên là chùa Dận.

5. Lê Thái Tổ^[4]

Thái Tổ nhà Lê tên là Lợi, người làng Lam Sơn, xứ Thanh Hóa, có chí khí to từ thuở nhỏ.

Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng Như Áng, một bữa đi qua Lam Sơn, thấy có đàn quạ xúm xít bay liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng: “Chỗ này là chỗ đất hay đấy!” mới đem làm nhà ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào trường ở xứ ấy. Được ba đời thì sinh ra ngài.

Cuối đời nhà Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi, nhà Minh sai bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh sang đánh, bắt được cả hai bố con Hồ Quý Ly đem về Tàu rồi chiếm giữ lấy nước Nam, làm ra lắm sự tàn ác: Nào là bắt dân khai mỏ vàng, săn voi trắng; nào là bắt dân mò hạt trân châu. Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hương trắng, rùa rùa chín đôi, vượn bạch, trĩ to. Lại lắm chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ải, bởi vậy trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khổ đốn lăm.

Thái Tổ trông thấy tình hình làm vậy, có chí muốn ra dẹp loạn để yên dân.

Người nhà Minh vốn biết ngài là hào kiệt nước Nam, muốn dụ ngài ra làm quan, ngài không thềm ra, nói rằng:

- Đại trượng phu nên giúp lúc nạn to, lập nên công lớn, chứ lại thềm làm đầy tớ người ta à!

Đến năm Mậu Tuất (1418), ngài nhân được thanh thần kiếm, và được bọn Nguyễn Trãi, Trần Hãn đến giúp nhận mới mộ quân khởi nghĩa chiêu dụ hào kiệt. Đánh nhau với quân nhà Minh, lắm trận gian truân, mà chí ngài vẫn không núng.

Một khi, ngài thua trận ở Côi Huyện, quân sĩ tan chạy mất cả, chỉ còn độc một mình chạy trốn. Tướng nhà Minh đem quân đuổi theo, ngài túng thế không biết làm thế nào, xảy gặp một ông lão nhà quê đang tát ruộng cây mạ, ngài nhảy ngay xuống ruộng cầm mạ cây đờ cho ông ấy. Một lát, quân Minh đuổi đến nơi, thấy người làm ruộng, hỏi thăm rằng:

- Có thấy ai chạy qua đây không?

Ông lão làm ruộng đã biết ý, chắc ngài là vua Lê, mới trò tay về phía trước mặt nói rằng:

- Tôi vừa thấy một người chiến tướng, hớt hơ hớt hải chạy về mé trước kia kia!

Quân nhà Minh tưởng thực, kéo cả đi về mé trước ngài nhân thế được thoát.

Lại một bữa quân Minh đuổi kịp quá, phải núp mình vào trong bụi rậm. Quân Minh có con chó săn cực khôn, lòng lầy cắn vào trong bụi. Quân Minh cầm giáo xia vào, bỗng thấy một con cáo chạy ra, quân mới bỏ đám ấy mà đi, nhân thế lại được thoát.

Lại một buổi đánh nhau với Tham tướng Minh là Phùng Quý, thua trận chạy về đến núi Linh Sơn, quân hết lương ăn, phải nhịn đói mất hơn hai ngày, chỉ đào củ chuối và hái rau ăn trừ bữa.

Tuy vậy, càng thua lại càng phần chân, chớ không ngã lòng, vả lại được các tướng giúp đỡ, như bọn Lê Sát, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Lê

Triện, ai nấy cũng giốc một lòng; cho nên dần dần lại chuyển thua thành được. Về sau đánh được Trần Trí, đuổi được Phương Chính, chém được Liễu Thăng ở núi Mã An bắt được bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc, trong mười năm trời quét sạch bờ cõi, bấy giờ ngài mới lên ngôi Hoàng đế.

Khi ngài thành công rồi, một bữa ngự thuyền rồng chơi trong hồ Tả Vọng, bỗng thấy một con rùa to bơi trên mặt nước, ngài cầm thanh thần kiếm chỉ xuống, không ngờ bị con rùa ấy đớp lấy rồi lặn mất, bởi vậy đổi tên hồ ấy là hồ Hoàn Kiếm, nghĩa là giả gươm của trời.

Ngài đem lại nước Nam, làm nên công nghiệp hiển hách, truyền đời ngót năm trời, thật là một vị đại anh hùng đệ nhất nước Nam.

*6. Bắc Bình vương

Bắc Bình vương tên là Nguyễn Văn Huệ, người làng Tây Sơn tỉnh Quy Nhơn, em vua Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc.

Bắc Bình vương tiếng to như chuông mắt sáng như điện, sức khỏe tuyệt trần, mỗi khi lâm trận, chỉ hai tay cầm hai dùi đồng, phi ngựa xông vào giữa trận, hàng mấy nghìn người cũng không địch nổi. Lại có trí mưu quyền biến, mẹo mực như thần.

Khi trước giúp anh khởi loạn ở trong Quy Nhơn, về sau giữ từ Thuận Hóa giở ra, tự xưng là Bắc Bình vương.

Trong năm Bính Ngọ thời Cảnh Hưng (1786), đem quân ra Bắc Hà, mưu trừ họ Trịnh để giúp nhà Lê. Giết được Trịnh Khải, lập vua Chiêu Thống nhà Lê, rồi đem binh về đóng ở Phú Xuân, mà sai bộ tướng và Võ Văn Nhậm đóng quân ở Nghệ An, để rình tin tức ngoài Bắc Hà.

Năm sau, nhân có Nguyễn Hữu Chỉnh muốn giúp vua Chiêu Thống để cự nhau với mình, mới sai Văn Nhậm đem quân ra đánh Hữu Chỉnh, đuổi mãi đến núi Tam Tàng bắt được, giải thầy giết chết. Rồi lưu Ngô Văn Sở cùng Ngô Nhậm ở lại trấn thủ Thăng Long, lập Sùng Nhượng công Duy Cận giám quốc.

Vua Chiêu Thống chạy sang Tàu cầu cứu. Vua Càn Long nhà Thanh sai Tổng đốc lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị đem quân lưỡng Quảng cùng Vân, Quý hơn 20 vạn chia làm hai đường kéo sang.

Ngô Văn Sở đem quân lui vào đóng ở Tam Điệp, Biện Sơn, đưa tin vào cáo cấp.

Bắc Bình vương được tin cả giận nói rằng: “Những quân Ngô cầu này sao dám dông dờ làm vậy!” Bèn sai hạ lệnh khởi binh, các tướng sĩ đều xin trước chính vị hiệu, để hệ nhân tâm, rồi sẽ đem quân ra. Ngày hôm 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Bắc Bình vương lên ngôi Hoàng đế, kỷ nguyên là Quang Trung. Rồi khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ đem ra Bắc Hà, ngày 20 tháng chạp, kéo đến núi Tam Điệp, khao thưởng quân sĩ, truyền cho ba quân tạm làm lễ tết nguyên đán, hẹn đến mồng 7 tháng giêng, ra thu phục được thành Thăng Long rồi sẽ mở tiệc khai hạ. Tức thì chia quân các đạo kéo ra. Mồng ba tháng giêng năm Kỷ Dậu (1788) kéo quân đến vây đồn Hạ Hồi, (bây giờ thuộc phủ Thường Tín, Hà Đông), truyền loa gọi dạ ầm ầm, đến hàng vạn người; quân Tàu trong đồn sợ run cầm cập, bỏ tan mà chạy, bắt được giết sạch, không còn tên quân Tàu nào chạy lọt mà về báo Thăng Long được nữa.

Vua Quang Trung thừa thắng đánh tràn đến đồn Ngọc Hồi, Văn Điển, Yên Quyết, giết được tướng Tàu là Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, Tri phủ Diên Châu Sâm Nghi Đống. Tôn Sĩ Nghị đóng quân ở bên sông Nhị, nghe tin báo vội vàng lên ngựa qua phù kiều chạy sang bắc, quân sĩ tranh cầu đổ xô nhau mà chạy, cầu đổ, chết hàng mấy vạn người, nước sông Nhị đến nổi không chảy đi được; hôm ấy là mồng 5 tháng giêng, vua Quang Trung mặc áo chiến bào xông pha trong trận, thẳng vào thành Thăng Long, mà áo chiến bắt hơi sũng sấm đen cả lại. Vua Quang Trung lại sai quân đuổi theo quân Tàu đến cửa Nam quan tỉnh Lạng Sơn, nói phao lên rằng: sắp kéo tràn qua cửa quan đuổi giết, để theo tìm vua Chiêu Thống. Người Tàu cả sợ, già, trẻ, lớn, bé, công nhau mà chạy, từ cửa Nam Quan giờ về bắc, vài trăm dặm, vắng ngắt, không còn có hơi khói lửa người ở.

Vua Quang Trung đánh được trận ấy, sai người nhặt thây quân Tàu chất lại thành đống, rồi đắp đất lên, tục truyền là gò Đống Đa ở

huyện Vĩnh Thuận (bây giờ là huyện Hoàn Long, Hà Đông).

Khi Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy, vua Quang Trung bắt được những tờ sắc dụ của vua Tàu, biết được ý Tàu chỉ giả dạng đồ lợi, chứ chẳng có ý gì phù Lê. Nhân khi ấy Tàu đã sai Phúc Khang An ra thay Sĩ Nghị làm lương Quảng Tổng đốc, chuyên ý giảng hòa. Vua Quang Trung mới sai sứ sang giảng hòa, và cấp lương ăn cho những quân Tàu bắt được hơn 800 người mà đưa sang giả Tàu.

Vua tàu dụ phải thân sang châu. Năm Canh Tuất, vua Quang Trung đổi tên là Nguyễn Quang Bình, sai cháu là Phạm Công Trị trạng mạo giống mình, đội tên sang thay mình để triều cống; ngoại thức cống phẩm lại đưa sang cống hai cặp voi đực, quân Tàu phải đưa đón đi dọc đường rất khổ sở. Khi đến nơi hành tại trên sông Nhiệt Hà, vào châu vua Tàu. Vua Tàu tưởng thực vua Quang Trung, thưởng cho rất hậu, ngự bút lại đề bốn chữ đại tự và thơ, câu đối ban cho. Khi vào bệ kiến từ về, lại ban cho áo mũ đồ đạc, bằng các vị thần vương, và vời đến gần sập ngự, vỗ vai phủ dụ ôn tồn, lại họa ngự cảnh ban cho.

Vua Quang Trung từ đấy lập Nghệ An làm Trung đô, đổi Thăng Long làm Bắc Thành, dựng sở đình, đền; đình chia làm ba hạng, đền chia làm ba đẳng. Lại lập ra *tín bài*, đề bốn chữ: “*Thiên hạ đại tín* 天下大信” bắt dân đình nộp thuế phải đề rõ tên họ, niên canh, quán chỉ, cặp chỉ làm tin, nếu người nào không có thẻ thì là lậu đình, bắt phải sung dịch, mà lý trưởng phải phạt. Lại dịch nhân thế xét bắt quấy dân, có kẻ phải chui vào hang để trốn rất là khổ sở.

Vua Quang Trung lại muốn thừa cơ, lấy lại đất Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam của nước Nam khi xưa, đã mộ binh đóng tàu chiến, sắp sửa làm biểu sai sứ sang Tàu cầu hôn, đề dò ý vua Tàu, mượn chuyện để khởi binh, chẳng may gặp phải bệnh mất, việc ấy lại phải đình đi. Vua Quang Trung lên ngôi được 3 năm, thọ 40 tuổi.

*7. Đức Gia Long

Bản triều Thế Tổ Cao hoàng đế

Đức Gia Long là con giai thứ ba đức Hưng Tổ, là cháu đức Duệ Tôn. Khi đức Hưng Tổ băng, thì ngài mới lên 4 tuổi. Khi lớn lên, ngài thiên tư thông tuệ khác thường, đức Duệ Tôn lấy làm khí trọng lắm.

Khi ấy đức Duệ Tôn nối nghiệp chúa ở Thuận Hóa. Nhưng có kẻ quyền thần là Trương Phúc Loan chuyên quyền; mà trong Qui Nhơn thì anh em Tây Sơn là Nhạc, Huệ nổi lên; ngoài Bắc Hà thì Trịnh chúa sai Hoàng Ngũ Phúc vào xâm lấn; Thuận Hóa thất thủ, ngài theo đức Duệ Tôn chạy vào Quảng Nam, rồi lại vượt bể vào Gia Định. Đức Duệ Tôn cho ngài làm Chương sử, coi một đạo quân Tả dục. Ngài liệu tính việc quân không sai một ly nào, các hàng chư tướng đều giốc lòng theo ngài.

Một hôm, ngài hộ giá đức Duệ Tôn đương đi nửa đường, chợt nghe có quân giặc đuổi theo. Đức Duệ Tôn thấy nguy cấp lắm, mới nhường con ngựa cho ngài cưỡi, giục ngài đi lên trước; ngài bắt đắc dĩ phải nhận ngựa cưỡi đi lên. Đi một lát, lại dừng ngựa đợi. Khi đức Duệ Tôn theo lên kịp thấy ngài vẫn đứng đợi ở ven đường. Đức Duệ Tôn nói rằng: “Cháu ta có bụng tốt như vậy, trời thực chứng giám cho.”

Năm Bính Thân, ngài đến Tam Pụ (tục gọi Ba Đổng, thuộc Định Tường), chiêu mộ quân Đông Sơn (là bọn Đỗ Thanh Nhân, tự xưng là Đông Sơn tướng quân). Sực có quân Tây Sơn vào cướp Sài Gòn, đức Duệ Tôn phải chạy đến Đàng Giang, ngài đem quân Đông Sơn đến ứng viện, rước đức Duệ Tôn chạy đến Cần Thơ; rồi lại chạy đến Long Xuyên, thì đức Duệ Tôn bị nạn. Đàng đêm, ngài muốn vượt thuyền ra bể để tránh giặc, khi thuyền quay mũi ra thì có con cá sấu ba lần đến ngăn trở thuyền ngài lại, không đi được. Sáng hôm sau, cho thám xem, mới biết đêm qua có thuyền giặc đón eo ở mé trước. Ngài phải chạy ra cù lao Thổ Châu.

Sau ngài lại đảo về cử nghĩa binh ở Long Xuyên, đánh phá quân Tây Sơn ở doanh Long Hồ (bây giờ là Vĩnh Long), thu phục được thành Sài Gòn lần thứ nhất.

Năm Mậu Tuất (niên hiệu Lê Cảnh Hưng thứ 39, lịch tây 1777), chư tướng tôn ngài lên làm Đại nguyên soái, nhiếp quốc chính, khi ấy ngài mới 17 tuổi. Đến năm Canh Tí (1779), tháng giêng, ngài lên ngôi vua ở Sài Gòn.

Năm Nhâm Dần, quân Tây Sơn kéo vào cửa bể Cần Thơ, ngài sai Chương cơ Tổng Phúc Thiêm điều bát quân thủy ra cự chiến. Quân Tây Sơn thừa thế tiến vào hãng lắm. Cai cơ Mạn Hòe (Manuel, người Pháp) cưỡi tàu xông vào cự địch, quân giặc ném thuốc súng xuống đốt tàu, Mạn Hòe tử tiết. Ngài thân đốc binh thuyền ra ứng tiếp, mình mặc nhung y, đầu đội nón chiến, tay cầm súng đứng trên mũi thuyền, bắn sang thuyền giặc. Ngài bắn súng cực giỏi, không phát nào sai, (tay súng ấy phong là: *Võ công lương khí*) hô chư quân vừa đánh vừa lui, rồi ngài ngự đến Tam Pụ, thành Sài Gòn lại mất về Tây Sơn.

Sau ngài ngự thuyền ra cù lao Phú Quốc. Tháng tám năm ấy, Chu Văn Tiếp cử binh kéo cờ hiệu bốn chữ: “*Luong son tá quốc*” lại về thu phục được thành Sài Gòn lần thứ hai. Ngài ngự giá từ Phú Quốc trở về, sai sứ sang Xiêm La thông hiếu.

Năm Quý Mão, Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ đem quân vào đánh phá cửa Cần Thơ, ngài phải ngự đến Tam Pụ, bày tôi theo hầu ngài chỉ còn có Nguyễn Kim Phẩm và năm sáu người mà thôi, ngài đi đến sông Lật Giang, quân giặc đuổi theo kịp lắm, mà nước sông chảy xiết quá, không có đò sang, ngài vốn tài bơi lội, bèn bơi vượt sang được bờ bên kia sông. Khi chạy đến Đãng Giang, khúc sông ấy nhiều cá sấu lắm, không thể bơi sang được, may có con trâu nằm ở bờ sông, ngài mới cưỡi trâu sang sông, đến giữa dòng nước chiều dâng lên to, chìm cả trâu, may có con cá sấu đưa giạt vào bờ, ngài ngự đến Mỹ Tho, rồi rước cả Quốc mẫu và cùng gia quyến ra trú ở cù lao Phú Quốc. Quân Tây Sơn chợt kéo đến, ngài phải chạy ra cù lao Côn Lôn (Poulo condor).

Nguyễn Văn Huệ đem quân thủy bỏ ra bao vây Côn Lôn, thế rất nguy cấp, bỗng đâu trời nổi cơn mưa bão, mây kéo mù mịt, thuyền ghe giáp nhau mà cũng không trông rõ mặt người, sóng bể ầm ầm, thuyền giặc chìm đắm không biết bao nhiêu mà kể. Ngài ngự một chiếc thuyền vượt ra ngoài trùng vi, bạt phong đến cù lao Cổ Cốt. Ít bữa lại về Phú Quốc, lương thực hết cả, quân lính đến nổi phải đào rễ cỏ, củ mài mà ăn. Lúc bấy giờ có một nạng lái buôn là thị Uyển người Hà Tiên chờ một thuyền gạo lại hiển.

Khi ấy ngài nghe ông Bá Đa Lộc (Evêque d'Adran) ở Chân Bôn, bèn sai người đến bàn tính, rồi giao ông hoàng tử Cảnh mới lên bốn tuổi cho ông Bá Đa Lộc đưa sang Pháp quốc để cầu viện.

Hoàng tử Cảnh đi rồi, ngài đem ra 20 lạng vàng, chia đôi đưa cho bà Nguyên phi (Tổng thị sinh ra ông hoàng tử Cảnh) một nửa mà bảo rằng: “Con ta đi rồi, ta cũng phải ra đi, Phi phụng dưỡng quốc mẫu ở đây, chưa biết sau này ngày nào lại gặp được nhau mà ở tại chỗ nào, thì cứ lấy vàng này mà làm tin.”

Nói rồi, ngài ngự thuyền vào cửa bể Mali, để dò thám quân giặc; chợt gặp hơn hai mươi chiếc thuyền giặc đến vây; thuyền ngài vội vàng giương buồm cứ trông theo phương đông mà chạy, phiêu lưu ngoài bể bảy ngày đêm, trong thuyền hết cả nước uống, quân sĩ đều khát. Ngài mới mật khẩn rằng: “Nếu ta có phận làm vua, thì giạt thuyền vào bờ, để cứu lấy mạng người trong thuyền này. Nhược bằng không thì đánh chìm đắm ở giữa bể này, cũng cam tâm vậy!”

Vụt chốc, gió lặng, sóng yên, trông thấy trên mặt nước, hắc, bạch chảy rề dờn, một bên nước trong leo lẻo, trong thuyền một người ném thử thấy ngọt, hô lên rằng: “Nước ngọt...!” Rồi tranh nhau múc uống, khỏi cả phiền khát, vừa múc được bốn năm chĩnh, thì nước bể lại mặn như trước.

Khi giặc lui đi rồi, ngài lại ngự thuyền về Phú Quốc. Quốc mẫu thấy ngài về cả mừng. Ngài mới kể lại tình trạng lúc bạt phong giữa bể, để quốc mẫu nghe. Quốc mẫu than rằng: “Con ta bên trời, góc bể, lịch duyệt gian nan. Nhưng xem như trận gió Côn Lôn, nước ngọt giữa bể, thì ý trời khá biết, chớ thấy gian hiểm mà ngã lòng.” Ngài bái tạ xin vàng lời dạy.

Lúc ngài đi bể, chỉ dùng muối, ớt, gừng, tỏi, hồ tiêu, hội hương, quế chi, ô mai, bầy tám vị ấy đều tán nhỏ trộn lẫn với nhau để làm thức ngự thiện. Ngài thường ban cho các tòng thân, và bảo rằng. Đi chôn sơn, hải lam chương, nên ăn những thức này, và tỏ ý rằng ta cùng với các người cũng cam khổ vậy.”

Năm Giáp thìn, ngài sang Xiêm La cầu viện. Vua Xiêm cho hai tướng đem 20.000 thủy binh, 300 chiến thuyền sang giúp. Nhưng bị

Nguyễn Văn Huệ phục binh đánh tan cả. Ngài lại ngự sang thành Vọng Các (Bangkok, kinh đô Xiêm).

Khi ấy ngài có giúp Xiêm đánh tan quân Miến Điện. Vua Xiêm cảm tạ lại muốn giúp binh. Nhưng ngài biết rằng dẫu quân Xiêm có giúp cũng vô ích. Mà Nguyễn Văn Thành cũng tâu rằng: “Ta nên dưỡng sức đợi thời, có thể tự làm lấy được, không nên dẫn quân rợ vào chốn trong địa nước mình.” Ngài lấy làm phải.

Bấy giờ nghe tin anh em Tây Sơn khích bác nhau, ngài mới quyết kế kéo quân về, nghĩa binh các đạo đều đến họp tập, thanh thế lừng lẫy. Tháng tám năm Mậu Thân, lại thu phục được thành Sài Gòn lần thứ ba. Tháng sáu năm Kỷ Dậu, Bá Đa Lộc đưa ông hoàng tử Cảnh tự Tây về, và đưa hai tướng là Nguyễn Văn Chấn (Vannier), Nguyễn Văn Thắng (J.B. Chaignau^[5]) sang giúp.

Năm Canh Thân, ngài thống suất thủy, bộ chư quân ra cứu viện thành Bình Định, Thị Nại dùng chước hòa công đánh phá thủy đồn.

Năm Tân Dậu, ngài kéo quân ra thu phục được Phú Xuân. Từ đây đánh tràn đi, diệt Tây Sơn, định Bắc Hà, nhất thống cả Nam, Bắc

Năm Nhâm Tuất, (năm thứ 7 vua Gia Khánh nhà Thanh lịch Tây 1802) kỷ nguyên *Gia Long*, đưa thư sang Tàu định quốc hiệu là Nam Việt, nghĩa là ngài mở rộng được cõi Nam kỳ, mà có cả toàn Việt. Nhưng vua Gia Khánh lại đổi lại đề chữ Việt trên chữ Nam, cho là triều Nguyễn ta trước chiếm có đất Việt Thường, nay có cả cõi An Nam. Ngài đưa thư sang chiết biện mãi rồi mới đặt quốc hiệu là *Việt Nam*.

Ngài mở mang cõi nước Nam ta thêm rộng ra được 6 tỉnh Nam kỳ, buổi đầu rất là gian lao, nào là đặt quan Điền tuần; mở đất đồn điền; phân hoạch địa giới Gia Định Định Tường; đào thông ngòi lạch Hà Tiên, Châu Đốc. Lại còn đặt ra tòa đệ chính ở Bắc Thành định ra đề thức; soạn ra bộ nhất thống địa dư; định ra điều lệ hương đảng; định phép tuyển duyệt; nghiêm cấm đồ bác; định luật lệ 398 điều. Đó là qui mô khai quốc, kể lược qua như vậy. Lại còn công việc ngài giao thiệp với nước Xiêm La; thông hiếu với nước Đại pháp; xử trí nước Chân Lạp, Vạn Tượng, đều qui phục cả.

Công đức ngài kiêm cả trung hưng, sáng nghiệp triều Nguyễn ta, trong 22 năm mới thu phục được cựu kinh, lên ngôi được 18 năm, thọ 58 tuổi, miếu hiệu là Thế Tổ Cao hoàng đế, ngài thực là một vị vua khai sáng anh hùng.

Chương thứ II CÁC BẠC DANH THẦN

8. Lý Thường Kiệt

Thường Kiệt tự là Hi Liệt, người làng Thái Hòa huyện Thọ Xương, (tức là thành phố Hà Nội bây giờ), có tài kiêm cả văn võ. Khởi thân làm Thái giám. Đến thời vua Nhân Tôn nhà Lý, làm đến chức Thái Úy, Trong năm Thái Ninh, nước Chiêm Thành đến quấy nhiễu xứ Nghệ An, vua sai Thường Kiệt cầm quân đi đánh, Thường Kiệt đánh đuổi về mãi nước Chiêm, lấy được châu Bố Chính, châu Địa Ly và châu Ma Linh, mới sai về địa đồ ba châu ấy, đổi châu Địa Ly làm phủ Tân Bình, châu Ma Linh làm châu Minh Linh, (tức Quảng Bình, Quảng Trị bây giờ) chiêu mộ dân nghèo cho sang ở đấy khai khẩn.

Đến năm Thái Ninh thứ tư, vua Thần Tôn nhà Tống sai Thẩm Khởi, Lưu Lộng ra coi Quý Châu, có ý muốn dòm nom nước Nam. Vua Nhân Tôn sai Thường Kiệt đem quân đi cự quân Tống, Thường Kiệt đánh tràn sang nước Tàu, hạ được châu Khâm, châu Liêm, và vây hãm châu Ung, giết hại quân nhà Tống hơn vạn người.

Năm sau, vua Tống sai Quách Qui làm Chiêu thảo sứ, đem 9 tướng chia đường đi sang hội với nước Chiêm Thành, nước Chân Lạp, để quấy nhiễu nước Nam. Vua lại sai Thường Kiệt đi đánh, đánh trận nào được trận ấy, quân nhà Tống chết hơn nghìn người, phải bỏ mà về.

Khi ấy, Lý Giác khởi loạn ở xứ nghệ, Giác có yêu thuật, làm cho cỏ cây biến thành binh mã, quan quân đánh mãi không phá được. Thường Kiệt bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, tình nguyện xin đi đánh, thì mới dẹp tan được đám ấy.

Nhân có công to ấy, được tiến tước phong làm đại vương. Về sau mất được phong làm thượng đẳng phúc thần.

*9. Tô Hiến Thành

Tô Hiến Thành là bậc trung thời đời vua Anh Tôn nhà Lý, tài kiêm văn, võ, có công đánh phá Ai Lao cùng rợ Nguu Hống (bây giờ thuộc huyện Hưng Hóa An châu). Lai nã bắt được đảng giặc Thân Lị, làm đến chức Thái úy.

Khi ấy có quân Chiêm Thành thường vượt bể vào cướp bóc nhân dân ở miền ven biển. Hiến Thành phụng mệnh đi đánh, kéo quân vào đến nước Chiêm (bây giờ là Bình Định Phú An), đưa thư thiết trách chúa Chiêm, không giữ lễ phiên thần triều cống, lại bày tỏ điều lợi hại để chiêu dụ, chúa Chiêm sợ phải sai sứ đem trân châu phẩm vật, vào cống hiến xin giảng hòa. Hiến Thành mới phụng mệnh đem quân về.

Bấy giờ Thái tử Long Xương bị xử tội tư thông với cung phi, phải truất phế làm thứ dân. Vua Anh Tôn mới họp các tể thần lại dụ rằng: “Ngôi thái tử là cột rễ trong nước, nay Long Xương đã làm điều bất đạo, trẫm muốn lập Long Cán để nối đại thống, nhưng e tuổi còn thơ ấu, sợ rằng không kham nối chặng?” Vừa khi ấy quan nội nhân ăm Long Cán mới lên ba tuổi ra chơi, trông thấy khăn ngự của vua đội, nhất định đòi cho được, vua chưa kịp cho, thì lại càng khóc thét mãi lên. Vua phải hạ khăn xuống đưa cho, thì Long Cán cả cười. Vua Anh Tôn lấy làm lạ, mới quyết định lập Long Cán làm thái tử. Bèn cho Tô Hiến Thành làm Thái phó, gia phong vương tước, để phụ lập Long Cán nối ngôi.

Khi Anh Tôn mất, Thái hậu muốn lập Thái tử cũ là Long Xương sai đem vàng hối lộ cho vợ Hiến Thành là Lã thị phu nhân. Hiến Thành nói rằng: “Ta là đại thần, nhận tờ di chiếu giúp ngôi ấu chúa; nếu lại tham lấy của hối lộ, bỏ vua này, lập vua khác, thì còn mặt mũi nào trông thấy đáng tiên đế ở dưới suối vàng nữa.”

Thái hậu lại vời Hiến Thành đến khuyên dỗ trăm đường, Hiến Thành nhất định không nghe, nói rằng: “Làm điều bất nghĩa mà được phú, quý, người trung thần, nghĩa sĩ không thèm làm. Phương chi lời đáng tiên đế dặn lại hãy còn văng vẳng ở bên tai, tôi đâu lại dám cãi lời; Thái hậu lại chẳng nghe chuyện YDoãn, Hoắc Quang^[6] đời trước à!” Thái hậu khuyên dỗ mãi cũng không chuyển.

Khi Cao Tôn lên nối ngôi, Thái hậu lại họp cả quần thần lại để mưu phế, lập; các quần thần đều thưa rằng: “Quan Thái phó đã tuân tờ di chiếu, lập ngôi ấu chúa, chúng tôi không dám trái lời.” bởi vì khi ấy Hiến Thành quản cấm binh, phụ quốc chính, hiệu lệnh nghiêm mật, thường phạt công bình, trong nước đều qui phục cả, cho nên không ai dám có mưu gì khác nữa.

Khi Hiến Thành phải bệnh gần mất, có quan Tham chi chính sự là Vũ Tán Đường thường ngày đêm xuống hầu hạ thuốc thang luôn, còn quan Giám nghị đại phu là Trần Trung Tá vì bận việc ít khi đến. Một hôm Thái hậu ra thăm, hỏi Hiến Thành về sau ai có thể thay ông được? Hiến Thành thưa rằng: “Có người Trung Tá.” Thái hậu ngạc nhiên nói rằng: “Tán Đường hầu thuốc thang luôn ở đây, sao ông không cử đến.” Hiến Thành đáp rằng: “Ngài cốt hỏi người thay tôi để giúp nước, thì tôi cử Trung Tá. Nếu ngài hỏi người hầu hạ, thì tôi mới cử Vũ Tán Đường.” Thái hậu khen là trung trực.

Hiến Thành là bậc cố mệnh nguyên thần, hết lòng trung thành giúp ngôi ấu chúa, thời bấy giờ lấy làm ý trọng; lại khéo xử lúc biến cố, chẳng chút chuyển di, người đời sau thường ví Tô Hiến Thành cũng như ông Gia Cát Vũ hầu giúp vua Hậu Chủ nhà Hán.

10. Hưng Đạo Đại Vương^[7]

Vương họ Trần tên Quốc Tuấn, quê ở làng Tức Mặc, tỉnh Nam Định, con ông An Sinh vương Liễu, (anh ruột vua Trần Thái Tông).

Khi trước An Sinh vương phu nhân, nằm mơ thấy một ông thần tinh vàng tướng ngọc, tự xưng là Thanh tiên đồng tử phụng mệnh Ngọc hoàng xuống xin đầu thai, nhân thế có mang. Đến lúc sinh ra vương, có hào quang sáng rực cả nhà và có mùi hương thơm ngào ngạt.

Vương, khôi ngô kì vĩ, thông minh sớm lắm, lên 5, 6 tuổi, đã biết làm thơ ngũ ngôn, và hay bày chơi đồ bát trạn. Khi gần lớn, học rộng các sách, thông hết lục thao, tam lược có tài kiêm cả văn võ.

Trong năm Nguyên Phong thứ bảy thời vua Thái Tông (1257). Có giặc Mông Cổ lấn vào phận Hưng Hóa, vua sai vương cầm quân lên giữ mặt thượng du.

Đến đời vua Nhân Tông, Mông Cổ lại sai Thoát Hoan đem bọn Toa Đô, Ô Mã Nhi chia đường sang đánh nước Nam, vương phụng mệnh thống lĩnh các quân của vương, hầu, hội cả ở trại Vạn Kiếp, để chống nhau với quân Mông Cổ. Bấy giờ thanh thế Mông Cổ đang mạnh, vương phải rước xa giá Hoàng đế lánh vào Thanh Hóa. Hoàng đế thấy sự thế nguy cấp, muốn hàng, vương không nghe, tâu rằng:

- Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hết chặt đầu thần đi đã, rồi sẽ hàng cũng chưa muộn. Đầu thần còn thì xã tắc cũng còn, xin bệ hạ chớ lo.

Vua thấy nói cứng cỏi làm vậy, trong bụng cũng yên. Đến tháng tư, phá được quân Mông Cổ ở cửa sông Hàm Tử. Tháng năm, lại đánh vỡ quân Mông Cổ và chém được Đại tướng là Toa Đô ở đất Tây Kết, Thoát Hoan phải rút quân về Tàu.

Năm Trùng Hưng thứ ba, Thoát Hoan lại đem bọn Ô Mã Nhi, A Bát Xích sang quấy thứ nữa. Vương sai Trần Khánh Dư phục quân chặn đường, đốt phá được hết thuyền lương của giặc ở cửa bể Lục Hải, (thuộc huyện Hoàn Bò, tỉnh Quảng Yên). Thoát Hoan cạn lương, muốn rút quân về, vương phục sẵn quân ở sông Bạch Đằng, đóng cột chông ngầm dưới nước, chờ lúc thủy triều lên ra khơi chiến, dừ cho quân giặc đuổi đến chỗ mai phục, thì nước vừa xuống, thuyền giặc vướng mắc cột chông chìm đắm rất nhiều, mới thả quân mai phục ra đánh, bắt sống được Ô Mã Nhi, và bắn chết được Trương Ngọc, còn A Bát Xích, Thoát Hoan trốn được về Tàu.

Tự bấy giờ quân Mông Cổ sợ uy danh của ngài, không dám gọi tên, chỉ gọi là Hưng Đạo Vương, và không dám sang quấy nhiễu nữa.

Khi Thoát Hoan sang xâm thứ sau, có một tên ti tướng là Nguyễn Bá Linh (tức Phạm Nhan), có yêu thuật, biến hiện trăm chiều, vương phải lập trận cầu cung mới phá được. Khi bắt được Bá Linh rồi, chém thế nào cũng không chết, vương lại phải dùng đến thần kiếm chém nó mới chịu.

Vương ba thứ phụng mệnh chống nhau với quân Mông Cổ, trải lắm phen gian truân, mà vẫn vững vàng niềm không núng, cho nên về sau phá được quân giặc, lập nên công to, để cho nước Nam lại vững như cái âu vàng.

Ngài nhân có công ấy, được tiến phong làm Thái sư thượng phụ Hung Đạo đại vương. Vua tôn kính coi như đạo cha, lập ra miếu sinh từ ở Vạn Kiếp và khắc văn bia để tỏ công đức của ngài.

Ngài thường soạn ra một quyển sách gọi là: “*Binh pháp yếu lược*”, để ban cho các tướng, lại lập ra trận đồ cửu cung bát quái, thần diệu vô cùng.

Khi ngài già, về trí sĩ ở Vạn Kiếp, hưởng thọ ngoài 70 tuổi mới mất, trên từ vua cho chí các quan, dưới đến trăm họ, ai ai cũng thương tiếc.

Bây giờ mỗi năm về hôm 20 tháng tám là ngày húy nhật ngài, thiện nam tín nữ đến lễ bái đến Vạn Kiếp thành ra một ngày hội to.

11. Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi hiệu là Úc Trai tiên sinh, cha ông ấy là Tự Khanh công, nguyên người ở huyện Phượng Nhỡn. Ông cụ ấy hay địa lý, mới đem tiên phần sang táng ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, rồi làm nhà và nhập tịch làng ấy.

Đời con là Nguyễn Trãi, đỗ tiến sĩ về thời nhà Hồ, làm đến Ngự sử đài chánh chương. Đến lúc nhà Hồ mất, ông ấy về ẩn ở núi Côn Sơn, có bụng muốn ra dẹp loạn cứu đời.

Bấy giờ có người ở làng Hoắc Xa tỉnh Sơn Tây tên là Trần Nguyên Hãn, đi bán dầu kiếm ăn. Một bữa trời tối, đi làng Chèm, mới vào đền Chèm nằm ngủ. Nửa đêm nghe có tiếng ông thần làng khác vào rủ ông Chèm lên châu trời. Ông Chèm nói có quốc công ngừ trợ không đi được. Đến gà gáy ông thần kia giờ về. Ông Chèm hỏi trên trời có việc gì, thì ông kia nói rằng:

- Thượng đế thấy nước Nam chưa có chúa, có cho ông Lê Lợi (tức Lê Thái Tổ) làm chúa, mà ông Nguyễn Trãi thì làm bày tôi.

Trần Nguyên Hãn nghe rõ câu ấy, chịu khó dò hỏi tìm đến nhà ông Nguyễn Trãi, kể lại truyện ấy. Nguyễn Trãi không tin, lại về đền ông Chèm cầu mộng, thì thấy thần báo mộng rằng:

- Việc thiên đình bí mật lắm, không dám nói lộ ra ngoài. Có chị Tiên Dung biết tường việc ấy, và lại là liễn bà, thì trời không trách đến, ông nên đem vàng đến đền ấy mà hỏi.

Ông Nguyễn Trãi nghe lời ấy, đến cầu mộng đền bà Tiên Dung, thì mơ thấy bà ấy gọi bảo rằng:

- Nguyễn Trãi! Lê Lợi làm vua, mà anh thì làm bày tôi, anh chưa biết truyện ấy à?

Ông ấy hỏi cặn kẽ lại thì mới biết ông Lê Lợi là người làng Lam Sơn tỉnh Thanh Hóa. Mới cùng với Trần Nguyên Hãn vào Lam Sơn, hỏi thăm đến nhà ông Lê Lợi. Bấy giờ Thái Tổ còn hàn vi, khi hai ông kia đến, thì ngài đang mặc cái áo cánh cộc, vai vác bừa, tay dắt bò ở ngoài đồng về. Hai ông xin vào hầu, Thái Tổ mời nghỉ lại trong nhà. Xây gặp hôm ấy nhà có giỗ, hai ông kia xuống bếp thổi nấu, trông trộm lên nhà trên, thì thấy ngài ấy cầm giao thái thịt, đang vừa thái vừa ăn.

Hai ông bàn riêng với nhau rằng:

- Bà Tiên Dung nói lừa chúng ta đây, có lẽ đâu khí tượng thiên tử mà lại thế kia bao giờ?

Liền cáo từ ra về, lại đến cầu mộng đền bà Tiên Dung, thì thấy báo mộng rằng:

- Lê Lợi làm vua, trời đã nhất định như thế rồi chỉ vì chưa có thiên tinh giáng đày thôi.

Hai ông lần sau lại đến thăm Thái Tổ, thì bấy giờ ngài đã được quyền thiên thư. Khi ấy đang đêm đóng cửa xem sách. Nguyễn Trãi đứng ngoài cửa dòm vào, rồi đẩy cửa, hai ông cùng vào. Thái Tổ cấp thanh gươm đi ra, hai ông cùng lạy phục xuống đất và nói rằng:

- Chúng tôi xa xôi lặn ngòi noi nước đến đây, là vì thấy ngài làm được chúa thiên hạ, xin cho chúng tôi được theo hầu.

Thái Tổ cười lưu hai người ở lại, mưu việc khởi binh. Ông Nguyễn Trãi lấy mỡ viết vào lá cây tằm chữ: “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần.” Về sau sâu cắn những lá ấy rụng xuống, người ta thấy vậy cho là sự trời định, đồn rục cả lên, bởi thế nhân dân tranh nhau kéo theo về với ông ấy, quân thế mỗi ngày một thịnh.

Đến năm Mậu Tuất, mới bắt đầu ra đánh nhau với quân nhà Minh, ông Nguyễn Trãi bàn mưu lập kế giúp vua Thái Tổ đánh hơn 20 trận. Năm Bính Ngọ, quân ta thắng trận, tiến sát đến Đông Đô, tướng nhà Minh là Vương Thông giữ vững trong thành. Nhà Minh lại sai An Viễn hầu là Liễu Thăng và Kiểm quốc công là Mộc Thạnh chia quân làm hai đường sang cứu Đông Đô. Thái Tổ đón đánh ở núi Mã An, chém được Liễu Thăng, và bắt sống được bọn Hoàng Phúc, Thôi Tụ hơn 300 người, Mộc Thạnh phải trốn về nước, Vương Thông mở cửa thành ra hàng.

Tự bấy giờ hai nước lại thông hiếu, nội là tờ giao thiệp với Tàu, do tự một tay Nguyễn Trãi cả.

Vì có công được phong quốc tính, gọi họ là Lê, mà thăng lên làm Vĩnh lộc đại phu nhập nội hành khiển, coi cả việc trong ba quân và được phong là Tể văn hầu.

Trần Nguyên Hãn thì được phong làm quốc công, đến khi mất, lại được phong làm thành hoàng, bây giờ còn đền thờ ở làng Hoắc Xa.

Nguyễn Trãi văn chương hùng dũng, có khí lực, phạm các bài như là văn “*Bình ngô đại cáo*” cùng là văn bia “*Lam kinh thần đạo*”, có chép vào bộ thực lục, là tự tay ông ấy soạn ra cả.

Tính ông ấy điềm đạm, không ham mê danh lợi, thường có chí muốn từ chức về nhà. Ông ấy có một trại riêng ở tỉnh Bắc, gọi là Tiêu Viên. Đến thời vua Thái Tôn, Nguyễn Trãi trí sĩ về ẩn ở trại ấy. Cuối đời Thiệu Bình, vua Thái Tôn nhân đi chơi qua tỉnh Bắc, vào chơi trại Tiêu Viên, Nguyễn Trãi đi vắng, có người nài hầu hầu là Thị Lộ, ở nhà pha chè hầu vua, chiều hôm ấy vua mất, nịnh thần cho là Thị Lộ giết vua, vì thế cả nhà ông Nguyễn Trãi phải chịu tội chu di.

Khi trước đánh nhau ở núi Mã An, Nguyễn Trãi bắt được thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc, Hoàng Phúc nguyên giỏi nghề địa lý, khi ở nước Nam, bao nhiêu chỗ kiêu đất hay, đã biên ký lấy cả. Bấy giờ phải bắt, Nguyễn Trãi có ý khinh bỉ. Hoàng Phúc cười bảo rằng:

- Mả tổ nhà tôi có Xá văn tinh, chẳng qua chỉ phải nạn trong năm ngày là cùng, không đến nỗi như ông có đất phải chu di tam tộc.

Bấy giờ cũng cho lời ấy nói xằng, về sau quả nhiên Hoàng Phúc được tha về, mà Nguyễn Trãi thì mắc nạn, mới biết lời ấy là nghiêm.

Tục truyền khi ông Nguyễn Trãi chưa đỗ, dạy học ở làng Nhị Khê, thường có sai học trò dọn cỏ một cái gò ở ngoài đồng để làm trường dạy học. Đêm hôm trước, mơ thấy một người đàn bà vào kêu rằng: “Tôi, mẹ yếu con thơ, xin ông khoan cho ba ngày để tôi đem con tôi đi chỗ khác, rồi ông sẽ sai dọn cỏ.” Sáng sớm, thức dậy ra đồng xem thi học trò đã dọn sạch rồi, và bắt được hai cái trứng rắn.

Ông Nguyễn Trãi hỏi học trò thì nói rằng:

- Ban nầy con thấy con rắn ở trong đám cỏ rậm, đánh nó đứt đuôi mà chạy mất, chỉ bắt được hai cái trứng ở đây.

Nguyễn Trãi nghĩ con rắn hắt là người đàn bà báo mộng hôm qua, phàn nàn không ngần nào, mới đem hai cái trứng về nhà nuôi cho nở. Đêm hôm ấy, đang ngồi xem sách, có con rắn trắng leo lên xà nhà, rỏ máu trứng vào chữ *đại* (代) trong trang sách, thấm xuống ba tờ giấy. Nguyễn Trãi biết là nó tất báo oán đến ba đời, đến khi hai cái trứng kia nở ra, thì một con, dài một con ngắn, Nguyễn Trãi sai đem thả xuống sông Tô Lịch ở cạnh làng.

Khi Nguyễn Trãi đã hiển đạt. Một bữa, ở trong triều về, đi qua hàng chiếu, trời đã tối sầm sầm, gặp một đứa con gái đi bán chiếu, nhan sắc tuyệt trần, Trãi đọc lên bốn câu thơ để hỏi đùa.

Thơ rằng:

*Á ở đâu đi bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân thu chừng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa được mấy con?*

Người con gái ấy cũng đọc lên một bài đáp lại:

Thơ rằng:

*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu tuổi mới trăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, có chi con!*

Nguyễn Trãi thấy nói đối đáp ngay được, lấy làm khoái chí lắm. Hỏi tên thì nói tên là Thị Lộ, mới đem về cho làm nàng hầu.

Vua Thái Tôn nghe tin nàng ấy đẹp và hay chữ, sai làm nữ học sĩ, thường thường cho ra vào trong cung.

Khi vua vào chơi nhà ở Tiêu Viên, thì ông Nguyễn Trãi đi vắng, chỉ có Thị Lộ ở nhà. Nàng ấy pha nước dâng lên vua xoi, vua uống phải thì mất ngay. Nguyên Thị Lộ tức là con rắn hiện hình ra làm người để nó báo thù. Khi nó pha nước thì đã nhả cái nọc độc vào trong chén nước, cho nên vua trúng độc mà mất.

Các quan bắt con Thị Lộ vào tra hỏi, thì nó xưng là ông Nguyễn Trãi sai nó, định thần mới chiếu luật bắt tội nhà ông ấy, mà đem con Thị Lộ vào cũ đem quăng ra sông Nhị Hà, thì nó lại hóa ra con rắn ở trong cũ chui ra đi mất.

Lúc nhà ông Nguyễn Trãi đang phải nạn, có người vợ lẽ đang có mang, chạy trốn xuống ở tỉnh Nam. Về sau sinh được người con giai đặt tên là Anh Võ. Ở đã lâu, chủ nhà mới biết là vợ lẽ ông Nguyễn Trãi.

Đến thời Quang Thuận, vua Thành Tôn thương ông ấy mắc phải tội oan, và phong tặng làm Thái sư Tuệ quốc công. Sai tìm dòng dõi nhà ông ấy, thì mới tìm thấy Anh Võ. Vua phong quan chức cho Anh Võ, để nối dõi nhà ông ấy. Đến sau Anh Võ sang sứ Tàu, đi qua hồ

Động Đình, bỗng thấy con rắn ở dưới nước bò lên, rồi thì phong ba nổi lên ầm ầm. Anh Võ biết lại là con rắn trước báo oán, mới khẩn rả: “Xin cho trọn việc nước, rồi đến lúc giờ về sẽ xin chịu tội.” Khẩn vừa đoạn thì sóng gió lại yên. Đến lúc việc sứ xong giờ về, quả nhiên lại nổi cơn sóng gió, đắm thuyền mà mất.

Vua Thái Tôn truy tặng cho làm Thái sư Sùng quốc công.

Trong năm Canh Hưng, triều đình duyệt lại các sắc phong của ông khai quốc công thần. Khi duyệt đến sắc ông Nguyễn Trãi, thì quan thị lang là ông Lê Quý Đôn xé đạo sắc ấy ra nói rằng:

- Bọn loạn thần tặc tử, còn để cáo sắc làm gì nữa.

Nói vừa buông lời, bỗng nhiên ngã gục ngay xuống, rồi thấy hai tên lính bắt đi, đưa đến một chỗ đền đài, tường đều xung quanh, có các cây cỏ thụ hàng mười ô. Trong đền có vài chục chiếc ỹ. Ở mé hữu có một tấm sập, trên sập có một ông quan ngồi, đầu đội mũ, mình mặc áo bố tử. Lính hầu xúm xít xung quanh. Hai tên lính bắt ông Lê Quý Đôn quì ở dưới thềm, rồi ông quan ngồi trên sập thét lên rằng:

- Ta là Tể văn hầu đây, người là sơ học tiểu sinh, sao dám bĩ báng người có công tiền triều, tội người đáng chết!

Lê Quý Đôn ngồi nín lặng, không dám ngẩng mặt lên nhìn. Bên cạnh có người đội khăn lượt mặc áo xanh, kêu van thay cho Lê Quý Đôn, ông quan lại nói rằng:

- Công danh sự nghiệp của ta, không thêm so sánh với người, người đừng tưởng người đồ Bàng nhặn mà đã khinh người, cho người về mà thử xem bài “*Bình ngô đại cáo*” của ta, nếu người làm hay hơn được bài ấy, thì xé sắc của ta cũng phải.

Lê Quý Đôn tỉnh dậy, kinh hãi lắm, lập tức viết lại sắc của ông Nguyễn Trãi. Vì thế sắc của công thần không ai phải tước cả.

12. Trịnh Kiểm

Trịnh Kiểm người làng Sóc Sơn, huyện Chân Phúc, tỉnh Thanh Hóa. Khi còn hàn vi, nhà nghèo lắm, mà thờ mẹ rất hiếu. Mẹ tính hay ăn thịt gà, mà nhà thì không có, ngày nào cũng phải ăn trộm một con gà của láng giềng để nuôi mẹ. Láng giềng ai cũng ghét, một bữa nhân ông ta đi chơi vắng, bắt mẹ ông ta ném xuống vực Tôm ở cạnh làng, để khỏi phải ăn trộm gà nữa. Không ngờ lòng trời run rui, chỗ vực ấy là một huyệt to. Đêm hôm ấy, trời nổi cơn mưa gió lớn, rồi vực ấy bỗng nổi đất lên thành mộ. Về sau có người địa lý Tàu xem ngôi mộ đất ấy, nói rằng: “Ngôi đất này phát ra không phải đế, cũng không phải bà, mà có quyền nhất cả thiên hạ; truyền được tám đời, rồi vạ tự trong nhà sinh ra.”

Trịnh Kiểm tự khi mẹ mất, đi lợ bờ kiếm ăn, nắn ná sang Ai Lao, ở chẵn ngựa cho đức Triệu Tổ đương làm Điện tiền tướng quân, rước con cả vua Cung Đế nhà Lê là vua Trang Tôn chạy sang Ai Lao, tìm kế khôi phục, cho nên ở bên ấy.

Một hôm, đang đêm Triệu Tổ đứng dậy mở cửa ra sân, trông xuống dưới trại, thấy có hai khối tinh đồ đòng đòng, tựa hồ hai bó đuốc, sai người đánh đuốc xuống xem cái gì, thì té là Trịnh Kiểm đang ngủ ở chỗ ấy, hào quang từ trong mắt ánh ra. Triệu Tổ lấy làm kỳ, gọi lên hỏi truyện, thì ứng đối giỏi giang, tài đảm hơn người.

Triệu Tổ thấy người có tướng lạ, biết không phải người tầm thường, đem lòng yêu mến, cử lên làm tướng bộ hạ và gả con gái là nàng Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Tự khi ấy, Trịnh Kiểm theo Triệu Tổ đi đánh giặc, lập được nhiều công trạng to, Triệu Tổ lại càng kính trọng lắm, cử lên làm đại tướng, sai đốc binh ra đánh Nghệ An, dần dần tiến ra đến Thanh Hóa khôi phục được Tây Đô.

Đến khi Triệu Tổ mất bao nhiêu quyền chính của ngài, vua Trang Tôn giao phó cả về tay Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm có quyền to tự đấy.

Trịnh Kiểm tuy người võ, nhưng mưu trí hơn người, giúp vua Trang Tôn, đánh nhau với nhà Mạc, lập lên công trạng, được tiến vị phong làm Thái sư, Dục quận công, sau lại thăng làm Lang quận công. Đến đời con là Trịnh Tùng lại sắc xảo lắm, giúp vua Anh Tôn phá được quân nhà Mạc ở cửa bể Thần Phù, dần dần tiến binh ra thành Thăng Long, bắt được Mạc Mậu Hiệp, đem lại được giang sơn cho nhà Lê, được tiến phong làm Bình An vương.

Từ bấy giờ con cháu họ Trịnh, đời đời tập phong tước vương, quyền chính lẫn cả thiên tử. Trải 200 năm, tám đời truyền kế nhau, đến đời Trịnh Khải bị Bắc Bình vương giết mất, bấy giờ mới hết.

13. Lương Hữu Khánh

Chi họ Lương ở Thanh Hóa, phong phú có tiếng nhất ở vùng ấy. Tổ họ ấy khi xưa sinh được ba con trai, thành ra ba chi. Đang khi cuối đời nhà Trần loạn lạc, một chi xiêu dạt sang Tàu, ở ngụ tỉnh Vân Nam. Có người làm nên, đòi đòi được tập phong tước vương. Một chi thiên ra ở xã Tào Sơn huyện Ngọc Sơn, cũng kể thế đấng khoa. Còn có một chi thì ở xã Hội Trào, huyện Hoảng Hóa, sinh ra ông Lương Đắc Bằng, đỗ Bằng nhãn trong thời Cảnh Thống đời vua Hiến Tôn nhà Lê.

Lương Đắc Bằng vì có người họ ở Tàu, mới mua được nhiều thứ sách quý, cho nên học giỏi về nghề lý số. Ngoại 50 tuổi, chưa có con trai, chỉ có người vợ lẽ có mang được 3 tháng. Khi gần mất, dặn vợ lẽ rằng:

- Nếu mai sau sinh được con trai, thì tất nó làm nên công danh sự nghiệp, tỏ rạng cửa nhà. Khi nào con lớn, thì nên cho đến học ông Trạng Trình ở huyện Vĩnh Lại, thì mới giữ được nền nếp nhà ta.

Nói đoạn thì mất. Về sau quả người vợ lẽ sinh được con trai, mới đặt tên là Hữu Khánh.

Hữu Khánh thông minh sớm, mười tuổi đã biết làm văn; mà sức ăn cực khỏe, thường ăn gấp ba bốn phần người thường mới no. Mẹ lắm khi nhịn đói để con ăn.

Nhà ông ấy nghèo, mới bảo với mẹ rằng:

- Cha tôi khi xưa làm quan thanh liêm, đến nỗi con cháu không đủ cơm cháo mà ăn, vậy mẹ cho tôi đi nơi khác, tùy đường kiếm ăn, kéo đến phiên đến bụng mẹ.

Mẹ buồn rầu nói rằng:

- Mẹ con không nuôi được nhau, đến nỗi để con đi tha phương cầu thực, mẹ lấy làm đau xót ruột lắm.

Nói thế rồi, úa hai hàng nước mắt. Ông ấy từ mẹ đi ra, sang các nhà học trò bên cạnh huyện ngâm thơ làm phú để độ thân.

Một khi đi qua bến đò sông Tam Kỳ, gặp 5, 6 nhà sư tự đám chay về, mang một cái đũa có 100 phẩm oản. Ông ấy từ nói rằng:

- Học trò nghèo nhịn đói đã mấy hôm nay, may gặp được Đại bồ tát, tưởng là có bụng bố thí làm sao, lại bùn xin cho được vài phẩm oản, thì ăn chả bỏ dính mỡ.

Có một nhà sư già cười nói rằng:

- Thầy kia đã gọi là học trò, thì thử làm một bài thơ “Học trò đi thuyền chung với nhà sư”, hễ sang khỏi sông mà xong bài thơ, thì có bao nhiêu oản xin biếu cả.

Ông ấy ngồi trong thuyền, ngâm ngay một bài thơ như sau này:

Một pho kinh sử bộ kim cương,

Đáy đáy cùng thuyền khéo một đường!

Trong hội cổ đàm ngưoi thảo thích;

Trên ngôi đài các tớ nghênh ngang.

Truyện xưa người vẫn cảm Hàn Dũ,¹⁸

Việc trước ta còn oán Thủy Hoàng.¹⁹

Gặp gỡ mây may rồi lại biệt,

Kẻ tròn quả phúc, kẻ vinh xương.

Chưa sang khỏi đò đã vịnh xong bài thơ. Nhà sư mừng rỡ, giốc cả đầy oản ra cho ông ấy. Ông ấy ngồi ngay đầu thuyền ăn một lúc hết 80 phẩm oản. Người trong thuyền ai cũng ngạc nhiên, nhà sư lấy làm kỳ dị, lại tặng thêm một quan tiền và nói rằng:

- Thầy có tài như thế, nay tuy còn ở trong trần ai, nhưng tất có ngày làm nên hách dịch. Sư nghèo này xin dâng một bữa, ngày sau có đắc chí, đánh dẹp đốt phá ở đâu, thì xin chừa những nơi chùa chiền ra, mới là ân huệ.

Sang khỏi đò, ông ấy từ bọn sư đi rồi. Bấy giờ đang lúc Lê, Mạc đánh nhau, dân xã điêu tàn, ông ấy đi đến đâu không kẻ nào nhìn đến, có khi ba ngày mới được ăn một bữa, thường vẫn phải làm mướn kiếm ăn.

Một buổi, sớm đến làng Vĩnh Trị, gặp một bà già ra chợ, gọi người thuê làm ruộng hoang. Hỏi mấy mẫu, thì bà già đưa đến chỗ ruộng sâu, trở ra bảo rằng:

- Chỗ ruộng kia nước sâu, mà cỏ mọc lùm tùm, ước chừng năm mẫu.

Ông ấy bảo rằng:

- Bà cụ về nhà, thổi com độ mười người ăn, và đem sẵn tiền gạo thuê công đến bờ ruộng này, để tôi gọi giúp người làm cho.

Bà kia y lời ấy giờ về làm com. Ông ấy mới cầm một con dao to lọi xuống ruộng dọn cỏ, chưa đến buổi trưa, đã dọn quang cả 5 mẫu ruộng. Dọn xong, nằm ngủ dưới gốc cây, tiếng ngáy như sấm.

Một lát, bà già sai người nhà đem com đến, gọi ông ấy thức dậy, ông ấy ăn một lúc, hết cả hai mâm com, rồi lấy tiền gạo mà đi.

Chúng tưởng là thần, dần dần mới biết là con quan Bảng nhãn ai nấy phàn nàn không ngăn nào.

Đến năm 18 tuổi, nhớ lời cha dặn, mới đến học quan Trạng Trình. Bấy giờ học trò quan Trạng hơn 3.000 người, duy có ông Kế Khê là hay chữ nhất trường, khi ông Hữu Khánh đến học, mới làm ba kỳ văn, đã đề lên ông Kế Khê.

Trình tiên sinh vốn là học trò ông Lương Đắc Bằng khi xưa, nay thấy con thầy đến học, hay chữ như thế, có bụng quý trọng trăm phần, thường tư cấp cho để mà học.

Bấy giờ nhà Mạc mở khoa thi, ông Lương Hữu Khánh vốn không có bụng làm quan với nhà Mạc, nhưng ngặt vì nhà nghèo và còn mẹ

già, bắt đắ dĩ phải ra thi. Khi thi thì bốn kỳ cùng thứ nhất, mà vãn ông Kế Khê thì đồ thứ nhì. Đến lúc hỏi phách,^[10] quan Trảng thấy ông ấy là người Thanh Hóa mới đánh xuống thứ nhì mà ông Kế Khê lên đồ thứ nhất (vì bấy giờ tự Thanh giờ vào thuộc nhà Lê, tự Ninh Bình giờ ra thuộc về nhà Mạc). Ông Hữu Khánh thấy xử thiên tư làm vậy, mới bỏ không vào thi đình nữa, vì thế ông Kế Khê mới đồ Trạng nguyên.

Khi ấy, Hữu Khánh trọ ở hàng Bông, một hôm để dành được 6, 7 đấu gạo, và hai lọ nước mắm. Thôi cơm rồi giải chiếu xuống đất ngồi ăn, rung đùi đắc chí, cười vang lên nói rằng:

- Thế này chẳng kém gì mâm cơm nhà quan!

Xảy có một ông quan tự trong triều trở về, nghe thấy tiếng cười nói, dừng xe lại nhìn, lấy làm kỳ dị, cho 5 quan tiền, rồi tiến lên với vua nhà Mạc.

Vua Mạc sai sứ đến nhà trọ, khuyên dụ trăm triệu, Hữu Khánh nhất định không ra làm quan. Tự bấy giờ lại đi bơ vơ, nay đây mai đó, con một nơi, mẹ một nẻo, trông cảnh động lòng, lấm phen chua xót.

Nhà Lê bấy giờ khởi quân ở phủ An Trảng, vốn nghe tiếng ông Hữu Khánh là người tài lạ, nhiều khi muốn sai người ra đón về giúp, nhưng vì đường xa xa khơi, đi lại gian hiểm, cho nên chưa có dịp nào mà đem về được.

Vài năm sau, Kế Khê được cầm quyền chính nhà Mạc, sai người tìm Hữu Khánh thì gặp cả hai mẹ con ở huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc đem về, Kế Khê nghĩ tình bạn, lưu ở trong nhà, cung đốn tử tế, và khuyên dỗ cho ra làm quan, nhưng Hữu Khánh biết cơ nhà Lê sắp trung hưng, có ý muốn phò nhà Lê, cho nên không ra làm quan với nhà Mạc.

Kế Khê biết ý Hữu Khánh, muốn đuổi đi nhưng không nói ra, nhân một bữa ở trong triều về, giả tảng nói rằng:

- Tôi hôm nay phụng chỉ làm một bài phú, nhưng việc quan bận bộn lắm, nhờ anh làm giúp cho tôi.

Nói rồi, thò tay vào túi, lấy ra một mảnh giấy đầu bài, đưa cho ông Hữu Khánh, Hữu Khánh thấy đầu bài: “*Tần quan văn kê*”,^[11] biết ý là muốn đuổi mình, lập tức dặn mẹ đi lên ra bến Hoàng Liệt về Thanh Hóa trước, mà mình thì mật đưa một bài biểu bào An Trảng, hẹn ngày ấy thì đem thuyền ra đón tại cửa Thần Phù.

Được vài hôm, làm xong bài phú, để trên đầu giường, rồi lên ra đi gắp đường xuống cửa bể Thần Phù. Khi Kế Khê ở trong triều giờ về, đến nhà học, không thấy ông Hữu Khánh đâu, cho đi hỏi khắp các nhà anh em bạn học, cũng không thấy tin tức gì cả. Xảy thấy trên đầu giường có bài phú, trong bài có câu rằng: “*Lưu khách hóa ra đuổi khách đi.*” Kế Khê ngạc nhiên nói rằng:

- Anh này đi mất, triều đình còn là nhiều về anh này!

Lập tức sai quân đi các ngả đuổi theo bắt về. Khi Hữu Khánh đến cửa Thần Phù, thì vua Lê đã sai năm chiếc thuyền chiến và 1.000 quân ra đón. Hữu Khánh vừa bước chân xuống thuyền thì quân nhà Mạc đuổi theo vừa đến.

Hữu Khánh ngồi trong thuyền gọi to lên bảo rằng:

- Gửi lời các anh, về ta ông Kế Khê, ngày sau ta sẽ xin đền giá ơn.

Khi về đến cửa phủ An Tràng, Vua Lê mừng rỡ lắm, cử làm Thị lang, cho tham tá việc quân cơ. Hữu Khánh bày ra mưu mẹo gì cũng đắc cả, vua tin dùng hơn cả mọi người, sai cầm riêng một đạo quân đi dẹp giặc. Hữu Khánh nhớ đến lời nhà sư khi trước, phàm các trận mạc, thấy chỗ nào đồn giặc đóng cạnh chùa chiền, thì rút quân lảng đi không đánh, để tránh sự phá hại nhà chùa.

Về sau làm đến Binh bộ thượng thư, công nghiệp hiển hách vào bậc danh thần đời trung hưng.

14. Phạm Đình Trọng

Phạm Đình Trọng người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Tục truyền ngài là thần Ngũ Hồ giáng sinh.^[12] Năm 26 tuổi, đỗ Tiến sĩ, quan trường là Nguyễn Trọng Quát xem văn của ngài, đã mừng cho triều đình được người kinh luân giỏi.

Năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740), được cử làm Giám sát ngự sử, một khi ở kinh về, ngũ trụ làng Hoàng Xá, huyện Kim Thành, trông thấy một người nằm núp trong đồng củi, bắt ra tra hỏi, thì là tướng giặc tên quận Gió, ngài bắt đem nộp, được thưởng 300 quan tiền.

Năm Tân Sửu, ngài làm Hiệp đồng, kiêm chức Phòng ngự sứ, phải đi dẹp giặc, bắt được hai tướng giặc là Ngụy Cừ và Ngụy Tuyền ở núi Ngọa Vân, đồng củi đem về kinh đô, được phong làm Công bộ Hữu thị lang.

Bấy giờ trong nước lăm giặc, mà kiệt kiệt nhất là quận He tên chữ là Nguyễn Hữu Cầu, quận He là người làng Lô Đổng, huyện Thanh Hà có sức khỏe như thần, mỗi khi lâm trận, chỉ cấp hai thanh siêu đao phi ngựa xông vào, quan quân tan giã, không ai địch nổi, đã có tiếng gọi là Hạng Võ nước Nam. Tục truyền là thần cá bễ sinh ra, cho nên lại tài nghề lặn nước.

Quận He quấy nhiễu vùng đông nam, quan quân đánh mãi không trừ được. Ngài phụng mệnh đốc quân thủy; đóng ở bờ sông cạnh núi Đồ sơn, huyện Đông Triều. Một hôm, ngài đang ngồi trong thuyền, không ngờ quận He lặn ngầm dưới nước, nhảy vọt lên thuyền, giết chết một tên lính. Ngài vội vàng đóng cửa thuyền hô to lên rằng:

- Tao đã chém được quận He rồi đây!

Chúng tưởng thực xô cả lại, quận He phải nhảy xuống sông, núp dưới bánh lái. Ngài sai quân cầm giáo đâm xia xuống, quận He chạy mất.

Lại một hôm, ngài chỉ có một chiếc thuyền đóng ở bến Triều, bất thành linh giặc kéo 3 thuyền đến vây lại đánh, ngài xuất thủ hạ đánh hăng sức quá, giặc phải bỏ mà chạy, vua khen là mưu dũng hơn người, phong làm Giao lĩnh hầu.

Năm Nhâm Tuất, vua triệu ngài về sai làm chủ khảo thi hội. Thi xong, lại sai cùng với Tuân quận công tiến quân đi đánh giặc. Vua hỏi những cơ mưu đánh giặc, ngài tâu tường tận lắm, vua mừng mà thưởng cho 3 cấp và 300 quan tiền.

Năm Giáp Tí, quận He chiếm giữ núi Đồ Sơn ở phủ Kinh Môn, tán tí, tàn vàng, lừng lẫy một vùng bãi bể, tự hiệu là nhà Triều, thù hạ có 18 quận công, và bốn trăm vạn quân, thanh thế rất là hách dịch.

Ngài phụng mệnh làm Thống lĩnh Bình khấu đại tướng quân được quyền sai phái binh mã thủy bộ các xứ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam, An Quảng. Ngài nhận chức, coi việc đánh giặc là trách nhiệm của mình. Khi cất quân ra khỏi cửa phủ, đóng cờ ở đình Quảng Văn, rồi vào hầu hoàng thượng ở trong đền chính. Hoàng thượng an ủy một hồi, rồi ngự viết một đạo sắc ban cho.

Sắc rằng:

“Trăm họ đầu cũng là binh, kho tàng đầu cũng là cửa, cho người tùy tiện mà làm được việc, nhất thiết giao phó cho người cả đó.”

Ngài lạy từ đi ra, tiến binh đến thẳng núi Đồ Sơn, chiếm chỗ núi cao hạ trại, rồi dùng mẹo đánh phá, sai quân thủy chặn đường tải lương của giặc ở các cửa bể; mà ngài mang một đạo binh, đi ngầm đàng mé sau núi, chặt cây cối mờ lối đi, rồi xe súng lớn lên đỉnh núi, bắn vào trong trại giặc, giặc phải trốn đi nơi khác, lại chiếm giữ mạn sông Thương ở tỉnh Kinh Bắc; đắp thành Thọ Xương, dần dần lại chiếm được hết tự bờ sông giờ sang bắc.

Bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc (quận Việp) đang làm thống lĩnh tỉnh Bắc, đem quân đánh nhau với giặc, đánh ba trận thì thua cả ba, vì thế giặc lây lảng ra mọi nơi.

Năm Ất Sửu, ngài lại phụng mệnh đốc chiến. Một hôm, ngài đang ngồi ở mé nam bờ sông Thương, cùng với một người khách uống rượu, bàn việc binh. Giặc ở bên kia bờ sông, bắn sang một phát, chết mất một tên lính hầu. Người khách xin ngài hãy tạm lánh đi. Ngài nói rằng:

- Ba quân hay dở, quan hệ về một ông tướng, nếu mà ta lui đi, thì giặc tất kéo sang sông ngay.

Bấy giờ giặc giàn chiến thuyền ở mé bắc; mà cấm cờ ở cửa sông để phòng quan quân tràn vào, ngài sai đắp lũy ở trên bờ sông làm kế vững bền; một mặt thì sai kéo tự trên thượng lưu, di chuyển đường bộ kéo xuống, đến làng Đa Mai, huyện An Dũng, thủy bộ giáp hai mặt lại đánh. Giặc núng thế, muốn phá cừ để chạy ra ngoài, nhưng không ngờ cừ đã bị quân của ngài đóng kĩ lại từ bao giờ không sao phá mà ra được, giặc phải bỏ cả thuyền chạy lên bộ, quan quân đuổi đánh, bắt được rất nhiều.

Vua được tin mừng lắm, thưởng cho 10 lạng vàng và vài trăm thẻ bạc, để tùy ý thưởng cho tướng sĩ. Vua lại viết bốn chữ *“Văn võ toàn tài”* ban cho.

Khi ấy lại có đám nghịch Ngũ chiếm giữ làng Ngọc Bội, đã được vài năm, thế cũng hùng dũng. Phan phái hầu là Nguyễn Phan đem quân đi đánh, bị giặc vây ở làng Hương Canh. Vua sai ông Quốc cữu cầm 18 cơ binh lên đánh giải vây, đánh hơn một tháng trời không được. Vua thấy mặt đồng bắc đã hơi yên, mới triệu ngài về sai lên dẹp mặt Sơn Tây.

Khi ngài về vào châu, vua ban cho một thanh gươm bảo rằng:

- Từ phó tướng trở xuống, hễ ai không tuân lời, cho phép cứ chém; còn cái áo gấm ban cho tướng trước sai đi, làm không nổi việc, cho người lên mà đòi lấy, hẹn cho 10 hôm thì phải xong việc.

Ngài cứ mang quân đi. Khi đến gần chỗ đất giặc, ngài cưỡi voi trèo lên trái núi trông xem, thì thấy khu giặc ở có 15 ngọn đồn, liên tiếp với nhau; mà chung quanh ngoài lũy thì toàn đồng lầy cả. Ngài mới truyền cho quân mỗi người phải mang một bó củi và một bó thuốc, nửa đêm kéo quân vào, sai ném củi xuống, đồng lầy làm đường đi, rồi phá trộm lũy vào chính trại to của giặc, phóng hỏa đốt trại, rồi thì trong ngoài đánh ập vào, đốt luôn cả các đồn khác. Giặc đánh không nổi phải tan chạy, mới giải được vây cho Phan phái hầu.

Người ngồi trên đầu voi, thảo biểu dâng về tâu công, và sai người lại đòi áo gấm của tướng trước, rồi đem quân về châu, bấy giờ mới có

6 ngày.

Vua mừng lắm, cho ngồi ăn yến cùng một chiếu với Việt quận công.

Vua bảo rằng:

- Nghịch Ngũ tuy nhiên đông dõ, nhưng chẳng qua chỉ là giặc giữ nhà mà thôi. Còn như nghịch He, nó còn ra vào bắt trặc lắm, người phải lưu tâm mà đề phòng, vậy người nên về ngay dưới mặt đông nam mới được.

Ngài lay tạ, lập tức lên đường, về đến trại cũ ở làng Bối Thị huyện Vĩnh Lại, khao thưởng quân sĩ, nói phao lên rằng: cho quân vui chơi ăn uống năm ngày.

Bỗng dưng đến nửa đêm hôm thứ ba, nghe tiếng trống om sòm, thì ra ngài đã mang quân thủy đuổi đánh quận He ở ngã ba sông Tranh. Các tướng cũng kéo quân bộ ra đánh, quận He phải chạy trốn mất. Các tướng ai nấy mừng rỡ, nhưng không biết vì có gì mà ngài biết trước giặc đến mà đánh ngay được như thế.

Các tướng hỏi thì ngài bảo là:

- Ta mới tự kinh đô lại đây, giặc tất có người do thám. Hôm thứ nhất, nó xem ta động tĩnh thế nào. Nó thấy ta nói phao lên cho quân ăn uống năm ngày, tất nó đề rằng quân ta trễ nhác. Sang ngày thứ hai, nó tất đem ngầm quân đến đánh quân ta, ngày thứ ba thì nó đến nơi, cho nên ta đón đường trước mà đánh. Đó là phép binh dữ cho người đến mà đánh đấy.

Các tướng ai cũng chịu là mẹo cao. Ngài lại sai đem quân chia giữ các nơi xung yếu; và sức cho dân phải giữ giúp cho nhau, hễ có giặc phải báo quan ngay, để đem binh đến tiêu. Từ đấy thế giặc mỗi ngày một kém, dần dần quân thừa lương cạn.

Một hôm, quận He sai người cầm giấy lại trình ngài, trong giấy viết ra một câu đối rằng:

- Ngọc tàng nhất điểm; xuất vi chúa, nhập vi vương.^[13]

[玉藏一點出爲主人爲王。]

Ngài lập tức viết lại đối rằng:

- Thổ tiết bán hoành; thuận giả thượng, nghịch giả hạ.^[14]

[土截半橫順者上逆者下。]

Quận He trông thấy, vừa sợ vừa thẹn, không dám đánh nhau nữa. Mới sai người đem vàng bạc hối lộ cho người quyền thần phủ chúa tên là Đỗ Thế Giai, giả tiếng xin ra hàng, mà kì thực muốn dùng chức hoãn binh. Đỗ Thế Giai nhận lễ, nói với chúa Trịnh. Chúa Trịnh tin lời cho hàng, và phong cho quận He làm Ninh đông hầu, truyền đem thù hạ lại châu.

Phạm Đình Trọng khăng khăng một mực xin đánh, thế không chịu cùng với giặc sống ở đời. Có quan Thự phủ nhân có hiềm riêng với

ngài, gièm pha với chúa Trịnh, để chúa Trịnh triệu ngài về kinh. Ngài thì biết cơ quận He trá hàng, mới đóng quân lại ở đồn Bôi Thị, và chiêu mộ thêm quân cường tráng các huyện Thanh Hà, Tứ Kỳ, Thượng Hồng, Vĩnh Lại, chia làm hai cơ nghĩa binh, đặt tên gọi là cơ Thanh Ki và cơ Hồng Vĩnh, sai hai tướng thủ hạ thống lĩnh hai cơ ấy.

Quan Thụ phủ gièm với chúa Trịnh rằng:

- Phạm Đình Trọng chẳng khác gì Huyền Đức, mà Thanh Ki thì là Quan Vũ, Hồng Vĩnh thì như Trương Phi. Nay ông ta cầm đại binh ở ngoài, hoặc sinh bụng bất trắc thì làm thế nào?

Chúa Trịnh vốn tin ngài, không nói gì đến, lại đưa cho một bài thơ để ngài yên tâm.

Về sau quận He quả nhiên không ra hàng, cướp bóc vùng đông nam lại càng những lắm. Triều đình sai quận Côn lĩnh binh đi đánh. Khi sang qua sông Nhị Hà, đến trạm Điền Dao, bị giặc đánh lừa, bắt sống được quận Côn, chur quân tan vỡ mất cả. Giặc bắt triều đình phải chuộc quận Côn 300 lạng bạc, Kinh thành nhao nhác cả lên.

Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài lập tức phái binh các đạo và quân nghĩa binh tiến tiểu, đánh nhau ở Gia Phúc, Quảng Xuyên, An Ninh, Tông Hóa trận nào cũng được, giặc phải trốn đi nơi xa, dân vùng ấy được yên ổn.

Khi trước ở bên Hồng Đàm châu Vạn Ninh, là một nơi rất hiểm ở miền bể đông. Có đám giặc Quan Lan, tụ đồ đảng giữ chỗ ấy làm sào huyệt, cướp bóc các thuyền buôn đường bể, việc buôn bán ta với Tàu đọng cả lại. Quan Tổng đốc Quảng Đông, không sao trừ được, nhiều lần đưa giấy sang cho quan Tuần phủ Yên Quảng, hợp binh tiểu giặc, đánh luôn mấy năm vẫn chưa xong. Khi ấy ngài đi tuần mặt bể đông, sai thuộc tướng là Vĩnh thọ hầu đem chiến thuyền đóng ở châu Vạn Ninh, nói phao lên rằng đánh giặc, hẹn ngày với quan Tàu để hợp tiểu. Mà ngài thì mật đem đội thuyền từ dưới núi Đê Thị, ra đường Bạch Long Vĩ, đến thẳng bên Hồng Đàm, đánh phá trại giặc, bắt được tướng đầu đảng và 7 người đồ đảng, đóng cũi nộp cho quan Tàu. Ngài thân đến chơi với quan Trấn thủ Long Môn, người Tàu trông thấy ngài lấy làm lạ lùng, tiếc thay cho ngài lạ đại tài mà sinh về nước nhỏ, chính nhân mà thời người quyền thần.

Quan Tàu tâu việc ấy lên vua Tàu. Vua Tàu khen nước Nam có người giỏi, yên được cõi ngoài ven, sai quan sang ban thưởng cho ngài áo đai, trăm tấm gấm, mười lạng vàng và phong làm Thượng thư. Chúa Trịnh cũng phong cho ngài làm Binh bộ Thượng thư, bởi thế gọi là Thượng thư hai nước.

Sự lại có tin quận He quá nhiều các huyện Thần Khê, Thanh Lan, dân sự tàn hại. Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài đi gấp đường đến huyện Ngự Thiên, đang cùng bàn mưu với quận Việp, xây dàu giặc kéo đến vây kín làng ấy. Ngài sai chur quân giàn trận, cầm giáo trông về phía giặc. Một mặt sai quân đắp lũy. Ngài ngồi ngay trong trận thảo tờ hịch, sai đòi tướng tá lại hội. Đang khi ấy, giặc bắn chết một tên lính cầm nghiên mực, ngài sai tên khác thay vào, mà ngài thì cứ ngồi vững vàng như không, trò bảo các quân. Giặc thấy vậy không dám đến gần, phải tháo vây mà chạy. Ngài đem quân các đạo, thừa thế đuổi đánh, phá được giặc ở sông Lộng Khê (về huyện Phụ Dực). Lại đuổi đến làng An Vệ, huyện Quỳnh Côi, vây bọc được giặc hai ba từng. Quận He sai quân bó nhiều đình liệu, nói phao lên rằng đến đêm thì đốt đình liệu mà đánh ra, quân sĩ không ai dám chống lại, chỉ có một mặt của ngài vây mé ngoài thì giặc không dám cửa ấy.

Về sau quận He trốn về Nghệ An, hợp đảng với nghịch Diên, quấy nhiễu trong vùng Thanh, Nghệ, ngài đem quân vào Nghệ, đốt phá được trại giặc ở làng Hưng Lâm, rồi đánh tràn vào đến Bạch Đường, Bào Giang. Ngài suất bộ tướng là quận Trân làm tiên phong, sai quận Viên làm hậu quân, đuổi giặc mãi đến huyện Quỳnh Lưu, qua làng Hoàng Mai, ở đây có một trái núi rậm, ngài đồ rằng giặc tắt núp vào trái núi ấy, mới đổi tiền quân làm hậu, hậu quân làm tiên, sai vây bọc chung quanh dưới chân núi. Bấy giờ quận He thế lực đã kiệt lả rồi, biết thân không còn thể nào chạy thoát, mới đến tiền quân xin hàng.

Khi trước quận Trân cầm tiền quân, vốn quen nhau với quận He. Không ngờ tiền hậu mới đổi, té ra quận Viên cầm tiền quân. Quận Viên mới sai đồng cũi giải nghịch He về Kinh sư.

Từ đây ngài mới thành công giờ về, được gia chức là Thiếu bảo, phong làm Dương võ tuyên lực công thần, ban cho 12 xã dân và 150 mẫu ruộng để làm ruộng thể nghiệp.

Năm Cảnh Hưng thứ 12, ngài phụng mệnh trấn thủ tỉnh Nghệ An và châu Bố Chính. Một khi ngài đang ngồi coi việc trên phủ đường, bỗng dung có một con rắn to tự ngoài sân bò vào, quân sĩ toan đánh, ngài không cho đánh, thử để xem ra làm sao, thì thấy con rắn bò quanh chỗ sập ngài ngồi, rồi leo lên trảng áo ngài. Ngài cứ ngồi nghiêm nhiên không động, một lát nó lại bò xuống, rồi bò vào hồ Bán Nguyệt đi mất.

Ngài có ý buồn rầu, biết là cái điềm nó đến đón mình. Ngài mới đi khắp trong thuộc hạt, khuyên dân làm ăn yên nghiệp.

Một hôm, ngài đang nằm trong màn, đang êm bỗng dạ to lên một tiếng, cả nhà giật mình. Hỏi có làm sao thì ngài nói rằng:

- Thượng đế sai đòi ta về rồi.

Chúng ngạc nhiên, chưa biết thế nào. Đến ngày mùng một tháng giêng năm sau là năm Giáp Tuất, ngài mặc áo châu ra giữa phủ đường, ngoảnh mặt về bắc lễ vọng Thiên tử, rồi lên giường nằm, tự nhiên thiếp dần đi rồi mất.

Vua được tin thương xót vô cùng, sai quân thủy bộ hộ tống linh cữu về làng ngài an táng, và sai quan Thượng thư là Trần Cảnh đến nhà dự tế.

Chúa Trịnh cũng sai Thượng thư là Nguyễn Công Thái đến tế, và tặng 16 chữ: “*Phủ dân, tiểu khấu, cố bản, an biên, ái quốc, trung quân, hoàn danh, cao tiết.*” Lại gia tặng chức Thái phó, phong làm Hải quận công thượng đẳng phúc thần, sai lập đền thờ ở làng Giáp Sơn.

Chúa Trịnh lại ba cho một câu đối thờ rằng:

Cái thể anh hùng kim cổ thiếu

Tại nhân công đức địa thiên trường.^[15]

蓋世英雄今古少

在人功德地天長

*15. Đào Duy Từ

Đào Duy Từ người Ngọc Sơn tỉnh Thanh Hóa, cha là Đào Tá Hán vốn dòng con hát. Khi Duy Từ sinh ra, thông minh dĩnh dị, học thông kinh sử; làm văn hay, thuật số, sấm vĩ, đều tinh hiểu cả. Ra ứng hương thi đời nhà Lê, quan trường cho là con nhà hát xứng đánh hông. Duy Từ bực mình trở về. Nghe đức Thái Tổ triều Nguyễn ta có lòng yêu kẻ hiền sĩ, nhiều người về theo, bèn quyết chí vào trong Nam.

Nghe thấy quan Thám lý Trần Đức Hòa ở Qui Nhơn là người nhà chúa thân tin, mới đi vào Qui Nhơn, ở chẵn trâu cho một nhà giàu ở Tùng Châu.

Một hôm, phú ông mở tiệc rượu, mời các danh sĩ đến uống rượu làm thơ. Xế chiều, Duy Từ chẵn trâu về, thấy các danh sĩ đương bàn luận, Duy Từ cầm roi vào đứng trước án, cùng các danh sĩ bàn luận cổ, kim, cùng là bách gia kinh sử, đều thông suốt cả; cả tiệc đều thất kính. Phú ông lấy làm kỳ dị, mới nói chuyện với Đức Hòa. Đức Hòa đến hỏi truyện Duy Từ, thấy là người học vấn rộng, kiến thức nhiều, bèn mời đến nhà dạy học, gả con gái cho.

Duy Từ thường ngâm bài ca *Ngọa long cương*, diễn ra ca quốc âm, là có ý tự ti với Gia Cát Lượng. Đức Hòa trông thấy nói rằng: “Duy Từ có lẽ là Ngọa Long đời nay chăng?”

Triều đức Hy Tôn thứ 14 năm Đinh Mão, Đức Hòa vào yết kiến, dâng bài ca *Ngọa long cương*, tâu rằng: “Bài ca đó là của thầy đồ dạy học nhà tôi có tên là Đào Duy Từ làm ra.”

Đức Hy Tôn xem lấy làm lạ, lập tức cho đòi vào yết kiến.

Khi Duy Từ vào, thấy đức Hy Tôn mặc áo trắng, đi giày xanh, đứng đợi ở cửa dịch môn. Duy Từ lùi lại không vào. Đức Hy Tôn biết ý, bèn chỉnh áo mũ đòi vào yết kiến. Duy Từ trần thuyết, đức Hy Tôn cả mừng nói rằng: “Người lại đây sao muộn vậy?” Liền cho làm nha úy nội tán, tước Lộc Khê hầu, kiêm quản cả việc quân cơ trong ngoài, thường triệu vào hầu trong, bàn định quốc chính.

Năm Kỷ Tị, Trịnh Tráng mưu muốn vào xâm trong Nam, bèn sai Nguyễn Khắc Minh cầm tờ sắc thư vào trước tấu phong đức Hy Tôn làm Thái phó quốc công, và giục ngài ra Đông Đô để đi đánh giặc. Đức Hy Tôn hội quần thần lại bàn. Duy Từ tâu rằng: “Đó chẳng qua là họ Trịnh mượn sắc mệnh vua Lê, để lừa ta ra. Nếu nhận sắc thư mà không ra, thời kẻ kia có lẽ bẻ mình được; nếu không nhận, thời kẻ kia ắt động binh vào đánh. Đã sinh hiềm khích ra, thì không phải phúc cho đâu, Vả lại ta thành quách chứa bèn, quân sĩ chứa luyện, lấy gì mà chống chế với quân thù địch. Không gì bằng hãy nhận lấy sắc thư, cho họ không ngờ; để ta được chuyên ý sửa sang bờ cõi cho kiên cố; rồi sau dụng kế trả lại sắc thư, thì kẻ kia không làm gì ta được nữa.”

Đức Hy Tôn theo lời, nhận lấy sắc thư hậu đãi sứ giả cho về.

Duy Từ lại khuyên đức Hy Tôn từ rầy không nộp thuế má cho họ Trịnh nữa, và tâu xin phái dân binh đắp lũy Trường Dục, tự chân núi Trường Dục đến bãi Hạc Hải, để phòng thủ bờ cõi.

Duy Từ lại tâu xin làm một cái mâm đồng hai đáy, để tờ sắc thư vào giữa, rồi sắp phẩm vật đựng trên mâm, sai Lại Văn Khuông đem ra Đông Đô tạ ân, Duy Từ lại nghĩ sẵn mười điều vắn, đáp, dặn Văn Khuông trước.

Khi Văn Khuông đến Đông Đô, Trịnh Tráng đòi vào hỏi, Văn Khuông biện bác không chịu khuất; Tráng cả sợ, đãi Văn Khuông rất hậu. Văn Khuông hiến mâm phẩm vật, rồi lên ra về.

Đến khi Trịnh Tráng sai tách đáy mâm, thấy có một tờ sắc thư và một cánh thiệp đề chữ rằng: “Mâu 矛 nhi 而 vô 無 dịch 腋, mịch 覓 phi 非 kiến 見 tích 跡, ái 愛 lạc 落 tâm 心 tràng 腸 lực 力 lai 來 tương 相 địch 敵.”

Tráng hỏi các bầy tôi, không ai biện ra nghĩa gì, chỉ có quan Thiếu úy Phùng Khắc Khoan đoán ra là chữ “*Dư 予 bất 不 thụ 受 sắc 勅.*”^[16]

Tráng cả giận sai người đuổi theo Văn Khuông, thì đã đi xa rồi. Tráng muốn đem binh vào đánh, gặp khi ấy Cao Bình, Hải Dương có giặc, bèn thôi.

Năm ấy Duy Từ lại tâu xin đem quân ra lấy Nam Bộ Chính châu, chiếm đất từ sông Linh Giang giở vào, tuyển dân đặt ra binh thuyền 24 đội.

Năm Tân Mùi, Duy Từ lại tâu xin đắp một cái lũy dài tự cửa bể Nhật Lệ đến núi Đâu Mâu, cao 1 trượng 5 thước dài hơn 3000 trượng, (tục gọi là lũy Thầy) tiết nhiên là một chón hiểm yếu ngăn trong Nam ngoài Bắc.

Duy Từ lại đặt ra phép tuyển duyệt, để kén kẻ đình tráng, lập ra phép khảo thí, để thu kẻ nhân tài.

Một hôm, Duy Từ nằm mộng thấy có con hổ đen tự phương Nam chạy vào, chợt lại sinh hai cánh mà bay lên được. Sực tỉnh lại thì thấy Nguyễn Hữu Tiến mặc áo thâm, cầm quạt cánh từ ngoài vào, đứng hầu ở dưới thềm. Duy Từ thấy người trạng mạo phi thường, hỏi bao nhiêu tuổi, thì nói là tuổi *Nhâm Dần*. Duy Từ mới hỏi truyện, lấy làm trọng lắm, cho là hợp với mộng, rồi tiến lên làm đến Tiết chế, tướng lược rất giỏi, ngoài Bắc Hà vẫn gọi Nguyễn Hữu Tiến là Nam triều hổ tướng.

Duy Từ phụ chính 8 năm, huân nghiệp rỡ rệt, có làm ra sách *hổ tướng sư sơ tập*, *Ngọa long cương ngâm*, thọ được 63 tuổi, thực là đầu bạc công thần triều Nguyễn ta.

*16. Trịnh Hoài Đức

Trịnh Hoài Đức trước tên là An, tên chữ là Chi Sơn, hiệu là Cẩn Trai. Tổ tiên trước là người Phúc Kiến, vốn dòng dõi họ nhà quan, đời ông tổ gặp lúc nhà Thanh mới khai sáng, không chịu theo kết bím, để tóc sang nước Nam ở đất Trấn Biên. Cha là Khánh, học giỏi, chữ đại tự tốt, đánh cờ tướng cao, có danh tiếng ở đời bấy giờ. Triều đức Thế Tôn, khánh quyên làm chức cai thu ở An Trường, sau thiên làm cai đội ở trường Qui Nhơn, Qui Hóa, Bàn Canh, rồi mất.

Khi ấy Hoài Đức mới lên 10 tuổi, dốc lòng chăm học, bấy giờ gặp thời buổi nhiễu nhương, người mẹ mới đem Hoài Đức đến ở Phiên Trấn, cho theo học ông xử sĩ Võ Trường Toản, học càng ngày càng giỏi.

Năm Mậu Thân, đức Thế Tổ về thu phục được thành Gia Định, Hoài Đức bèn cùng với Lê Quang Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn lâm viện chế cáo, sang năm sau, làm quan Điền tuần huyện Tân Bình, khuyên dân chăm chỉ việc nông, tang. Sau lại theo làm việc bộ Hình, xét nghĩ văn án, luyện tập chính sự, càng ngày càng giỏi.

Rồi lại sung làm Đông cung Thị giảng, theo Đông cung ra trấn thủ thành Diên Khánh, (tức Khánh Hòa). Đến khi Đông cung tiến binh ra Phú An, Hoài Đức dự bàn giúp việc cơ mật.

Năm Giáp Dần, Hoài Đức làm Ký lục doanh Trấn Ninh, rồi lại thăng làm Hộ bộ Hữu tham tri. Năm Tân Dậu, Hoài Đức coi việc thu thuế thóc ở Quảng Nam, Quảng Nghĩa để cấp cho quân, sau lại cùng Nguyễn Văn Thành coi về việc Hộ. Tháng năm được thăng làm Hộ bộ Thượng thư (Nguyễn triều ta có lục bộ Thượng thư bắt đầu từ đây), sung chức chính sự, cùng với Bình bộ Tham tri Ngô Nhân Tĩnh, Hình bộ Tham tri Hoàng Ngọc Uẩn sang sứ nhà Thanh, đệ tờ quốc thư, phẩm vật, và đem nộp cả ấn sách của Tàu phong cho Tây Sơn, cũng giải nộp lũ tướng giặc bề là Đông Hải vương Mạc Quan Phù, Thống binh Lương Văn Canh, Lương Văn Tài. Tháng bảy mới sang đến Hồ Môn quan; quan Tổng đốc Lương Quảng là Giác Là Cát Khánh tâu lên vua Tàu, vua Tàu truyền dụ cho đưa sứ bộ đến Quảng Tây, rồi vào Bắc Kinh.

Khi ấy đức Thế Tổ vừa ra bình định xong Bắc Hà, lại sai Bình bộ Thượng thư Lê Quang Định sang sứ cầu phong. Bọn sứ bộ Trịnh Hoài Đức còn đợi ở Quảng Tây, tháng tư năm Gia Long thứ hai, cả hai bọn sứ bộ cùng tự Quảng Tây đi thuyền qua Hồ Bắc đến Hán Khâu, rồi lên bộ qua Vạn Lý Trường Thành, qua cửa Cổ Bắc, tháng tám đến sông Nhiệt Hà (thuộc Mãn Châu, các sứ bộ đời nhà Lê chưa từng đến đây bao giờ), vào bệ kiến vua Gia Khánh ở nơi hành tại. Rồi lại cùng với sứ Tàu sang tuyên phong là An sát Quảng Tây Tề Bồ Sâm, tự cửa Nam Quan trở về nước. Khi về lại vẫn giữ chức bộ Hộ, rồi vào làm Hiệp trấn Gia Định, lại thăng làm Lễ bộ, Lại bộ Thượng thư.

Đến năm đức Thánh Tổ lên ngôi, Hoài Đức thường nhân việc ngăn gián tỏ lòng trung thành, Thánh Tổ đều nghe theo cả. Rồi lại được thăng làm Hiệp biện đại học sĩ, kiêm lĩnh Lại bộ, Bình bộ Thượng thư. Bấy giờ chưa có ai được thụ hàm nhất phẩm bao giờ, Hoài Đức mới được thụ hàm Hiệp biện là một. Khi tại chức bàn tán giúp việc quân quốc rất nhiều.

Hoài Đức là người cẩn thận, phong độ trầm tĩnh, học vấn rộng rãi, bàn bạc điều gì vẫn giữ đại thể. Đức nghiệp văn chương ông ấy,

người đời đều tôn trọng cả. Hoài Đức có làm sách *Gia Định thống chí*, *Cán Trai thi tập*, *Bắc sứ thi tập*, *Gia Định Tam gia thi tập*.^[17] Khi mất 61 tuổi, truy tặng Thiếu phó cần chính điện đại học sĩ, thực là một bậc danh thần, trải hai triều vua đều quyên cổ cả.

Chương thứ III CÁC BẬC DANH HIỀN

17. Mạc Đĩnh Chi

Mạc Đĩnh Chi tự là Tiểu Phu, người làng Lũng Đổng, huyện Chí Linh (Hải Dương), nguyên về dòng dõi quan Thượng thư Mạc Hiến Tích về triều nhà Lý, (Hiển Tích đỗ Trạng nguyên đời vua Trung Tôn nhà Lý, làm đến Lại bộ Thượng thư).

Tục truyền làng Lũng Đổng có một thung rừng rậm, cây cối bùm tùm, lắm giống hàu (con khi) ở. Mẹ ông ấy thường khi vào rừng kiếm củi, phải con hàu to bắt hiếp. Về nói với chồng, chồng ăn mặc giả làm đàn bà, giắt sẵn con dao sắc vào rừng, con hàu quen thói lại ra, bị ông kia chém chết bỏ thây ở đấy. Sáng mai ra xem thì thấy mối đã đùn đất lấp hết, thành một gò mả.

Bà kia từ đấy thụ thai, đủ tháng sinh ra Mạc Đĩnh Chi, mặt mũi xấu xí, người nhỏ loắt choắt tựa như giống hàu.

Ông cha đến lúc gần mất, dặn lại táng lên mả con hàu, vì biết chỗ ấy là chỗ đất kết (ngôi mả bây giờ vẫn còn).

Mạc Đĩnh Chi lớn lên, năm tuổi, tư chất thông minh hơn người. Bảy giờ Hoàng tử là Chiêu quốc công mở trường dạy học trò, Đĩnh Chi vào học. Đến năm gần 20 tuổi, là năm Giáp Thìn đời vua Anh Tôn nhà Trần, Đĩnh Chi thi đình, văn đáng đỗ đầu cả mọi người, nhưng vua trông thấy người hình dạng xấu xa, toan không cho đỗ Trạng nguyên. Đĩnh Chi làm một bài phú “*Ngọc tỉnh liên*” để ví vào mình, vua mới lại cho đỗ Trạng nguyên.

Khi Đĩnh Chi phụng mệnh sang sứ nhà Nguyên bên Tàu, đã hẹn ngày với người Tàu đến hôm ấy thì mở cửa ải, vì gặp phải trời mưa gió sai hẹn, người Tàu đóng cửa không cho vào. Đĩnh Chi nói từ tế xin cho mở cửa. Người Tàu đã ra một câu đối tự trên ải ném xuống, và bảo hễ đối được thì mở cửa.

Câu ra:

“*Quá quan trì, quan quan bế; nguyện quá khách quá quan.*”^[18]

Đĩnh Chi viết ngay một mảnh giấy đối lại đưa lên:

“*Xuất đối dị, đối đối nan; thịnh tiên sinh tiên đối.*”^[19]

Người Tàu khen có tài nhanh nhẩu, mới mở cửa ải cho vào. Khi đến cửa Yên Kinh, người Tàu thấy xấu xa, có bụng khinh bỉ. Một hôm, quan tể tướng Tàu mời vào phủ đường ngồi chơi. Đĩnh Chi trông thấy trên bức tường có thêu con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc, tưởng là con chim thực, đứng dậy chạy lại bắt. Người Tàu cười âm cả lên, Đĩnh Chi xé tan ngay bức tường ấy ra.

Chúng ngạc nhiên hỏi có làm sao thì thưa rằng:

- Tôi có nghe người ta thường vẽ chim sẻ đậu cành mai, không ai vẽ đậu cành trúc bao giờ. Nay Tể tướng sao lại cho vẽ thế? Trúc là

giống cây quân tử, chim sẻ là loài vật tiểu nhân, vẽ thêu như thế, thì cho tiểu nhân ở trên quân tử, tôi e rằng đạo tiểu nhân mỗi ngày thịnh lên, mà đạo quân tử mỗi ngày mòn đi, nên tôi trừ giúp cho thánh triều đầy thời.

Chúng chịu là biện bác có lẽ.

Đến khi vào chầu, nhân có ngoại quốc dâng một đôi quạt quý. Vua sai Đĩnh Chi và một người sứ Cao Ly, mỗi người đề một bài tán vào quạt.

Sứ Cao Ly làm xong trước.

Nhờ tán rằng:

“*Uẩn long trùng trùng, Y Doãn, Chu Công, Vũ tuyết thê thê, Bá Di, Thúc Tề.*”^[20]

Bấy giờ Mạc Đĩnh Chi chưa nghĩ ra ý tứ làm sao, nhác trông sang quân bút bên kia viết, biết là lời nhã như thế, mới suy ra mà đề một bài như sau này:

“*Lưu kim thước thạch thiên địa vi lô; nhĩ u tư thời hễ, Y Chu cự nho! Bắc phong kì lương, vũ tuyết tái đồ; nhĩ u tư thời hễ Di, Tề ngã phu; Y! Dụng chí tác hành, xâ chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù?*”^[21]

Đề xong dâng lên, vua Tàu cầm bút khuyên chữ Y, phê rằng: “*Lưỡng quốc trượng nguyên*” (Nghĩa là trượng nguyên hai nước).

Thường khi cười lừa đi đường, chạm phải ngựa của người Tàu. Người kia đọc lên một câu đối rằng:

“*Súc ngã kị mã, Đông di chi nhân dã! Tây di chi nhân dã!*”^[22]

Đĩnh Chi ứng khẩu đối rằng:

“*Át dư thừa tư, Nam phương chi cường dư! Bắc phương chi cường dư!*”^[23]

Lại thường đối đáp với người Tàu, Tàu ra rằng:

“*An, nữ, khí; thi nhập vi gia.*”^[24]

Đối rằng:

“*Tù, nhân xuất; vương lai thành quốc.*”^[25]

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau, tất có người làm đến đế vương, nhưng hiềm về chữ quốc (國) đơn, thì nước không được tràng cửu mây nổi.

Lại ra:

“*Nhật hóa vân yên; bạch chủ thiêu tàn ngọc thỏ.*”^[26]

Đổi:

“*Nguyệt cung tinh đạn; hoàng hôn xạ lạc kim ô.*”^[27]

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau, tất có người cướp nước. (Mạc Đăng Dung giết vua Lê cướp nước).

Lại ra:

“*Li, vị, võng, lưỡng, tứ tiểu qui.*”^[28]

魘(si)魅(mi)魍(võng)魎(lưỡng)四小鬼

Đổi:

“*Cầm, sắt, tì, bà, bát đại vương.*”^[29]

琴瑟琵琶八大王

Tàu phê rằng:

- Đòi sau làm được phúc thần, hưởng người ta tế bái (Về sau quả nhiên làm thành hoàng làng Cổ Trai).

Lại ra:

“*Điều tập chi đầu đàm Lỗ luận: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri.*”^[30]

Đổi:

“*Oa minh trì thượng độc Châu thư; Lạc dữ tiểu lạc nhạc lạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc?*”^[31]

Lại ra:

“*Lạc thủy thần qui đản ứng triệu, thiên số cứu, địa số cứu, cứu cứu bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo, đạo hợp Nguyên thủy thiên tôn, nhất thành hữu cảm.*”^[32]

Đổi:

“*Kì sơn minh phụng lưỡng trình tường, hùng thanh lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh uông triệt cứu trùng thiên, thiên sinh Gia Tĩnh hoàng đế, vạn thọ vô cương.*”^[33]

Một khi bà Hoàng hậu ở Tàu mất, vua Tàu sai ông Mạc Đĩnh Chi vào đọc văn tế. Đến lúc quì xuống cầm bản văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng, có bốn chữ *nhất* (一) mà thôi. Đĩnh Chi không nghĩ ngợi gì, đọc ngay rằng:

“*Thanh thiên nhất đóa vân, hồng lô nhất điểm tuyết, ngọc uyển nhất chi hoa, giao trì nhất phiến nguyệt. Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa*

tàn, nguyệt khuyết.”^[34]

Bài văn ấy còn chép vào sử Tàu. Người Tàu ai cũng chịu tài ứng biến nhanh.

Tục truyền rằng Mạc Đĩnh Chi ở Tàu, ai cũng chịu là người tài, mà xét đến tướng mạo, thì không có gì làm quý cách, mới cho người rình, lúc đi đại tiện thấy tiện ra hình vuông, mới biết có ẩn tướng ở đấy.

Đến lúc đi sứ về, người Tàu lại theo sang xem địa lý, xem đến ngôi mộ thân phụ ông ấy, chịu là ngôi đất hay và có nói rằng ngôi mộ ấy hình thể rất đẹp, chỉ hiềm không có nước tụ, thiếu mất thổ thủy, cho nên quý mà vẫn nghèo.

Đĩnh Chi làm quan liêm quá, vua Minh Tôn biết tính ông ấy; thường sai người đem 10 quan tiền, rình lúc tối bỏ vào cửa nhà ông ấy. Sớm mai, Đĩnh Chi vào tâu ngay với vua, xin bỏ tiền ấy vào kho.

Vua bảo rằng:

- Tiền ấy không có ai nhận, thì cho người cứ việc mà tiêu.

Bấy giờ Đĩnh Chi mới lấy, đại để thanh liêm như thế cả. Đến triều vua Hiến Tôn, làm nên đến chức Tả bộc xạ (Tể tướng). Văn chương lưu truyền lại về sau rất nhiều, mà bài nào cũng vui thích cho tai mắt người ta cả. Và lại có đức hiền hậu, cho nên để phúc mãi đến đời con cháu. Con ông ấy là Khản, Trục, cũng làm đến Viên ngoại lang. Cháu là Địch, Toại, Viễn, cùng có quyền thế làm quan đương lúc nhà Minh cai trị. Đời cháu chắt thiên sang ở làng Cổ Trai huyện Nghi Dương, thì có Đăng Dung là cháu bảy đời ông ấy làm vua nhà Mạc.

Nhà Mạc lên làm vua, truy phong Đĩnh Chi làm Huệ việt linh thánh đại vương, bây giờ ở làng ấy còn thờ làm phúc thần.

18. Chu Văn An

Tiên sinh húy là Văn An, tự là Linh Triệt. Người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ Tiến sĩ về triều nhà Trần.

Ngài tính ngay thẳng mà điềm đạm, không ham đường danh lợi, chỉ cốt lấy sự tỏ đạo thánh nhân mà triệt mối dị đoan làm việc mình.

Ngài mở một trường dạy học ở cạnh đầm thôn Cung hoàng làng ấy. Học trò đến học rất đông, mà nhiều người làm nên hiển đạt, như là Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát làm đến Tể tướng, mà vẫn phải giữ phép học trò, đứng hầu dưới đất. Trong bọn học trò, ai có điều gì không phải, thì lập tức quát mắng đuổi đi ngay.

Trong năm Khai Thái đời vua Minh Tôn, vua nghe tiếng ngài là bậc đạo học mô phạm, vội vào làm Quốc tử giám Tư nghiệp để dạy Thái tử học. Đến năm Đại Trị đời vua Dụ Tôn, chính sự triều đình mỗi ngày một suy đốn, bọn quyền thần lắm kẻ sinh ra kiêu ngạo, ngài dâng sớ xin chém 7 người gian nịnh, thì toàn những người quyền thế hách dịch bậy giờ. Vua không nghe, vì thế ngài cỡi mũ giả chức quan, xin về làng cũ.

Ngài trí sĩ rồi, nhân ra chơi làng Ái Kiệt, huyện Chí Linh (Hải Dương), thấy có phong cảnh lạ lùng, núi non vui vẻ, [\[35\]](#) mới làm nhà ở trong khoảng núi Lân Phụng, tự hiệu là Tiểu Ẩn tiên sinh. Mỗi khi nhân ngài ra thẩn thơ chơi trên đầm Miết và trong sông Thanh Lương, ngâm thơ uống rượu làm vui. Khi nào có việc triều hội gì, thì lại vào chầu. Vua Dụ Tôn muốn dùng ngài làm tướng, nhưng ngài nhất định không làm quan nữa.

Bà Hiếu Từ Thái hậu nói rằng:

- Người ấy là bậc cao hiền, thiên tử không có quyền bắt người ta làm tôi được, giao thế nào được chính sự cho người ta!

Vua mới sai đem áo mũ đến ban cho ngài, ngài nhận lấy nhưng lại lấy đem cho người khác, thiên hạ ai cũng khen ngài là cao. Học trò bấy giờ coi ngài như núi Thái Sơn, như sao Bắc Đẩu, trọng vọng vô cùng.

Không bao lâu, ngài mất ở nhà, vua Nghệ Tôn sai quan đến dự tế, ban cho tên gọi là Văn trinh công, và cho hiệu là Khang Tiết tiên sinh, cho được tòng tự vào bên hữu võ đền Văn miếu (đền thờ đức thánh Khổng tử) ngang hàng với các bậc tiên nho.

Tục truyền khi ngài dạy học ở cạnh làng Cung Hoàng, có người học trò trẻ tuổi, mặt mũi phương phi, sáng nào cũng đến nghe sách, ngài khen là người siêng năng, mà không biết là người ở đâu, mới sai người rình, xem lúc về đi đường nào, thì thấy đi đến đầm Cung Hoàng rồi biến mất.

Ngài biết người ấy tất là thủy thần, nhân bấy giờ trời nắng mãi, ngài mới bảo người ấy rằng:

- Thiên tai khi nắng, khi lụt, số trời không biết đâu mà nói, nhưng mắt trông thấy dân phương này tiểu tụy lắm, ai là chẳng thương tình. Anh cho phép gì làm mưa, giúp cho thầy mà cứu lấy dân này không?

Người học trò ấy có ý khó lòng, nhưng nể lời thầy, không biết nói làm sao, mới mài mực đen ra giữa sân, hòa với nước phun ra, một lát

mưa to như chút nước xuống. Dân được trận mưa ấy, lúa má đỡ hại nhiều.

Người ấy từ về, sáng mai, thấy một con thòng lồng to chết nổi ở trong đầm, mới biết tức là người học trò ấy.

Ngài thấy vậy thương xót lắm, sai học trò vớt xác thòng lồng lên chôn cho tử tế. Bây giờ vẫn còn gò mả thòng lồng.

19. Nguyễn Bình Khiêm

Tiên sinh tên húy là, hiệu là Bạch Vân cư sĩ, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương. Tiên thế nhà ngài có âm đức, đời ông là Văn Tĩnh được phong tặng Thiếu bảo Tư quân công, được ngôi dương cơ, hợp vào kiểu đất của Cao Biền. Đời thân phụ ngài là Văn Định được phong tặng làm Thái bảo Nghiêm quận công. Mẹ ngài là Từ Thục phu nhân họ Nhữ, nguyên là con gái quan Hộ bộ thượng thư là Nhữ Văn Lan, ở làng An Từ, huyện Tiên Minh. Bà ấy thông kinh sử, giỏi văn chương, mà lại tinh nghề tướng số.

Bà ấy kén chồng đến ngoài 20 tuổi, thấy ông Văn Định có tướng sinh ra quý tử mới lấy. Về sau lại gặp một chàng trẻ tuổi đi qua bến Hàn, ngạc nhiên nói rằng: “Tiếc thay! Khi trước không gặp người này!” Hỏi ra thì chàng ấy là Mạc Đăng Dung (về sau làm vua nhà Mạc). Bà ấy phàn nàn không ngăn nào.

Bình Khiêm sinh về năm Tân Hợi đời Hồng Đức (niên hiệu vua Lê Thánh Tôn); đầy đà to lớn, mặt mũi khôi ngô, chưa đầy tuổi đã biết nói. Một khi Văn Định đang ẵm trên tay cho trông ngóng bỗng dung nói rằng: “*Mặt trời mọc về phương đông.*” Văn Định lấy làm kỳ dị. Đến năm bốn tuổi, phu nhân dạy ngài học chính văn trong kinh truyện, dạy đến đâu thuộc đến đấy. Bà ấy lại dạy học thuộc lòng vài mươi bài thơ nôm.

Một bữa, phu nhân đi vắng, Văn Định kéo một cái dây đùa với con, rồi ngâm đùa một câu rằng: “*Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung.*” Dương đọc dở dang, thì con tiếp theo mà ngâm rằng: “*Vén tay tiên hốt hốt rung!*” Văn Định thấy con thông minh mừng lắm, về khoe truyện với phu nhân. Phu nhân giận nói rằng:

- Mặt trăng là phận bầy tôi, sao ông lại dạy con điều ấy?

Văn Định thẹn thò xin chịu lỗi, nhưng bà ấy vẫn còn căm tức, xin từ về, nhất định không ở đây nữa, về sau bà ấy già đời ở nhà bố mẹ đẻ.^[36]

Khi Bình Khiêm còn để hai trái đào, cùng bọn trẻ con tắm ở bến Hàn, có người đi thuyền trông thấy nói rằng:

- Tiếc thay cho thằng bé này, bộ da dày lắm, chỉ làm được Trạng nguyên Tề tướng là cùng!

Khi ngài bé thì học ở nhà, đến lúc lớn, nghe tiếng ông Bảng nhãn Lương Đắc Bảng hay chữ, mới vào Thanh Hóa theo học ông Bảng nhãn.

Lương Đắc Bảng vốn ở làng Hội Trào, huyện Hảng Hóa. Nguyên có một chi họ lạc sang ở Vân Nam, đời đời làm quan bên Tàu. Khi Đắc Bảng sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ là Lương Nhữ Hốt cho một quyển “Thái Ất chân kinh.” Đắc Bảng đem về học tập, cho nên tinh nghề lý số, việc gì cũng tính biết được trước.

Nguyễn Bình Khiêm học hết được phép thuật của ông Lương Đắc Bảng. Khi ông Đắc Bảng mất, dặn lại Nguyễn Bình Khiêm về sau phải trông nom cho con mình là Lương Hữu Khánh.

Trong năm Quảng Thiệu (Lê Chiêu Tôn), có việc biến loạn, Nguyễn Bình Khiêm ở ẩn một chỗ, không muốn cầu tiếng tăm với đời. Bấy giờ, Trịnh Tuy, Mạc Đăng Dung cùng có ý muốn tranh quyền, đánh nhau luôn mấy năm. Ngài tính số Thái Ất, biết cơ nhà Lê lại khôi phục được.

Ngài có thơ cảm hứng sau này:

*Non sông nào phải buổi bình thời,
Thù đánh nhau chi khéo nực cười!
Cá vực, chim rừng ai khiến đuối?
Núi xương, sông tuyết thảm đầy nơi!
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ.^[37]
Thú dữ nên phòng lúc cắn người.^[38]
Ngán ngấm việc đời chi nói nữa,
Bên đấm say hát nhơn nhơ chơi!*

Về sau, nhà Mạc chiếm giữ Kinh thành, bốn phương đã hơi yên ổn, các bạn bè nhiều người khuyên ngài ra làm quan. Ngài bắt đấc đi phải ra thi, thi đỗ Trạng nguyên năm Đại Chính thứ sáu nhà Mạc. Bấy giờ ngài đã 44 tuổi.

Vua nhà Mạc cất ngài làm Tả Thị lang, Đông các đại học sĩ, Ngài làm quan được 8 năm, trước sau dâng sớ hạch 18 người lộng thần, nhân có chàng rể là Phạm Dao cũng kêu hoạnh, ngài sợ phải vạ lây, mới từ quan cáo về dưỡng lão.

Khi ngài trí sĩ rồi, làm nhà chơi mát mẻ ở mé dưới làng, gọi là am Bạch Vân, lại bắc hai dịp cầu gọi là cầu Nghênh Phong và cầu Trảng Xuân, thường thường ra chơi hóng mát. Lại làm một cái quán Trung Tân ở bên sông Tuyết Giang, dựng bia kí sự mình. Khi thì ngài bơi thuyền chơi ở bể Kim Hải và bể Úc Hải; khi thì đi với một vài nhà sư chơi ở các núi An Tử, núi Ngọa Vân, và núi Đồ Sơn. Đi đến đâu làm thơ ngâm vịnh đến đấy, hoặc gặp chỗ nào có cây cối mát, chim kêu riu rít, thì lấy làm khoái chí lắm, nhơn nhơ cả ngày.

Ngài tuy ở nhà, nhưng vua nhà Mạc vẫn coi ngài quý trọng, nhà nước có công việc gì to, thì sai sứ đến hỏi tận nhà, hoặc khi mời về Kinh mà hỏi. Ngài bàn định lắm điều ích lợi cho nhà nước, nhà Mạc phong ngài làm Lại bộ thượng thư, Thái phó Trình quốc công, vì thế ta thường gọi là Trạng Trình.

Năm Ất Dậu, ngài phải bệnh, Mạc Mậu Hiệp sai sứ đến thăm và hỏi việc hậu sự.

Ngài bảo rằng:

- Ngày sau, nước có việc, ở xứ Cao Bình tuy nhỏ, nhưng cũng có thể hưởng phúc được vài đời nữa.

Đến sau nhà Mạc mất nước, chạy lên Cao Bình, quả nhiên còn giữ được 4 đời, rồi mới tuyệt.

Ngày 28 tháng một năm Ất Dậu ngài mất, thọ 95 tuổi. Học trò gọi ngài là Tuyết Giang phu tử.

Ngài học tinh về thuật số, phạm các việc tai, tường, họa, phúc, cùng là ngày mưa, ngày nắng, việc gì cũng biết trước. Có một người học trò tên là Bùi Sinh, ngài bảo người ấy về sau tất phú quý. Đến khi Bùi Sinh gần 70 tuổi vẫn còn nghèo hèn, cho là ngài đoán số mình sai. Ngài cười không nói gì. Một hôm ngài bảo Bùi Sinh mượn lấy 10 chiếc thuyền đánh cá, cho bơi ra bến Hồng Đàm bể Vạn Ninh, dẫn đến giờ ấy... hễ gặp cái gì thu lấy đem về, chắc được thương to. Bùi Sinh tuân lời, quả nhiên gặp một bà cụ già, áo mũ chỉnh tề, thuyền bạt phong đến đây. Bùi Sinh đem về phụng dưỡng coi như mẹ. Được vài hôm có quan Tổng đốc Quảng Đông sai người sang nói với vua rằng: *“Thái phu nhân chơi bể bạt phong, xem thiên văn thì thấy ở phương nam, xin nhà vua vì nghĩa làng giềng mà tìm giúp cho.”* Ngài sai Bùi Sinh đem bà cụ ấy dâng lên, vì thế được phong tước là Thao quận công.

Năm Thuận Bình thứ 8 nhà Lê (1556), vua Trung Tôn mất không có con, bấy giờ Trịnh Kiểm đang cầm quyền, có bụng hồ nghi, không biết nghĩ ra thế nào. Hỏi Phùng Khắc Khoan, Khắc Khoan cũng không biết thế nào cho phải, mới sai người đi lên ra Hải Dương để hỏi ngài, ngài chẳng nói câu gì, chỉ ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng:

- Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ.

Nói rồi, sai tiểu quét dọn đốt hương, để ngài chơi chùa và bảo tiểu rằng:

- Giữ chùa thờ phật thì ăn oản.

Đó là có ý khuyên Trịnh Kiểm tìm lấy dòng dõi nhà Lê mà lập lên, mà phải giữ đạo làm tôi ăn mày phật thì mới được hưởng phúc.

Sứ giả về nói với Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm hiểu ý, mới đón vua Anh Tôn lập lên, quả nhiên dựng lại được cơ đồ nhà Lê mà họ Trịnh cũng đòi đòi được vinh hiển.

Khi ấy đức Dụ Tổ triều Nguyễn ta (Đức Nguyễn Hoàng) đang có hiềm với Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm có ý muốn âm hại, đức Dụ Tổ lo sợ, không biết nghĩ mưu gì cho tránh được nạn, mới sai người đi hỏi ngài. Bấy giờ ngài đang chống gậy chơi trong vườn cảnh. Trong vườn có vài mươi ngọn núi non bộ, lại chồng chất đá làm một rặng núi ngang. Trên núi cây cối rườm rà, có đàn kiến đang bò trên tảng đá, ngài nhìn xem đàn kiến, rồi tùm tùm cười nói rằng:

- Một dải núi Hoành Sơn (núi ngang) kia có thể yên thân được muôn đời.

Người kia thấy nói vậy, về nói với đức Dụ Tổ. Đức Dụ Tổ biết ý, mới xin vào trấn thủ trong Thuận Quảng (trong ấy có dải núi Hoành Sơn), quả nhiên mỗi ngày một thịnh, mở ra cơ nghiệp Nguyễn triều.

Học trò ngài rất nhiều, nhưng chỉ có Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, Trương Thời Cử là làm nên to mà có danh vọng hơn cả. Phùng, Lương thâm thúy về nghề lý học, cùng làm danh thần lúc nhà Lê trung hưng.

Khi trước ông Phùng Khắc Khoan thuê nhà đến học ngài. Lúc học giỏi rồi, ngài đang đêm đến chơi nhà chọ, gõ cửa mà bảo rằng:

- Gà gáy rồi, sao không đứng dậy mà thổi cơm ăn, còn nằm mãi đây ư?

Nhờ ấy có ý giục ông Khắc Khoan vào Thanh Hóa giúp nhà Lê. Ông Khắc Khoan cũng biết ý thế, mới cùng với Nguyễn Dữ vào giúp nhà Lê, làm đến công thần.

Tính ngài thuần nhũ, không hay nói, mà đã nói câu nào thì là đích đáng. Ngài làm ra thơ từ rất nhiều, đến nay vẫn còn một tập thơ Bạch Vân và một quyển sấm ký truyền lại.

Khi ngài mất rồi, người làng nhớ ân đức của ngài, lập miếu ở nơi nhà cũ cho ngài, bốn mùa cúng tế. Miếu ấy đến bây giờ vẫn còn.

20. Đặng Đình Tướng

Đặng Đình Tướng người làng Lương Xá, huyện Chương Đức.

Tục truyền đời tổ mẫu nhà ông ấy nghèo khó, phải đi ăn xin. Trong làng có một cái đầm, bốn mùa không lúc nào cạn nước. Những người cấy gặt thường phải bơi thuyền thúng đi làm. Giữa đầm có một gò cao, chúng thường tụ ở đấy ăn cơm. Bà cụ kia cũng thường theo người ta vào đấy kiếm ăn. Một hôm trời rét lắm, bà già ấy không chịu được, nằm xuống ở đấy. Khi chúng trở về, không ai bảo. Đến lúc bà ấy đứng dậy thì không còn người nào. Trời hôm đấy rét lại thêm mưa phùn, bà kia chết ở đấy. Hôm sau chúng trở lại, thì thấy mỗi lớp đất lên lù lù một đồng to, mới biết bà ấy chết mà được ngôi thiên táng.

Từ khi ấy con cái làm ăn mỗi ngày một khá. Đến đời cháu là Đặng Đình Tướng học hành thông thái rồi thi đỗ Tiến sĩ năm Canh Tuất đời Cảnh Trị (đời vua Lê Huyền Tôn). Từ đấy ra làm quan, rồi phụng mệnh sang sứ Tàu, được thiên lên làm Lại bộ Thị lang. Lâu mãi làm đến Thái phó, phong tước Quận công. Sau lại làm đến Đại tư đồ.

Tính ngài nhân hậu phúc đức lắm, chỉ mong làm những việc cho dân được nhờ. Trên từ vua, các quan, dưới đến trăm họ, ai ai cũng có lòng kính trọng. Đến lúc ngoài 70 tuổi thì ngài làm trí sĩ, về làng Lương Xá chơi bờ sông núi, xem phong cảnh cho vui tuổi già. Nhưng cứ đến ngày sóc vọng thì lại vào châu vua một lần.

Trong lòng ngài lúc nào cũng thương đến dân. Khi ngài từ quan về rồi, treo hai cái rỏ tre ngoài cổng ngõ, phàm dân gian ai có điều gì oan uổng, cho bỏ giấy vào hai cái rỏ ấy. Mỗi khi ngài vào châu Kinh đô, thì tàu lên vua để gỡ hết oan cho người ta. Tuy vậy, ngài không thềm kể ơn với ai, cứ đạo công bằng mà cứu cho thôi, nếu ai đến tạ ơn thì ngài lấy làm ghét lắm, và không cho ai đến cửa. Vì thế ai cũng phục bụng ngài.

Ngài thọ 80 tuổi mới mất. Vua nhớ người nhân đức, phong làm Thành hoàng làng ấy, sai dân lập miếu thờ.

Từ khi ấy nhà ngài thịnh vượng lắm, con cháu làm quan khắp triều đình, mà thời nào cũng có người hiển đạt, hơn 200 năm, không lúc nào hết người làm quan. Tục có câu rằng: “*Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng.*”

Chương thứ IV CÁC BẠC VĂN TÀI

21. Nguyễn Hiền

Nguyễn Hiền quê ở làng Hà Dương, huyện Thượng Nguyên (Nam Định). Đỗ thủ khoa năm Bính Ngọ thời vua Thái Tôn nhà Trần, đến năm sau thi đình đỗ Trạng.

Nguyễn Hiền thông minh từ thuở nhỏ. Khi 6, 7 tuổi học nhà sư ở chùa, nhà sư mỗi buổi dạy 10 tờ giấy, Nguyễn Hiền chỉ học qua là thuộc lòng.

Một hôm, nhà sư tụng kinh vừa xong, vào phòng nằm nghỉ, mơ thấy phật giáng xuống bảo rằng: “*Nhà sư sao không biết bảo Trạng, cứ để cho lên chùa nhơn với Phật.*” Nhà sư tỉnh dậy soi đèn xem các tượng phật, thì thấy sau lưng một tượng có chữ đề: “*Phạt 30 trượng*” và sau mình hai tượng hộ pháp thì có chữ đề: “*Phạt 60 trượng.*” Nhận nét chữ thì đúng chữ ông Nguyễn Hiền. Nhà sư quở mắng Nguyễn Hiền, bắt phải lấy nước tày đi.

Nguyễn Hiền học các sách, qua mắt một lượt là nhớ ngay. Thơ từ phú sách, nói ra tức là văn chương. Năm 11 tuổi, đã nổi tiếng thần đồng, bấy giờ có người học trò ở Kinh Bắc tên là Đặng Tính, tự thị tài mình hơn cả đời. Nghe tiếng Hà Dương có thần đồng, đến chơi tận nhà, thử xem tài học ra làm sao. Khi đến ra một bài phú:

“*Phụng hoàng sào vu A các, Kì lân du vu Uyển hựu.*”^[39]

Nguyễn Hiền đọc ngay bốn câu rằng:

- a) *Qui phi Lạc thúy,*^[40]
- b) *Long bất Mạnh hà.*
- c) *Ý bi Hữu hùng chi quốc,*
- d) *Áp vu Trác lộc chi a.*

Đặng Tính mới nghe được bốn câu, đã lắc đầu le lưỡi nói rằng:

- Thiên tài xin nhường bác trẻ tuổi này!

Năm đấy thi đỗ thủ khoa. Năm sau vào thi đình, vua ra bài phú: “*Áp từ từ kê mẫu phi hồ.*”^[41] Văn Nguyễn Hiền hay nhất, vua cất lên đỗ Trạng nguyên, bấy giờ mới 12 tuổi.

Trạng vào bái mạng vua trong sân rồng, vua thấy còn bé loét choắt, lấy làm lạ, hỏi rằng:

- Trạng nguyên học ai ở nhà?

Trạng thưa rằng:

- Tâu bệ hạ, tôi sinh ra đã biết ngay, chỉ còn chỗ nào tôi không biết, thì hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy trạng ứng đối, chưa biết lễ phép, ăn nói không được khiêm tốn, mới cho về học lễ phép, ba năm rồi mới dùng làm quan.

Nguyễn Hiền về nhà ở không được bao lâu, có sứ Tàu đem một bài thơ ngũ ngôn sang thử nhân tài nước Nam.

Thơ rằng:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,

兩日平頭日

Tứ sơn điên đảo sơn;

四山顛倒山

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

兩王爭一國

Tứ khẩu tung hoành gian.

四口縱橫間

Vua hỏi các quần thần thì không ai hiểu nghĩa lý ra làm sao. Phải sai hai quan văn võ đến nhà ông Nguyễn Hiền mời vào triều để hỏi. Hai quan sứ đến làng Hà Dương, gặp một đứa trẻ trong nhà hàng, mặt mũi phương phi. Sứ giả hỏi thì đứa trẻ ấy không thèm đáp lại. Mới đọc câu đối nôm rằng:

“*Tự (字) là chữ, cật giảng đầu chữ tử (子) là con: Con ai con ấy?*”

Đứa trẻ đối ứng khẩu ngay rằng:

“*Vu (于) là chung, bở ngang lưng chữ đinh (丁) là đứa: Đứa nào đứa này?*”

Sứ giả biết đứa trẻ ấy tức là Trạng Hiền, mới hỏi thăm đến tận nhà, thì thấy Trạng đang lúi húi ở dưới bếp, nhân lại đọc một câu rằng:

“*Ngô văn quán tử viễn bào trù; hà tu mị táo.*”^[42]

Trạng ứng khẩu đối rằng:

“*Ngã bản hữu quan cư đỉnh nại; khả tạm điều canh.*”^[43]

Sứ giả thấy ứng đối nhanh nhẩu và có ý cao, chịu là giỏi, mới bày kể ý vua xin mời vào kinh.

Trạng nói rằng:

- Thiên tử trước bảo ta chưa biết lễ phép, nhưng chẳng những là Trạng chưa biết lễ phép, cả đến thiên tử cũng chưa biết lễ phép.

Nói thế rồi nhất định không chịu đi. Sứ giả về tâu lại với vua, vua phải sai đem xe ngựa và đồ lễ đến đón, bấy giờ Trọng mới đi.

Khi đến kinh, vua đưa bài thơ của Tào ra hỏi, Trọng Hiền cầm bút viết ra một chữ và giải rằng:

- Câu thơ thứ nhất nghĩa là chữ *nhật* (日) ngược xuôi bằng đầu nhau; thứ nhì là bốn chữ *san* (山) ngược xuôi cùng là chữ *san* cả; thứ ba hai chữ *vương* (王) tranh nhau ở trong một nước; thứ tư là bốn chữ *khẩu* (口) ngang dọc cùng thành chữ *khẩu* cả. Tóm lại chỉ là một chữ *điền* (田).

Giải xong đưa cho sứ Tào xem, sứ Tào phải chịu. Vì thế vua cử Nguyễn Hiền làm Kim tử vinh lộc đại phu. Sau lại làm đến Công bộ thượng thư, không được bao lâu thì ông ấy mất.

Vua thấy người đại tài như thế mà không được thọ, thương tiếc vô cùng. Huyện ông ấy nguyên tên là huyện Thượng Hiền, vua mới kiêng tên ông ấy, đổi ra gọi là Thượng Nguyên. Lại cấp cho năm mẫu ruộng tư điền, bắt dân ấy phải lập miếu thờ.

22. Lương Thế Vinh

Lương Thế Vinh hiệu là Thụy Hiên, người ở làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, tỉnh Nam Định. Khi còn bé, đã có tiếng đồn là thần đồng. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng nguyên trong năm Quang Thuận đời vua Thánh Tôn nhà Lê.

Tục truyền Thế Vinh đã thác sinh ở huyện Nam Xang. Khi lên 7, 8 tuổi, cùng với trẻ con đi học. Bên cạnh đường có một con chó đá, mỗi khi Thế Vinh đi qua, thì con chó đá vẫy đuôi mà mừng.

Về nói chuyện với cha, cha bảo rằng:

- Nó đã biết vẫy đuôi, thì hẳn nó cũng biết nói, thử hỏi vì cớ gì mà mừng.

Hôm sau, Thế Vinh đi qua, con chó ấy lại vẫy đuôi. Thế Vinh hỏi, thì nó nói rằng: *“Ngày sau ông đỗ Trạng nguyên cho nên tôi mừng thay ông.”*

Thế Vinh về nhà lại nói với cha như thế. Cha tự bấy giờ chắc ngày sau con làm nên, sinh ra kiêu ngạo, thường hay tranh cạnh với người ta và đe rằng:

- Mai sau con ông đỗ Trạng, ông sẽ hỏi tội cho chúng bay.

Thế Vinh thấy cha như thế, can mãi mà cha không nghe, có ý không bằng lòng, buồn rầu mà bảo với mẹ rằng:

- Mẹ có đức hiền hậu mà cha thì kém đức. Con không ở đây nữa, xin từ đi chỗ khác đây.

Mẹ ngạc nhiên thất sắc nói rằng:

- Sao con nói gở ra thế? Công chằng nuôi con bấy lâu nay, mong con mai sau khá giả, để mà nương nhờ, con đã lấy gì giả được ơn cha nghĩa mẹ, mà dám nói càn như vậy?

Thế Vinh khăng khăng một mực xin đi. Mẹ khuyên dỗ trăm chiều, nhưng cũng không sao giữ được, mới khóc mà bảo rằng:

- Vậy thì con định đi đâu? Con bảo cho mẹ biết.

Thế Vinh dặn mẹ cứ ngày ấy tháng ấy đến làng Cao Hương, huyện Thiên Bản thì biết, và dặn giữ lại các sách của mình học. Nói xong thì mất.

Bấy giờ vận nước Nam đang thịnh, người Tàu xem thiên văn, thấy Văn tinh giáng xuống nước Nam, mới sang nước ta, tìm phương trấn áp. Khi Thế Vinh còn ở Nam Xang, đi chơi với một lũ trẻ con. Người Tàu trông sao, biết Văn tinh ở trong đám trẻ con ấy, nhưng chưa biết đích đứa nào. Mới lấy một quả bưởi bỏ vào hồ sâu, đổ đám trẻ ấy lấy được quả bưởi ra thì thưởng tiền. Thế Vinh không ra mặt lấy, nhưng xui một đứa khác múc nước đổ vào hồ cho đầy, rồi quả bưởi nổi lên thì lấy. Người khách gạn hỏi đám trẻ, biết là mưu mô tự ông Thế Vinh, muốn tìm phương kế để trừ ông ấy đi.

Người khách chưa kịp dùng mẹo thì ông ấy mất. Trông xem thiên văn, biết thần ấy chạy sang làng Cao Hương, mới đuổi theo đến tận làng ấy, thì thấy thần ông ấy đã nhập vào trong hòn đá to. Người khách hỏi người chủ có hòn đá, xin mua. Người chủ tưởng nó hỏi đùa mình, mới nói bỡn rằng: “Hòn đá này phải 100 quan tiền mới bán.” Người khách giả đến 70 quan, người chủ không biết thế nào, tưởng là nó đến cột mình, nhất định không bán. Người khách thấy không bán, giả tảng đi nơi khác. Xảy có người liền bà ở ngoài đồng đi về, thấy chúng xúm xít lại nói chuyện người khách hỏi mua hòn đá. Người liền bà mới giẫm chân vào hòn đá mà nói rằng:

- Hòn đá này quý hóa gì mà nó mua đắt đến thế?

Không ngờ thần ông ấy ở trong hòn đá, từ bấy giờ đầu thai ngay vào người liền bà ấy. Hôm sau người khách trở lại, toan cố vật nài để mua hòn đá cho được. Người có đá cũng định bán vậy cho nó. Nhưng khi đến nơi thì người khách trông hòn đá, biết thần đã xuất mất rồi, mới nói rằng:

- Bây giờ một đồng cũng chẳng mua nữa.

Người khách biết không thể nào trấn áp được, mới trở về Tàu.

Khi Thế Vinh mới sinh ra, ngày đêm chỉ một vị khóc, cha mẹ, hàng xóm thay nhau ôm ấp cũng vậy. Người mẹ trước nhớ lời con dặn, hỏi thăm đến tận làng ấy, nghe có một nhà mới đẻ con giai, mà chỉ khóc cả ngày lẫn đêm. Hỏi đến tận nhà vào chơi, xin chủ nhà ẵm đứa bé một tí, từ đấy đứa bé mới thôi khóc. Bà kia mới kể chuyện đầu đuôi con mình với nhà chủ, từ đó thường thường đi lại coi như con mình.

Đến khi Thế Vinh mới lớn lên, báo với bà mẹ trước rằng:

- Những sách của tôi thừa trước, cùng là tôi có món tiền chôn ở dưới gốc cây chuối thì đem đến đây cho tôi.

Bà kia về đào dưới gốc cây chuối, thì quả nhiên thấy có món tiền, mới đem cả sách và món tiền sang đưa cho Thế Vinh. Cha mẹ đẻ mới lấy làm tin, nuôi bà kia ở đấy một thế.

Thế Vinh học đến đâu, như người học ôn lại. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng nguyên.

Vua Thánh Tôn thấy Thế Vinh là người hay chữ, dùng làm chức Hàn lâm thị thư chương viện. Bao nhiêu tờ bồi giao thiệp với nhà Minh tự tay Thế Vinh soạn ra cả. Người Tàu phải chịu nước Nam có tay văn chương giỏi.

Bộ Đại Thành Toán Pháp, là của Thế Vinh làm ra.

Thế Vinh làm quan không được bao lâu thì về trí sĩ. Tính hay khôi hài, lúc về quan rồi, thường chỉ mặc cái áo vải, chơi bời với người trong làng.

Một hôm, ngồi chơi với một vài người ở trong làng, xảy nghe có quan huyện đi qua. Quan huyện xưa nay hách dịch, đi đến đâu rầm rầm đến đấy. Mấy người ngồi hàng đứng dậy tránh cả, chỉ còn một mình Thế Vinh ngồi chơi. Khi quan huyện đến, sai lính vào hàng bắt phu khiêng võng. Lính không biết ông ấy là ai, bắt ra khiêng, Thế Vinh cũng khiêng.

Đi được một lát, ông ấy gặp người làng nhắn bảo rằng:

- Nhờ bác bảo hộ thẳng học trò tôi là Thám hoa làng Vân Cát tên nó là Trần Công Bích, bảo nó ra khiêng đờ võng quan huyện cho tôi, kéo tôi một quá, không đi được.

Ông quan huyện nằm trong võng, nghe câu ấy, chẳng khác gì sét đánh ngang tai, giật mình ngã lăn xuống đất, rồi đứng dậy lay thì thà thì thụp, kêu là không biết, xin thứ tội cho.

Thế Vinh cười bảo rằng:

- Ông là quan huyện, bắt tôi khiêng võng thế là phải, có việc gì mà tạ!

Ông huyện kia vật đầu vật tai kêu van mãi, Thế Vinh mới bảo rằng:

- Có phải thế thì từ rầy chớ nên bắt phu khiêng võng nữa bác nhé!

Ông huyện kia vâng vâng dạ dạ, xin khiêng giá võng rước ngài về nhà. Thế Vinh không khiêng, người trong làng đổ ra đón Thế Vinh về.

Về sau Thế Vinh mất, được phong làm thượng đẳng phúc thần. Con là Hiến Công, có công với nước, cũng được phong làm phúc thần. Ngôi mộ ông Thế Vinh đến giờ vẫn còn ở làng Cao Dương.

Khoa Thế Vinh đỗ, Nguyễn Đức Trinh thi đỗ Bảng nhãn, Quách Đình Bảo thi đỗ Thám hoa, ba người cùng có tiếng hay chữ từ thuở nhỏ. Vua có thêu ba lá cờ ban cho mỗi người một lá, để cho vinh qui.

Trong cờ thêu bốn câu rằng:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh,

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh,

Thám hoa Quách Đình Bảo,

Thiên hạ cộng chi danh.

Tục truyền khi Thế Vinh còn nhỏ, nghe tiếng Quách Đình Bảo hay chữ, hỏi thăm đến chơi. Đến nhà thấy Đình Bảo đang học ở trong buồng. Thế Vinh trở ra về ngay, nói rằng: “*Anh ấy không sợ*”, nghĩa là thi đến nơi rồi mà còn phải học thì hèn lắm, không đủ sợ chi. Về sau, Đình Bảo cũng hỏi thăm đến chơi nhà Thế Vinh thì thấy ông ấy đi chơi thả điều vắng. Đình Bảo than rằng: “*Thi đến nơi rồi mà không cần gì phải xem sách, đó mới thực là thiên tài!*” Nhân thế biết mình không bằng ông ta, xấu hổ trở về.

23. Vũ Công Duệ

Công Duệ người làng Trình Xá, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây. Khi còn nhỏ, cha mẹ đi cấy vắng nhà, Công Duệ chơi với một bọn trẻ con, nặn đất làm con voi, bắt hai con bướm làm hai tai, cắm con đĩa làm vòi, lấy bốn con cua làm chân. Thành ra voi đất mà vẫn được tai, vòi co lên quắp xuống và chân đi được, ai trông cũng cho là tinh quái.

Một khi, có người đến đòi nợ, hỏi rằng:

- Bố mày đâu?

Đáp lại:

- Bố tôi đi giết người.

- Mẹ mày đâu?

- Mẹ tôi đi cứu người.

Người đòi nợ lấy làm lạ, không biết nói thế là ý tứ ra làm sao, hỏi căn vặn mãi mới nói rằng:

- Hễ có tiền thưởng thì tôi sẽ nói rõ cho mà biết.

Người kia mới dỗ bảo rằng:

- Mày cứ nói đi cho thật, tao sẽ tha nợ cho nhà mày, không đòi nữa.

Công Duệ sẵn cầm một cục đất dẻo, bảo người kia in tay vào đây để làm tin.

Người kia cũng thử in tay vào xem nói ra làm sao, Công Duệ mới nói rằng:

- Cha tôi đang nhờ mạ mà mẹ tôi thì đang cấy.

Người kia lấy làm kì dị. Hôm khác lại đến đòi nợ. Công Duệ đưa ngay hòn đất hôm trước ra, và nói rằng:

- Tay ông ký vào đây, còn đòi gì nữa?

Người kia đứng ngẩn mặt ra, không biết nói lại ra làm sao, nhân khuyên cha mẹ Công Duệ cho đi học, và giúp món nợ ấy để lấy tiền mua sách.

Công Duệ học thông minh lắm, nội các sách vở, chỉ học qua một lượt là thuộc. Đến năm Hồng Đức thứ 23 đời vua Thánh Tôn nhà Lê. Công Duệ đã ngoài 20 tuổi, thi đỗ Trạng nguyên khoa ấy.

Lúc làm quan, tính khí cương trực, vua cất lên làm Đô ngự sử, các quan ai cũng kính sợ.

Đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, đình thần nhiều người a dua về Mạc Đăng Dung, ai không nghe phải giết. Đăng Dung sai người dụ Công Duệ theo về làm quan với mình, Công Duệ chửi mắng rầm rã, nhất định không thèm theo kẻ nghịch thần, nhưng liệu mình cũng không thoát được tay nó, mới đeo cả quả ấn ngự sử đâm đầu xuống cửa bể Thần Phù mà chết.

Cách 60 năm nữa, nhà Lê trung hưng, khôi phục được kinh thành Thăng Long, sai đúc ấn ngự sử, thì đúc mãi không thành được quả ấn. Mới sai người lặn xuống cửa bể Thần Phù, tìm quả ấn trước. Người lặn xuống đến nơi thì thấy Công Duệ vẫn còn mặc áo đội mũ chỉnh tề, cổ đeo túi ấn, ngồi xếp hàng tròn ở dưới đáy bể như thuở sinh thời.

Người ấy sợ hãi, lên tâu truyện với vua Trang Tôn. Vua lấy làm lạ, chắc là bụng tinh thành của Công Duệ kết lại, mới sai quan làm lễ khấn bái, rồi sai người đem xác Công Duệ lên, dùng lễ khâm liệm, bỏ vào áo quan, làm ma đưa về đến làng Trình Xá an táng, truy phong làm thượng đẳng phúc thần.

24. Giáp Hải

Giáp Hải thi đỗ Trạng nguyên khoa Mậu Tuất năm Đại Chính nhà Mạc (1538) Mẹ Giáp Hải là người làng Công Luận, huyện Văn Giang. Bà cụ ấy khi còn trẻ nghèo lắm, chỉ có vài gian nhà gianh ở cạnh đường bán hàng nước. Bấy giờ có một người Tàu đi qua đường vào hàng nghỉ, lúc đi bỏ quên một túi bạc. Cách nửa tháng nữa mới hốt hoảng lại hỏi, thì bà ấy đem cả túi ra trả, vẫn nguyên như lúc trước.

Người khách xin biểu lại một nửa, bà ấy không lấy, nói rằng:

- Tôi chỉ vì không ưa của bất nghĩa, cho nên mới nghèo thế này, sao bây giờ tôi có chịu lấy của ông.

Người khách cảm tạ bụng ấy, mới hỏi rằng:

- Mồ mả đáng tiên nhân nhà bà ở đâu, để tôi tìm giúp cho bà một ngôi đất hay.

Bà kia nói:

- Tôi là đàn bà, chỉ có tội một mình, không có anh em nào cả. Nay đã ngoài 40 tuổi, dù được đất hay, thì bao giờ cho phát đạt? Mà phát đạt thì có làm gì nữa?

Người khách nói:

- Nếu được chỗ đất hay, thì dẫu đàn bà cũng phát phúc.

Bà ấy mới đưa người khách đến chỗ ngôi mộ cha bà ấy. Người khách lập tức tìm đất cát cho, rồi dặn rằng:

- Về sau thấy ai có nạn đến đây, phải sẵn lòng mà cứu người ta, thì sẽ có cát báo.

Bà ấy ở đây được nửa năm, xảy có người làng Bát Tràng, nhà nghèo đi làm mướn kiếm ăn; khi ấy trời đã tối, gặp phải mưa gió, quần áo ướt lướt thướt, rét run cầm cập, qua hàng bà ấy xin vào trọ một tối. Bà ấy hỏi đầu đuôi căn kẽ, cho vào ngủ, rồi đốt lửa cho sưởi và dọn cơm cho ăn, đêm hôm ấy rét lắm, mà nhà thì có độc một chiếc chiếu. Người kia thì rét không có chiếu không chịu được, mà bà ấy thì cũng không thể nào mà nhường được chiếu cho. Mà để cho khổ thì chẳng đành lòng, mới cho nằm chung một giường mà ngủ.

Chàng kia đã được no ấm, lại nằm chung với liền bà, lạ gì lữ gàn rom, té ra thành tư thông với nhau. Không ngờ chàng kia bị chúng hàn thấp chi một lúc thì tắt hơi. Bà ấy kinh hoàng vô cùng, sợ người ta phát giác ra, đang đêm phải lôi ra đám tha ma vùi xuống; mà bà ta cũng có mang từ đấy.

Được vài tháng nữa, người Tàu lại đến, hỏi rằng:

- Tự khi táng má đến giờ, đã cứu được việc gì cho người nào chưa?

Bà ấy không giấu giếm gì, kể cả sự trước cho người khách nghe.

Người khách hỏi:

- Chôn chỗ nào, thử chỉ cho tôi xem.

Bà ấy đưa ra chỗ mà chàng kia. Người khách ngắm nghía một hồi rồi nói rằng:

- Chỗ này là huyết thiên táng đấy, nếu có thai thì tất sinh ra Trạng nguyên tể tướng.

Bà ấy đầy năm, quả nhiên sinh được con trai, cốt cách lạ thường. Khi lên 4 tuổi, ra chơi ngoài bờ sông, xảy có người lái buôn ở làng Sinh Kế, huyện Phượng Nhỡn, bơi thuyền qua bến, trông thấy thằng bé nhả nhụi, ăn cắp đem xuống thuyền đi mất.

Bà kia tìm con đâu cũng không thấy, tưởng là chết đuối dưới sông rồi, sàu thăm không biết ngàn nào.

Người lái từ khi đem đứa bé về, yêu mến lắm, khi mới lớn lên tìm thầy cho đi học. Giáp Hải học rất thông minh, nổi tiếng thần đồng. Mỗi ngày học hành một tấn tới, văn chương hay nhất trong đời. Đến năm 23 tuổi, thi đỗ Trạng nguyên.

Hôm vinh quy về làng, người trong làng phải phục dịch khó nhọc, có người biết nguyên ủy ông ấy, bảo riêng với nhau rằng:

- Không biết người ở xứ nào, đến đây mà làm khổ dân ta thế này!

Giáp Hải nghe lôm được câu ấy, không biết vì cớ làm sao. Một hôm, xét xem các mồ mà tổ tiên, thì không có ngôi nào đáng phát Trạng nguyên, trong bụng hồ nghi lắm. Nhân mới hỏi những người quen thuộc, có người biết truyền nói với ông ấy. Giáp Hải mới đến tận làng Công Luận dò xem, thì thấy có bà cụ già ngoài 70 tuổi, bán hàng bên cạnh đường, trông ra tình cảnh khốn đốn lắm.

Giáp Hải sai người vào hỏi rằng:

- Bà cụ kia có chồng con gì không, sao mà khốn khó đến thế?

Bà cụ nói:

- Tôi là người ở làng này, khi xưa có đẻ được một mụn con trai, đã 4, 5 tuổi, chơi với trẻ con ở bờ sông, rồi không biết nó lạc đi đâu mất. Bây giờ chỉ có một thân, không biết nương cậy vào đâu, tình cảnh sàu thăm, nói ra không xiết.

Giáp Hải đồ là mẹ mình, mới sai người bảo rằng:

- Bà cụ già cả mà không có ai trông nom, thì theo về với tôi để tôi nuôi cho, có bằng lòng không?

Bà kia nói:

- Nếu quan lớn có bụng thương tôi như thế, thì phúc cho tôi lắm!

Giáp Hải mới đem về nuôi nấng, nhưng cũng chưa dám chắc hẳn là mẹ. Chân Giáp Hải vốn có nốt ruồi đỏ, thường khi ngồi nhàn để lộ ra. Bà cụ ấy một hôm trông thấy, cứ nhìn tròn trọc không chớp mắt.

Người nhà quờ rảng:

- Quý thể quan lớn, bà cụ kia sao dám nhìn mãi thế?

Bà kia nói:

- Tôi khi xưa sinh được một đứa con giai, cũng có cái nốt ruồi như thế, nay tôi trông thấy, tôi lại nhớ đến con tôi, cho nên tôi nhìn ngắm một chút, xin quan lớn thứ lỗi cho tôi.

Giáp Hải lập tức gọi bà ấy hỏi cặn kẽ từng tí, bà cụ ấy kể rạch ròi thủy chung, Giáp Hải buồn rầu mà than rằng:

- Ta bậy bạ uống mất một đời, có mẹ mà không biết, nay nhờ trời mà được gặp đây, mới biết đến mẹ.

Tự bấy giờ mẹ con nhìn nhận nhau, hết đạo phụng thờ sớm tối.

Về sau, Giáp Hải làm Đề điệu trường thi hương ở tỉnh Sơn Nam. Hôm vào trường, Giáp Hải ra đầu bài hiểm hóc, học trò nhao nhao, toan sự phá trường mà ra, Giáp Hải phải điều đình ra đầu bài khác, học trò mới yên. Sai người dò xét, bắt được người thù xướng phá trường, sai điệu ra ngoài cửa trường kết án trăm quyết. Người học trò ấy kêu nhà độc đình, xin nộp nghìn quan tiền chuộc tội, nhưng Giáp Hải không nghe, nhất định chính pháp.

Được ít lâu, con Giáp Hải là Giáp Phong, cũng đã đỗ tiến sĩ, làm quan trong tòa Hàn lâm, đã ngoài 30 tuổi, bỗng một hôm vô bệnh mà mất. Rồi bốn con giai, hai con gái cũng mất luôn cả một gia tộc. Giáp Hải thương xót vô cùng, mời thầy phù thủy đánh đồng thiếp.

Thầy phù thủy bảo Giáp Hải ngồi tĩnh nhắm mắt lại, rồi thư phù niệm chú một lúc, bỗng nhiên Giáp Hải ngã gục xuống. Trong khi ấy thấy có một người sứ giả, đưa đến một nơi cung phủ, trong đó có ba bộ ngai ngồi, bên cạnh có một tấm phản, và có một cái gông son son đỏ để đầy.

Giáp Hải hỏi những người canh cửa rằng dinh tòa nào, thì họ nói rằng:

- Đây là tòa Diêm Vương hỏi kiện đây, cái gông son đỏ để chờ quan Trạng nguyên ở làng Sính Kế đấy.

Giáp Hải nghe nói lập tức ra ngay. Sứ giả lại đưa đến một chỗ đèn đài mát mẻ, phong cảnh lạ lùng. Giáp Hải trông thấy con là Giáp Phong đang ngồi đánh cờ với một ông quan khác. Phong trông thấy cũng ngoảnh mặt nhìn ra, nhưng không nói một câu gì.

Ông quan kia hỏi rằng:

- Ông cũng quen người ấy đấy ư, sao mà nhìn mãi người ta thế?

Phong nói rằng:

- Tôi trước kia ở trên trần, có trợ nhà ông ta hơn 30 năm, vì ông ta giết oan mất một người, cho nên tôi không ở nữa; nay thấy ông ta đến đây, chẳng lẽ không nhìn một chút.

Ông ấy thấy nói vậy, không hỏi gì nữa đi ra. Sứ giả đưa về thì tỉnh. Biết là cái nợ oan gia, mà lẽ báo ứng của nhà Phật cũng có. Vì thế sai gọi nhà người học trò bị giết khi trước, cho tiền về làm chay cho anh ta. Từ bấy giờ, nhà ông ấy cũng yên ổn không việc gì.

Về sau, làm đến Lại bộ Thượng thư, Thái bảo Sách quốc công, về nhà trí sĩ.

Giáp Hải nhận tổ mộ ở làng Bát Tràng, cho nên vẫn chỉ huyện Gia Lâm phải thờ ông ấy. Đến sau có ông Tiến sĩ Nguyễn Mậu Thịnh, cho Giáp Hải là người làng Sính Kế, và lại làm quan nhà Mạc, muốn tước tên ông ấy ở trong sổ tiên hiền huyện Gia Lâm. Đêm nằm mơ thấy Giáp Hải đòi lại máng rằng: *“Tao tội gì mà dám tước tên tao, mày là bọn hậu sinh, sao dám khinh nhờn tiên bối, sẽ có báo ứng cho mày xem.”* Ông kia vì thế sợ hãi, không dám xóa tên đi nữa. Nay huyện Gia Lâm vẫn còn thờ, mà làng Bát Tràng cũng phải cúng tế

25. Phạm Trấn, Đỗ Ưông

Huyện Gia Phúc (bây giờ là huyện Gia Lộc), tỉnh Hải Dương, một người tên là Phạm Trấn ở làng Lâm Kiên; một người tên là Đỗ Ưông ở làng Đoàn Lâm, hai làng giáp giới với nhau.

Làng Đoàn Lâm có một con yêu tinh, thường thường biến hiện trăm vẻ, trêu ghẹo người ta, làng ấy tìm phương kế trừ mãi không được.

Ông Đỗ Ưông khi còn nhỏ, một đêm ngồi học trong nhà, con yêu tinh thò tay vào trong cửa sổ trước chỗ bàn học để trêu ghẹo Đỗ Ưông. Đỗ Ưông nói chuyện với thầy phù thủy, thầy phù thủy xui lấy chỉ ngũ sắc mà buộc lấy tay nó. Đêm hôm sau, con yêu tinh quen thói lại đến. Đỗ Ưông vội vàng cầm chỉ ngũ sắc trói lại, buộc vào cửa sổ. Con yêu tinh quả nhiên không biến được nữa, mới kêu van, Đỗ Ưông nhất định không tha. Mãi đến gần sáng con yêu tinh lại kêu rằng:

- Ông ngày sau đại quý, tôi muốn bõn ông đấy thôi, nỡ nào ông lại hại tôi?

Đỗ Ưông hỏi:

- Như tài sức tao, thì có đỡ nổi được Trọng nguyên không?

Con yêu nói:

- Trọng nguyên đã có một ông họ Phạm, ông chỉ đỡ được Bảng nhãn mà thôi.

Lại hỏi:

- Mà y có của gì mà thiêng được, hễ cho tao xem thì tao sẽ tha cho mày.

Một lát, thấy con yêu nôn ọe, nhổ ra một hòn ngọc, cầm ở trong tay, ánh sáng lóe vào trong ngôi nhà, rồi lại nói rằng:

- Tôi chỉ nhờ có của này mới thiêng, nay xin dâng ông để giúp thêm cho việc học hành.

Đỗ Ưông cầm lấy hòn ngọc, nuốt vào bụng, rồi mới cởi trói tha cho nó đi. Từ bấy giờ con yêu mất thiêng, không quấy nhiễu gì nữa. Mà ông Đỗ Ưông từ khi nuốt hòn ngọc ấy, văn chương mỗi ngày một hay, nổi tiếng trong các trường, văn ông Phạm Trấn vẫn không kịp.

Đến khoa thi hội thời Quang Bảo nhà Mạc, hai ông cùng trạc 34 tuổi, và cùng đỗ hội. Đến hôm thi đình, Đỗ Ưông trông thấy đầu bài, toàn chỗ nhớ cả, chắc là nắm Trọng nguyên trong tay. Bấy giờ Phạm Trấn ngồi trong lều làm văn, phảng phất như có hai người giúp đỡ. Một người là Đông Phương Sóc, một người là Hàn Kỳ. Hai người đứng cạnh đọc lên cho Phạm Trấn viết. Rồi lại thấy Đông Phương Sóc bảo với Hàn Kỳ rằng: *“Phải có một người sang làm cho Đỗ Ưông đau bụng, để giảm bớt sức văn của hắn đi mới được.”* Một lát sau nghe tiếng Đỗ Ưông ngồi lều bên kia, rên lên khừ khừ, không sao viết được. Đến lúc Phạm Trấn viết hơn một đoạn, thì Đỗ Ưông mới bớt đau bụng, làm được văn, cho nên nhớ nhiều mà sức văn hơi kém.

Khi xướng hội danh, quả nhiên Phạm Trấn đỗ Trọng nguyên, mà Đỗ Ưông thì đỗ Bảng nhãn, Phạm Trấn mừng lắm nói rằng:

- Phen này ta mới đề nổi được Đỗ Ông!

Đỗ Ông nghe vậy tức lắm. Đến lúc vinh qui, Trọng, Bằng cùng về một đường. Bằng nhất định không chịu nhường Trọng đi trước, cứ song cương ngựa đi ngang hàng nhau. Đi mãi đến chợ Bồng Khê làng Hoạch Trạch, người làng ấy vốn biết tiếng hai ông hay chữ, nay cùng vinh qui về qua cầu làng, mới ra xin hai ông cho một bài thơ đề vào cầu.

Hai ông bảo nhau rằng:

- Cầu ngói này hơn mười gian, hạn đi qua bảy gian, thì người vinh xong một bài thơ, hễ ai làm xong trước thì đi trước, không được tranh nhau.

Phạm Trấn y ước, ngồi trên xe ngựa vừa đi vừa vịnh, đi khỏi bảy gian, thì vừa xong tám câu thơ. Ai cũng chịu là tài, chỉ Đỗ Ông không chịu, nói rằng:

- Bài ấy chẳng qua làm sẵn tự bao giờ, không phải mới làm, tài gì mà khen.

Nói thế rồi lại cứ đi ngang hàng. Đi đến làng Minh Luân, lại có người mới làm nhà xong, đón đường xin một bài thơ để mừng nhà mới.

Phạm Trấn ứng khẩu đọc một bài rằng:

*Năm năm thêm phú quý,
Ngày ngày hưởng vinh hoa
Xưa có cầu như thế,
Nay mừng mới làm nhà.*

Đỗ Ông hơi chịu tài nhanh hơn mình. Khi đến cầu làng Đoàn Lâm, tục gọi là cầu Cốc. Trong cầu có một người con gái bán hàng, tên là cô Loan. Hai ông mới thách nhau làm bài thơ nôm, đầu bài ra: “*Cô Loan bán hàng cầu Cốc.*” Hạn phải mỗi câu dung hai tiếng thuộc về giống cầm, qua cầu phải xong bài thơ, hễ ai xong thì được đi trước, không được tranh nhau nữa.

Ông Phạm Trấn ngồi trên ngựa lại ngâm xong trước.

Thơ rằng:

*Quai vạc đôi bên cánh phụng phong,
Giờ giang bán trác tựa đồ công.
Xanh le mở khếp nem hồng mới,
Bạc ác phô phang rượu vịt nồng.
Vân vân ...^[44]*

Đỗ Ông bấy giờ mới chịu nói rằng:

- Thò đọc ra đã thành thơ, nếu không có qui ngâm thần trợ, thì sao được thể này?

Từ đấy mới nhường Trọng đi trước. Một hôm, Đỗ Uông đi lên xem ngôi mã tổ nhà ông Phạm Trấn, thấy có hai cái gò đất nhỏ ở hai bên ngôi mộ, tục gọi là gò Thần Đồng. Đỗ Uông trở vào nói rằng:

- Mấy phen thằng ấy nó đè ta là bởi có hai đồng đất này đây!

Mới lấy chân đạp vào hai gò đất ấy. Phạm Trấn từ khi ấy phải bệnh điếc tai, chữa thuốc mãi không khỏi. Có người mách với Phạm Trấn rằng: Đỗ Uông đạp vào gò Thần Đồng. Phạm Trấn kêu với vua, vua bắt Đỗ Uông phải tạ mã tổ nhà ông Phạm Trấn bấy giờ mới khỏi.

26. Lê Như Hồ

Lê Như Hồ người làng Tiên Châu, huyện Tiên Lữ (bây giờ thuộc về tỉnh Hưng Yên). Như Hồ to lớn đầy đà, cao 5 thước 5 tấc, lưng rộng 1 thước rưỡi, nhà nghèo mà hay học; ăn thì cực khỏe, mỗi bữa ăn một nồi bầy cơm mà chưa no. Học được nửa năm, vì nhà nghèo không đủ ăn, mới ở gửi về một nhà giàu ở làng Thiên Phiến. Nhà vợ mỗi bữa cho ăn một nồi năm cơm, thì Như Hồ thường lơ lửng nhác học.

Bố vợ hỏi bố đẻ Như Hồ rằng:

- Trước tôi nghe thấy nói con ông chăm học lắm, sao từ khi hấn đến ở nhà tôi, thì lười biếng không chịu học, là có làm sao?

Ông này hỏi:

- Từ khi cháu ở nhà ông, ông cho ăn uống như thế nào?

Ông kia nói:

- Mỗi bữa nồi năm cơm rồi đấy!

- Nhà tôi nghèo như thế, mỗi bữa còn phải cho nó ăn nồi bầy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào mà nó chẳng biếng học.

Ông kia nghe lời, mới cho ăn hơn khi trước, từ bấy giờ Như Hồ học thêm được một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo với chồng rằng:

- Ông khéo kén được về quý hóa nhi! Chỉ được bộ ăn khỏe thì không ai bằng. Dù có gượng mà học nữa, cũng không làm trò gì được tuồng hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều, bảo rằng:

- Nó ăn hơn người, sức nó tất hơn người, can gì mà lo?

Mẹ vợ hỏi:

- Có phải sức nó hơn người, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia kia, ông thử bảo nó dọn cỏ đi cho tôi, xem nó có làm được không.

Như Hồ nghe thấy nói như vậy, sang sớm mai, lập tức vác dao phát cỏ đem ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, thấy chỗ ấy mát mẻ, mới nằm ngủ ở dưới gốc cây.

Mẹ vợ thấy về vác dao ra đồng, cũng đi chợ mua đồ ăn để về làm cơm cho về ăn. Khi về qua ruộng, thấy về nằm ngủ khi ở dưới gốc cây, bà ấy điên tiết, chạy tắt tả về bảo với chồng rằng:

- Ông còn bảo thôi cơm nhiều cho nó ăn nữa thôi? Gớm mặt nó! Nó nói ra đồng dọn cỏ, thế mà từ sang sớm đến giờ, vẫn còn nằm chương thầy chương xác ra ngoài ấy, về ông quý thật!

Hai ông bà mới dắt nhau ra đồng xem. Không ngờ từ lúc bà kia đi về, thì Như Hồ lập tức đứng dậy phát cỏ. Chỉ một lúc, dọn sạch quang cả vài mẫu ruộng. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lều bều cả lên mặt nước. Khi hai ông bà đến nơi, thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như Hồ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thối sẵn nồi 20 com, sai Như Hồ ra gọi thợ gặt, Như Hồ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng:

- Tôi đã gọi nhưng không ai chịu làm, vậy để tôi ăn xong sẽ gặt giúp cho mẹ.

Nói rồi dọn com ra ăn, một mình đánh hết nồi 20 com.

Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng:

- Cối xay nào mà chứa được như thế, có vỡ bụng ra mất không?

Như Hồ nói:

- Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, tôi xin nhận làm một mình.

Mới lấy một cây tre to làm đòn càn, và đem sẵn liềm hái thừng trạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu ruộng lúa, bó làm bốn gánh quây về nhà. Mẹ vợ từ đấy mới có bụng yêu, mỗi bữa cho ăn thật no để mà học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như Hồ cũng đến phá giải. Các đô vật ai cũng chịu, không ai dám ganh sức với Như Hồ, vì thế đặt tên là Như Hồ.

Đến năm gần 30 tuổi, văn chương hay lấy lòng có tiếng ở đời, rồi thi đỗ Tiến sĩ trong thời Quang Hòa nhà Mạc. Bấy giờ có người đồ đồng khoa với Như Hồ tên là Nguyễn Thanh, ở huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh, có khi nói chuyện đến gia tư nhà mình, Như Hồ nói bỡn rằng:

- Gia tư nhà bác, chỉ đủ cho tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn Thanh nói:

- Ông khinh tôi quá làm gì thế, tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung phụng ông được ba tháng.

- Thôi đừng nói ba tháng, ông thử cho tôi ăn một bữa xem làm sao.

Ông kia vâng lời, hẹn ngày mời Như Hồ vào chơi. Đến hôm hẹn, Như Hồ vào nhà Nguyễn Thanh, không ngờ hôm ấy lại đi vắng.

Như Hồ bảo với người vợ Nguyễn Thanh rằng:

- Tôi bạn với quan Nghè đây, nhân có việc quan đi qua đây, có hơn 30 đĩa đầy tớ, nhờ phu nhân một bữa com.

Phu nhân lập tức sai người nhà làm thịt con lợn, dọn 5, 6 mâm com mang ra.

Như Hồ bảo người đầy tớ rằng:

- Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người nào, chỉ trọi một mình ông Như Hồ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong, gửi lời tạ ơn rồi đi.

Chiều tối, Nguyễn Thanh trở về, vợ nói rằng:

- Hôm nay có một truyện nực cười quá chừng! Có một người nói là quen nhau với ông, nhân việc quan đem nhiều đầy tớ đi qua, nhờ một bữa cơm, tôi tưởng là thật, làm 5, 6 mâm cỗ. Té ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi một bát và một miếng, ăn như hùm đơm đó, chỉ một lát hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ, không biết là người hay là quỷ đói.

Nguyễn Thanh phản nản nói rằng:

- Đây là người anh em với tôi, trước có hẹn đến chơi, nhỡ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn Thanh nhân việc, đi qua làng Tiên Châu, vào chơi nhà ông Như Hồ. Như Hồ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thổi bốn mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thết Nguyễn Thanh, còn mình ngồi riêng một bàn. Nguyễn Thanh ăn hết một góc mâm và một phần chia tư con lợn. Như Hồ thì ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn thêm sang một góc xôi thịt ở bàn ông kia, chỉ còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn Thanh thất kinh nói rằng:

- Ngày xưa ông Mộ Trạch đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng thời với ông, thì cũng phải kém ông ba bậc.

Hai người cùng cười ầm cả lên.

Về sau Như Hồ làm đến Thượng thư, được phong làm Thiếu bảo Lữ quận công, rồi về trí sĩ. Thọ 72 tuổi mới mất.

27. Phùng Khắc Khoan

Khắc Khoan người làng Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây.

Tục truyền Khắc Khoan tức là anh em cùng mẹ khác cha với ông Nguyễn Bình Khiêm (Trạng Trình). Nguyên bà ấy từ lúc bỏ ông Văn Định, lên Sơn Tây lấy chồng khác, rồi sinh ra Khắc Khoan. Khắc Khoan sinh ra có tư chất thông minh. Khi mới lớn, bà mẹ cho xuống Hải Dương theo học anh là Bình Khiêm. Bình Khiêm hết lòng dạy dỗ, mới thành ra một người kiêm đủ văn chương tài đức. Nhân khi bấy giờ nhà Lê giữ ở Thanh Hóa, Bình Khiêm biết cơ nhà Lê có hồi trung hưng được, xui Khắc Khoan vào trong đày để giúp nhà Lê. Khắc Khoan vào thì vua Trang Tôn nhà Lê mừng rỡ tin dùng lắm, bàn mưu lập mẹo, giúp lên được lắm việc to tát. Đến thời vua Thế Tôn nhà Lê khôi phục được kinh thành Thăng Long, vua sai Khắc Khoan sang sứ nhà Minh để cầu phong tước. Nhà vua phong cho vua Thế Tôn làm An nam Đô Hộ sứ.

Khắc Khoan trả lại sắc vua Tàu và dâng biểu nói rằng:

- Chúa tôi là họ Lê, nguyên là dòng dõi vua nước An nam tôi, không có tội gì như nhà Mạc, mà lại phải chịu chức tước như họ Mạc, thì chúng tôi không dám nhận sắc mệnh, xin Hoàng đế thiên triều xét lại cho.

Vì thế vua nhà Minh lại phong cho vua Thế Tôn làm An Nam quốc vương.

Trong khi đi sứ, gặp ngày tết Nguyên đán, vua Tàu sai các đình thần và các sứ thần ngoại quốc, mỗi người phải dâng bài thơ chúc mừng. Các người kia ai cũng dâng một bài, chỉ Khắc Khoan dâng lên 36 bài, mà bài nào cũng hay. Vua Tàu phê cho đỡ Trạng nguyên, bởi thế mới gọi là trạng Bùng. (Bùng tức là làng Phùng Xá, tục gọi là Bùng).

Khi đi sứ trở về, qua tỉnh Lạng Sơn, gặp khi bà chúa Liễu hiện hình chơi trên đỉnh núi. Đòi bên đối đáp với nhau một hồi, rồi bà chúa Liễu biến mất. Khắc Khoan lại trông thấy gỗ ngổ ngang dọc đường, nhận ra chữ “*Liễu Hạnh*” và chữ “*Phùng*”, biết là ý bà chúa Liễu muốn nhờ Khắc Khoan đứng lên khởi công lập đền thờ bà ấy.

Về sau, nhân lúc thông thả, Khắc Khoan đem hai người là Ngô, Lý đi chơi hồ Tây, lại gặp bà chúa Liễu phen nữa, có làm thơ xướng họa liên ngâm.

Khắc Khoan làm quan đời trung hưng, công nghiệp rất là hiển hách. Dần dần làm đến Thái phó, được phong làm quốc công, ngoài 70 tuổi mới mất.

28. Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn quê ở làng Diên Hà, phủ Thái Bình (bây giờ mới đặt riêng thành tỉnh).

Khi trước ở phủ ấy có một ngôi đất quý, mà ai táng vào thì dân động, lại phải nhổ đi. Các thầy địa lý ai cũng khen kiểu đất đẹp mà không ai dám táng vào. Một hôm, có một người say rượu, lập tâm muốn táng vào ngôi đất ấy, mới nằm liêu ở đấy, cho chết đi thì thôi. Nửa đêm thấy có thần nói chuyện với nhau rằng: “*Chúng ta giữ đất này, mà có người muốn liêu chết để chiếm lấy, chúng ta chẳng hóa ra phải tội với thượng đế ư?*” Một ông thần kia nói rằng: “*Hãy thử xò vào bụng nó xem còn ấm hay lạnh rồi.*” Mới lấy tay sờ vào bụng anh ta, anh ta sợ phải đứng dậy chạy về.

Đêm hôm ấy, thần báo mộng cho người đàn anh trong làng rằng:

- Ngôi đất này là để dành cho người họ Lê ở làng Diên Hà, dân chúng mày phải giữ, nếu để cho người khác táng vào thì dân chúng mày sẽ phải vạ cả.

Người ấy tỉnh dậy lo lắng, hôm sau hội dân lại bàn rằng:

- Ngôi đất ấy có thần giữ, người làng ta táng không được, mà để cho người xứ khác đến táng thì dân động. Các nhà địa lý, thường thường đi lại, chỉ sợ tiếng ấy lộ ra ngoài, thì người quyền thế bắt hiếp dân mà táng, dân ta chẳng thiệt hại lắm ư? Bây giờ thần báo để dành cho người họ Lê làng Diên Hà, không biết bao giờ cho họ ấy đến táng, để dân ta đỡ một đoạn khó nhọc.

Giữa lúc đang bàn, thì có một cụ già vào ăn xin. Người làng hỏi:

- Ông cụ kia ở đâu?

Thưa rằng:

- Tôi ở làng Diên Hà.

- Họ gì?

- Thưa tôi họ Lê.

Cả làng mừng nói rằng:

- Ở đây có một ngôi đất to, thần cho họ Lê làng Diên Hà. Cụ có phải họ Lê, thì đem tiền phần lại mà táng, về sau phát đạt, chẳng những cụ khỏi phải khổ sở, mà dân tôi cũng đỡ được một sự quan ngại.

Cụ kia mừng rỡ, về ngay nhà đem tiền phần lại táng vào huyệt ấy. Về sau, con cụ ấy là Lê Trọng Thứ quả nhiên đỗ Tiến sĩ, làm quan rồi sau được phong là Trung hiếu công.

Trung hiếu công muện con, cùng với phu nhân cầu tự ở chùa Quang Thừa huyện Kim Bảng. Phu nhân nằm mơ thấy trời cho một con

Kì lân, mới có thai mà sinh ra Lê Quý Đôn.

Quý Đôn thông minh khác thường, mới lên hai tuổi đã biết được hai chữ “*hữu, vô.*” Thử một trăm lượt cũng cứ trở vào chữ ấy. Lên 5 tuổi, cho học Kinh thi, thi học đầu nhó đến đấy, không chữ gì phải bảo đến hai lượt. Lên sáu tuổi đã biết làm thơ, làm văn.

Khi 7, 8 tuổi cời trường đi tắm, có một quan Thượng vào chơi với ông Trung hiếu công. trông thấy đứa trẻ, hỏi thăm vào nhà ông kia, đứa trẻ ấy đứng giang hai chân ra và bảo quan Thượng rằng:

- Tôi đố ông biết chữ gì đây, hễ ông biết được thì tôi sẽ đưa ông vào nhà.

Ông kia thấy đứa trẻ con hồn sược, không thềm nói gì. Đứa ấy cười ằm lên nói rằng:

- Chữ *thái* (太) thế mà không biết!

Ông Thượng thấy đứa kỳ dị, hỏi ra mới biết là con ông Trung hiếu công. Lúc vào chơi nhà gọi lên mắng rằng:

- Mày là thằng rần rầu rần cổ, phải làm một bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn.

Quý Đôn vâng lời làm một bài thơ nôm rằng:

Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,

Rần mà chẳng học chẳng ai tha.

Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ,

Nay thét, mai gằm rát cổ cha.

Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,

Lần lưng cam chịu tiếng roi tra.

Từ rầy Châu, Lỗ chăm nghề học,

Chớ để người ta tiếng thế gia.

Ông kia thấy bé một tí tuổi, mà văn chương tài hoa, nức nở khen mãi không thôi. Lại một khi, Quý Đôn đến chơi nhà lý trưởng, nhắc trông thấy một quyển sổ, biên những người thiếu thuế má, kê thì một vài quan tiền, người thì năm bảy đấu thóc. Quý Đôn xem qua một lượt, rồi trả người lý trưởng. Đến sau nhà ấy bị cháy, mất cả quyển sổ, các món nợ kê thiếu người đủ, không biết tra khảo vào đâu. Khi gặp Quý Đôn phàn nàn về sự mất quyển sổ.

Quý Đôn bảo rằng:

- Quyển sổ ấy tôi đã nhớ cả rồi, để tôi đọc cho mà sao lại, can gì mà lo.

Quý Đôn đọc thì không sai lẫn một ly nào, nhưng người lý trưởng vẫn chưa dám quyết. Đến lúc chiếu sổ ra thu các món, thì phải cả, không ai cãi cợ gì, mới biết là Quý Đôn sáng dạ.

Năm 18 tuổi, đỗ Thủ khoa. Ai cũng chắc Quý Đôn thi hội thi đỗ Trạng nguyên. Có một ông quan triều bảo với ông Trung hiếu công rằng:

- Nước ta lâu nay không có Trạng, khoa này hẳn con ông đỗ được Trạng nguyên.

Lại hỏi rằng:

- Nội các sách, công tử đã xem được hết cả chưa?

Ông kia nói:

- Sách nhà tôi thì cũng nhiều, duy còn thiếu một bộ “*Trinh quán chính yếu*”, vậy thì ngài có bộ ấy, xin cho cháu nó mượn xem vài hôm.

Ông kia cho mượn, nhưng bỏ ra vài tờ, để ra đầu bài, vì thế khoa ấy Quý Đôn chỉ đỗ Bảng nhãn.

Khi đỗ rồi, hai cha con cùng làm quan thời vua Hiếu Tôn nhà Lê. Vua có khen rằng:

- Hai cha con nhà người, cùng có bụng trung quân ái quốc, thế mới gọi là trung hiếu truyền gia!

Về sau, Quý Đôn phụng mệnh sang sứ bên Tàu, các quan Tàu, thấy người thông minh, ai cũng có lòng kính trọng.

Có một ông Tú tài Tàu vào bậc hay chữ, thông cả thiên văn địa lý tướng số. Nghe tiếng Quý Đôn là người anh tài nước Nam, có ý muốn thử. Một bữa rù Quý Đôn đi chơi chùa xem bài văn bia. Ngọn chùa ấy, ở cạnh bờ sông, cứ mỗi buổi chiều thì có nước thủy triều tràn lên, ngập cả bia. Khi Quý Đôn mới xem xong thì nước đã kéo đến, ông Tú tài dắt Quý Đôn về chơi nhà, hỏi lại bài văn bia, thì Quý Đôn đọc cả bài, không nhầm lẫn một chữ nào. Ông kia chịu là thông minh.

Ông Tú tài kia bảo với Quý Đôn rằng:

- Tôi xem tướng ông, về sau tất phải chịu tội cách hết chức tước. Tôi có ngôi mộ ở trước chùa Quang Minh bên nước Nam, ông có về nước, trông nom sửa sang giúp cho tôi; sau 20 năm nữa, thì tôi chắc đỗ Trạng mà sang xứ bên ấy, thì tôi sẽ cứu cho ông.

Quý Đôn vâng lời từ về, tìm thấy ngôi mộ ấy sửa sang lịch sự. Về sau, con và một người học trò Quý Đôn, cùng có tiếng hay chữ. Đến khoa thi, vua Lê chúa Trịnh đánh cuộc với nhau: vua thì đoán con Quý Đôn đứng đầu; chúa thì đoán học trò Quý Đôn đỗ đầu. Nhưng Quý Đôn dặn người học trò đánh tráo văn cho con mình, bởi thế người con đỗ đầu, mà người học trò thì đỗ thứ hai. Vua được cuộc mà chúa thì thua. Chúa Trịnh xưa nay vẫn biết sức người học trò hơn mà mình bị thua cuộc, lấy làm tức lắm. Rồi dần dà vỡ cái mưu gian, chúa Trịnh nổi giận, cách chức Quý Đôn và cách cả khoa mục của hai người.

Quý Đôn phải cách chức buồn rầu lắm. Được vài năm, quả nhiên người Tú tài Tàu đã đỗ Trạng nguyên và sang sứ bên nước Nam. Khi sứ vào đến cửa ải, hỏi thăm biết Quý Đôn phải cách rồi, mới lưu lại ở cửa ải, sai người mang một tấm vóc đề một chữ (申) và đưa giấy nói rằng:

- “Đố cả nước Nam biết là chữ gì, nếu không ai biết thì không sang sứ nữa.”

Vua và chúa hội cả quần thần lại hỏi, thì không ai biết là chữ gì. Vua và chúa lấy làm lo lắng. Các quan nói với chúa rằng:

- Việc này phải hỏi đến Lê Quý Đôn mới xong. Xin chúa phục chức cho Lê Quý Đôn, rồi triệu đến mà hỏi.

Chúa Trịnh bắt đắc dĩ, phải trả lại hết chức tước của Lê Quý Đôn, rồi cho đòi vào triều đình hỏi chữ ấy.

Lê Quý Đôn trước còn tù tã không biết, chúa lại trả khoa mục cho con và người học trò. Lê Quý Đôn mới giải nghĩa chữ ấy và viết bốn chữ: “*Phi xa bất đông*” (匪車不東) vào tấm vóc sai người đưa lên cho sứ Tàu.

Vua và chúa bây giờ mới nghĩ ra nó đố mẹo; chữ viết không ra hình chữ *xa* (車) mà cũng chẳng ra chữ *đông* (東). Mà kinh thi có sẵn câu rằng: “*Phi xa bất đông*.” Đó là đố một câu, nhưng chỉ viết một chữ mà đủ ý cả 4 chữ.

Sứ Tàu thấy nói trúng vào ý mình mới sang sứ, đó là mẹo nó cứu cho Quý Đôn đấy.

Tính ông Quý Đôn trung tín thành thực, làm quan được bổng lộc, thường chia cho những người họ hàng thân thích. Dựng vợ gả chồng cho người trong họ, trước sau cả thấy 18 người. Những vợ con anh em bạn nghèo khó, cũng thường tư cấp cho ít nhiều. Mà xử vào trong mình rất tiết kiệm, thường chỉ mặc cái áo vải ăn cơm rau mà thôi. Lại hay xem sách, đã làm đến khanh tướng, cũng vẫn học đến nửa đêm mới thôi. Xử với người ta thì cực nhũn, không có kiêu ngạo với ai bao giờ.

Đến khi trí sĩ làm một cái nhà gianh, sửa sang vườn cảnh chơi bời, cửa đề hai chữ: “*cán trai*” để tỏ ý mình. Học trò nhiều người làm nên đến khanh tướng.

Một tay Quý Đôn làm ra nhiều pho sách quý lắm, như là: *Thánh mô hiền phạm lục*, *Kim kính lục chú*, *Hoàng việt văn hải*, *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*, *Thái Ất quái vận*, *Lục nhâm hội thông*, *Kim cương kinh chú giải*, vân vân.

Chương thứ V CÁC BẠC MÃNH TƯỚNG

29. Lê Phụng Hiểu

Lê Phụng Hiểu người làng Bằng Sơn, phủ Thanh Hóa, (tức là xã Sơn Dương, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa bây giờ). Người cao lớn to tát, râu ria xồm xoàm, gân sức khỏe mạnh. Khi đang trạc 20 tuổi, có hai thôn Cổ Bi, Đàm Xá tranh nhau địa giới, đem dân phu ra đánh nhau, Phụng Hiểu vung cánh tay lên bảo với người làng Cổ Bi rằng:

- Chỉ một mình tôi có thể đánh đổ được muôn người.

Các cụ làng ấy mừng lắm

Làm rượu mời Phụng Hiểu ăn uống. Phụng Hiểu uống rượu say rồi ăn hết nồi ba mươi cơm mới no. Bấy giờ mới ra khiêu chiến với người làng Đàm Xá. Khi hai xã giáp chiến, Phụng Hiểu vươn mình lên nhổ một cây to bên vệ đường, cầm ngang trong tay, xông vào đánh dân Đàm Xá. Dân kia rẽ ra mà chạy, không ai dám địch; mà ai địch cũng thua, hoặc chạy không kịp thì chết. Dân ấy sợ hãi, phải nhường trả ruộng làng Cổ Bi.

Bấy giờ vua Thái Tổ nhà Lý, kén người có sức khỏe mạnh, để sung vào quân túc vệ. Phụng Hiểu ra ứng mộ, hầu hạ vua đặc dụng lắm, dần dần được nhắc lên làm Võ vệ tướng quân.

Khi vua Thái Tổ mất, vua Thái Tôn nối ngôi, có ba vị vương là Dực thánh vương, Võ đức vương và Đông chinh vương mưu làm phản, đem binh phạm vào cửa cung đại nội, muốn tranh ngôi vua Thái Tôn.

Vua Thái Tôn lo sợ, vời Phụng Hiểu mà bảo rằng:

- Việc kíp đến nơi rồi, trăm không biết nghĩ ra làm sao nữa, cho ngươi được phép tự tiện mà giúp việc cho trăm.

Phụng Hiểu vâng mệnh, đem quân túc vệ ra cửa cung, đánh nhau với quân ba phủ kia. Phụng Hiểu trông thấy Võ đức vương cưỡi ngựa đứng ngoài cửa Quảng Dương trở bảo quân sĩ, Phụng Hiểu hăm hăm nổi giận, cầm gươm xông thẳng đến trước ngựa Võ đức vương, trở vào mặt mà quát rằng:

- Các vương dám dòm nom thần khí, coi thường thiên tử, trên thì quên ơn Tiên đế, dưới thì trái nghĩa tôi con. Tôi là Phụng Hiểu đây, xin dâng đại vương một thanh kiếm này!

Nói đoạn, xông thẳng vào chém, các quân chống lại không nổi, chạy giã ra bốn phía. Võ đức vương toan quay ngựa, nhưng chạy không kịp, bị chém ngã quay xuống đất.

Quân ba phủ kia thấy vậy, người nào người nấy tìm đường tháo thân, quân túc vệ thừa thế đánh tràn ra, giết quân ba phủ không còn mống nào, chỉ có hai vị vương kia chạy được thoát.

Vua Thái Tôn thấy Phụng Hiểu thẳng trận, gọi vào an úy rằng:

- Trẫm nay được thừa đương cơ nghiệp của Tiên đế, và được toàn vẹn cái thân, toàn do tự sức của người cả. Trẫm xem sử nhà Đường, thấy Uất Trì Kính Đức cứu nạn cho vua Đường Thái Tôn, tưởng là các bầy tôi đời sau không còn ai trung dũng được như Kính Đức nữa, nay người khỏe mà lại trung với trẫm như thế, thì ra hơn Kính Đức ngày xưa.

Phụng Hiểu lay tạ nói rằng:

- Bệ hạ, đức cảm đến cả trời đất, uy khắp cả cõi xa; trong triều, ngoài nội, ai ai cũng phải tuân phép; thế mà chư vương dám manh tâm làm phản, thần thánh trên dưới, cũng có bụng muốn giết, cho nên mới trừ được loạn, chứ như chúng tôi thì có công gì.

Vua phong cho làm Đô thống thượng tướng quân. Đến năm Thiên Cảnh thánh võ, (1044) vua Thái Tôn vào đánh Chiêm Thành, sai Phụng Hiểu làm tiên phong, phá tan quân giặc, đánh lừng lẫy đến ngoại quốc. Khi vua thành công trở về, định phong thưởng cho Phụng Hiểu, nhưng Phụng Hiểu từ không nhận tước thưởng, xin đứng ở trên núi Bằng Sơn, ném một thanh đao ra ngoài, hễ rơi xuống chỗ nào, thì xin đất đến đấy để lập nghiệp.

Vua ưng cho như thế. Phụng Hiểu đứng ở trên đỉnh núi, ném một thanh đao ra ngoài mười dặm, xa xuống cắm vào làng Đả Mỹ. Vua mới ban thưởng cho đến nơi cắm đao, tính ra được hơn nghìn mẫu.

Tự đẩy ruộng thưởng cho công thần gọi là ruộng Thác Đao (nghĩa là cắm đao), là do sự tích ấy.

Phụng Hiểu hết lòng thờ vua, biết điều gì nói điều ấy, mà động đi đánh trận nào cũng được. Đến năm 77 tuổi mới mất. Dân làng ấy lập miếu thờ làm phúc thần, lịch triều có phong tặng cả.

30. Đoàn Thượng

Đoàn Thượng người làng Hồng Thi, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Thời vua Huệ Tôn nhà Lý, phụng mệnh trấn thủ ở Hồng Châu.

Đoàn Thượng có sức khỏe hơn người, gân xương như sắt, mỗi khi lâm trận, chỉ một đao một ngựa, xông vào đánh trăm nghìn người, tung hoành vô địch.

Đến khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho vua Trần Thái Tông, Đoàn Thượng chiếm giữ một châu, không chịu hàng theo về với nhà Trần. Thái sư nhà Trần là Trần Thủ Độ sai sứ đến dụ hàng. Thượng nhất định không nghe. Chiêu binh tập mã, tự xưng là Đông Hải vương, có ý muốn khôi phục giang sơn cho nhà Lý.

Trần Thủ Độ đem quân xuống đánh nhau luôn mấy năm không phá nổi, mới lập mẹo sai người đến giảng hòa, mà kì thực sai một đại tướng là Nguyễn Nộn đem quân đánh tập công mặt sau.

Đoàn Thượng chắc là giảng hòa rồi, phòng bị không được cẩn thận như trước, sự nghe tin Nguyễn Nộn đến đánh, mới kéo quân ra cự địch. Đồi bên đánh nhau đang hăng, thì Thủ Độ lại cầm đại quân tự đường Văn Giang đánh đến mé trước. Quân nhà Trần hai mặt đánh dồn vào một, quân của Đoàn Thượng kinh hãi chạy tán lác mắt cả. Đoàn Thượng vội vàng quay ngựa về đánh mặt tiền quân, không ngờ một viên tướng nhà Trần, tự mé sau sấn lên chém với một nhát vào cổ gần đứt, Đoàn Thượng ngoảnh lại, thì tướng kia sợ hãi mà chạy mất. Đoàn Thượng mới cời dây lưng ra buộc vào cổ cho khỏi rơi đầu, rồi hằm hằm té ngựa chạy về phía đông. Chạy đến đâu, quân nhà Trần phải giãn đường cho chạy, chớ không dám đánh.

Khi chạy đến làng An Nhân, có một ông cụ già áo mũ chững chạc, chấp tay đứng bên đường nói rằng:

- Tướng quân trung dũng lắm, Thượng đế đã kén ngài làm thần xứ này rồi đây! Có một cái gò bên làng cạnh kia, đó là đất hương hỏa của tướng quân, xin tướng quân để lòng cho.

Đoàn Thượng vâng một tiếng, rồi đến chỗ gò ấy, xuống ngựa gối đầu vào ngọn mác mà nằm, một lát thì mất, mới đùn đất lên thành mộ ngay.

Dân làng ấy thấy vậy, lập miếu tô tượng để thờ. Về sau nước lụt vỡ đê, tượng trôi vào làng An Nhân, làng ấy lại lập một tòa miếu khác để thờ. Miếu ở cạnh bờ sông Hồng Giang, mé trước ngoảnh vào con đường cái chính xứ đông bắc. Thần kinh ứng lắm, lẽ qua lại mà ngạo ngược thì có tai nạn ngay. Các khách buôn thuyền qua lại cửa đền, có đồ lễ vào thì buôn bán đắt hàng. Tục truyền những khách buôn chum vại vào bán chợ Hồng, ai mà vào đền lễ thì buôn bán thông đồng, chóng hết lắm; mà ai không lễ, thì ế mãi không bán được, thường phải quảng bỏ ngoài bến sông, nếu không thế thì tất lại có sự sóng gió lo lường.

Lịch triều cũng có phong tặng làm thượng đẳng thần. Miếu ấy đến giờ vẫn còn.

31. Phạm Ngũ Lão^[45]

Phạm Ngũ Lão là người học trò ở làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (bây giờ thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên), có sức khỏe lạ thường, muôn người khôn địch.

Phạm Ngũ Lão mặt mũi khôi ngô, đủ cả văn tài võ lược. Nhà vốn chỉ có nghề làm ruộng, đến Ngũ Lão mới theo nghề học nho. Trong hai mươi tuổi đã có tính khảng khái. Trong làng có một người tên là Bùi Công Tiến đỗ Tiến sĩ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, chỉ có Ngũ Lão không thềm đến.

Bà mẹ Ngũ Lão bảo rằng:

- Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút.

Phạm Ngũ Lão thưa rằng:

- Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ, mà con đi mừng người ta, thì con lấy làm nhục lắm.

Ngũ Lão tính hay ngâm thơ, thường ngâm một bài rằng:

Ngọn giáo non sông trái mấy trâu,

Ba quân tỳ hổ át sao Ngâu.

Công danh nếu để còn vương nợ,

Luống thẹn tai nghe truyện Võ hầu.

Nhà ở bên cạnh đường cái, có một khi Phạm Ngũ Lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt, sực có Trần Hưng Đạo vương tự trại Vạn An vào kinh, quân quyền kéo đi rất đông. Quân tiền hô thấy Ngũ Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt phải đứng dậy. Ngũ Lão cứ ngồi nghiêm nhiên như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ Lão cũng cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng Đạo vương đến nơi, trông thấy thế lấy làm lạ, gọi đến hỏi, thì bấy giờ mới biết là có quan quân đi qua, và quân lính đâm vào đùi mình.

Hung Đạo vương hỏi rằng:

- Nhà thầy kia ở đâu, sao ta đi qua đây mà cứ ngồi chững chàng như vậy?

Thưa rằng:

- Tôi đang mài nhĩ một việc cho nên không biết là ngài chầy qua đây.

Hung Đạo vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học hành, thì hỏi đâu nói đấy, nội là kinh truyện thao lược, không sót chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

Hung Đạo vương mới sai lấy thuốc đầu dịt vào chỗ nhát đâm, rồi cho ngồi xe đem vào kinh, dâng lên vua Thánh Tôn.

Vua thấy người có sức khỏe, lại có học thức, cho vào làm quản vệ sĩ. Các vệ sĩ không chịu, xin đấu sức với Ngũ Lão. Ngũ Lão xin vâng, nhưng xin vua cho về nhà ba tháng, để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức nhân thể. Vua cho về, Ngũ Lão về nhà ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao tập nhảy, cứ cách mười trượng chạy đến nhảy vót qua gò. Tập luyện thành rồi, vào kinh đấu sức. Khi đấu quyền với các vệ sĩ thì không ai địch nổi, rồi Ngũ Lão thách cả các vệ sĩ cùng ra đấu. Các vệ sĩ xúm xít xung quanh, hàng trăm nghìn người, Ngũ Lão tay đấm chân đá, nhảy nhót như bay, chạm phải ai phi chết thì què gãy, các vệ sĩ không tài gì mà đánh lại được, bấy giờ mới chịu phục.

Vua thấy người kiêu dũng làm vậy, cho theo Hung Đạo vương đi đánh giặc Mông Cổ, thì đánh trận nào cũng được, lập nên công trạng rất nhiều. Hung Đạo vương có lòng yêu mến, gả con nuôi là Nguyên quận chúa cho.

Về sau, nước Ai Lao đem một vạn voi sang cướp đất Thanh, Nghệ, vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đục cứ dài độ một trượng, trồng chặt vào các vệ đường. Khi Ngũ Lão khéo quân vào đánh, giặc thúc voi sấn lên, Ngũ Lão chỉ chân tay không sấn vào gặp đồng tre nào thì vớ lấy cái dóng tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau gầm rống lên chạy về, giầy xéo cả vào quân Ai Lao. Ngũ Lão mới thúc quân đánh tràn sang, quân Ai Lao tan vỡ, phải trốn về đêm.

Vì có những công to ấy, được lên làm Điện tiền thượng tướng quân. Đến khi mất, được phong làm thượng đẳng phúc thần, người làng Phù Ủng lập miếu thờ ngay ở chỗ nhà Ngũ Lão.

Ngũ Lão nguyên là bộ tướng của Hung Đạo vương, cho nên các đền thờ Hung Đạo vương, cũng có thờ Ngũ Lão nữa.

Tục lại truyền khi Ngũ Lão còn hàn vi, xin với mẹ đi tìm kế lập công danh, ở trong nước chưa có dịp nào, mới sang ở chăn voi cho vua nước Ai Lao. Ngũ Lão cầm một lá cờ đỏ dạy voi, hề phát lá cờ thì voi phải quì xuống hết. Đến khi nghe tin có giặc Mông Cổ quấy nước Nam, mới về theo Hung Đạo vương đi đánh giặc. Về sau nước Ai Lao sang cướp vùng Thanh, Nghệ, vua sai Ngũ Lão đi đánh. Ngũ Lão thấy Ai Lao thúc voi xông vào trận, mới phát lá cờ đỏ, thì voi trông thấy hiệu ông ấy, lại phục cả xuống, vì thế mới phá được quân Ai Lao.

32. Nguyễn Xí

Nguyễn Xí người làng Sái Xá, huyện Chân Phúc, tỉnh Thanh. Thân phụ Nguyễn Xí gặp buổi cuối đời nhà Trần, trong nước loạn lạc, không muốn ra làm quan, tu ở chùa làng, gọi là Hòa Nam thiền sư. Mỗi đêm đến gà gáy thì thức dậy đánh chuông, đốt hương tụng kinh.

Có hàng thịt lợn ở cạnh chùa, hễ cứ nghe tiếng chuông thì thức dậy giết lợn. Một hôm, nhà hàng thịt mua lầm phải con lợn cái chùa, định để sang mai thì làm thịt bán hàng.

Đêm hôm ấy, nhà sư nằm mơ thấy một người đàn bà đến kêu khóc rằng:

- Xin ông đêm hôm nay đừng đánh chuông vội, cứu lấy tám, chín mạng cho mẹ con tôi.

Nhà sư ngạc nhiên không biết sự gì, nhưng cũng nghe lời không đánh chuông vội. Nhà hàng thịt vì thế dậy trưa, thì con lợn cái đã đẻ ra 8 con. Nhà sư thấy vậy lấy làm kỳ, mới mua cả đàn lợn ấy thả vào trong núi.

Được vài tháng, nhà sư phải hổ bắt mất, nó cắn chết bò dưới sườn núi. Sáng mai, người nhà đi tìm, thấy mỗi đùn đất lấp lên thành mô rồi. Có người biết địa lý, xem hình thế đất ấy, cho là được ngôi hỏ táng.

Con ông ấy là Nguyễn Xí, bấy giờ đã 17 tuổi, vốn có sức khỏe hơn người, tập nghề võ đã giỏi, nhưng vì nhà nghèo khó, phải ra tỉnh Thanh bán dầu kiếm ăn.

Một hôm, đi qua huyện Lam Sơn, trời đã tối, xung quanh không có cửa nhà nào, chỉ có một ngọn miếu thờ thần, mới vào nghỉ trong miếu ấy. Đến canh ba, phăng phất nghe có tiếng xe ngựa rầm rầm, và nghe có tiếng bảo ông thần trong miếu rằng: *“Hôm nay trên thiên đình hội các bách thần, định lập thiên tử nước Nam, việc ấy quan hệ to, mời ngài đi với tôi nhân thế.”* Ông thần trong miếu nói rằng: *“Tôi dở có quý khách dưới trần trợ đây, không sao đi được, ông có được nghe điều gì, xin về báo cho tôi được biết.”* Cuối canh tư lại nghe có tiếng về báo rằng: *“Thiên đình đã định xong ngôi Hoàng đế nước Nam rồi, tức là người ở Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, họ Lê tên Lợi. Thượng đế cho đến giờ thân, ngày thân, tháng thân thì khởi binh, mười năm mới yên xong thiên hạ.”*

Nguyễn Xí nghe rõ ràng các câu ấy, gà gáy thức dậy, tìm đến làng Lam Sơn, hỏi thăm vào nhà Lê Lợi, kể rõ lại những việc nghe thấy truyện như thế.

Lê Lợi bấy giờ đã có 300 thủ hạ, sắp sửa muốn ra dẹp loạn, nghe thấy nói, lập tức khởi binh ngay tháng bảy năm ấy.

Nguyễn Xí theo giúp Lê Lợi đánh nhau với quân nhà Minh, xông pha trong mũi tên hòn đạn, đánh đến đâu quân Tàu tan ra đến đấy. Trong 10 năm trời, lập lên rất nhiều công trạng. Đến khi thiên hạ bình định, Lê Thái Tổ cho Nguyễn Xí là sang nghiệp đệ nhất công thần, và phong làm Nguyễn quốc công, cho quốc tính gọi là họ Lê.

Nguyễn Xí làm quan trải ba triều: Thái Tổ, Thái Tôn, Nhân Tôn, khi có giặc giã thì đi dẹp, khi thường lại vào túc vệ trong cung cấm. Khi vua Nhân Tôn bị Nghi Dân cướp ngôi (con cả vua Thái Tôn, phải bỏ không được lập), Nguyễn Xí đem binh dẹp loạn, giết được bọn

đồ đảng của Nghi Dân là Phạm Đôn, Phan Ban, rồi bỏ Nghi Dân đi, đón Bình Nguyên vương lập lên, tức là vua Thánh Tôn. Nguyễn Xí vì có công ấy lại được tiến lên làm chức Thái úy, Cương quốc công.

Bấy giờ, Nguyễn Xí có 12 con, cũng được phong tước làm quan tại triều, quyền thế hách dịch nhất thời ấy. Vua thấy lòng lầy quá, sai đào con sông Cẩm Giang, ở làng Sài Xá, để triệt long mạch làng ấy, thân long chảy ra huyết ba ngày.

Một hôm, năm con quan làm trung úy, cùng chết một ngày, từ bấy giờ con cháu sa sút.

33. Phạm Tử Nghi

Từ Nghi người làng Vĩnh Niệm, huyện An Dương, tỉnh Hải Dương, sức khỏe như thần.

Từ Nghi thường đắp một con đường dài ở trên mặt đê, đôi đầu đắp ụ cao 5 thước rồi vác gậy chạy trên mặt đê, cứ đến chỗ ụ cao thì đánh một cái, ụ lại sạt xuống như đất phẳng.

Khi sau đến kinh thành Thăng Long, trông thấy hàng trăm người lính đang kéo thuyền rồng ở trên mặt đất xuống sông, mà kéo không nổi.

Từ Nghi cười nói rằng:

- Khéo những đồ bị thịt kia! Có một cái thuyền như thế, xúm xít vào kéo mà không nổi, thì làm trò gì được?

Chúng tức giận, kẻ nghiêng răng, người trợn mắt, toan xúm vào đánh, thì Từ Nghi lại nói rằng:

- Vậy thì các anh để đấy, chỉ một mình ta kéo cho mà xem.

Chúng thấy nói vậy, bỏ đi ra, bắt Từ Nghi phải kéo thuyền, nếu kéo không xong thì sẽ hay. Từ Nghi vén tay áo, dung hết sức bình nhật, chỉ một tay lôi tuột chiếc thuyền rồng xuống sông. Chúng ai nấy lắc đầu le lưỡi, chịu ông ta là có sức khỏe gấp nghìn người.

Bấy giờ nhà Mạc mới lên, nghe có người hùng dũng làm vậy cứ làm đại tướng, cho lên trấn thủ mặt Thượng du. Từ Nghi ở trấn vài năm, dẹp tan đám giặc cỏ, có tiếng lừng lẫy đến cả Bắc triều. Về sau nhân dẹp giặc, phá lầy đến các tỉnh ven Tàu; Tàu đưa hịch sang trách đến triều đình nước Nam. Từ Nghi đến dinh quan Tổng đốc Quảng Đông, xin chịu tội để cho yên tâm vua nước mình.

Người Tàu đem Từ Nghi ra hành tội, rồi bỏ đầu lâu và thân vào một cái hòm, che một cái lọng, thả xuống sông cho trôi về nước Nam. Trôi tự Nam Quan về mãi đến giang phận làng Vĩnh Niệm thì đứng lại không trôi nữa, rồi đêm báo mộng cho dân làng ấy phải ra vớt về mai táng, và phải lập đền phụng tự.

Dân làng sáng mai ra vớt, lập miếu thờ ngay bên cạnh sông, từ ấy linh ứng lắm. Về sau, hiển linh bảo các làng ở ven sông, cho nên tự Nam Quan về mãi đến Hải Dương, Sơn Nam, nội chỗ nào có bến, là cũng phải lập miếu thờ cả. Lịch triều phong làm Linh ứng đại vương thần.

34. Đinh Văn Tả

Về đời Lê trung hưng, ở làng Hàm Giang, tỉnh Hải Dương, có người tên là Đinh Văn Tả, sức vóc mạnh mẽ, tính khí hung hăng. Lúc còn nhỏ, chỉ chơi bời với lũ con quan, chúng bầu lên làm đàn anh cả.

Cạnh làng có một con sông to rộng hơn một dặm, ngày ngày ra tắm, bơi vòng tự bên này sang bên kia, chơi bời luyện tập.

Một hôm, họp bằng bồi uống rượu bên bờ sông, nghe bên kia sông, có tiếng chiêng trống tể thần. Anh em đổ nhau lội được qua sông sang ăn trộm cái chiêng của làng kia đem về.

Đinh Văn Tả nói:

- Khó gì việc ấy mà phải đổ.

Bấy giờ đang đêm, Văn Tả lập tức lội xuống sông, vòng sang bên kia, lên vào đình, ăn trộm được cái chiêng đem ra, lại lội xuống bơi về. Khi đến giữa dòng sông, khua chiêng vang cả lên, làng bên kia nghe tiếng, mới biết là mất trộm, tìm thuyền đuổi theo thì không kịp.

Về sau, nhân có tội phải giam trong ngục Đông Môn. Khi ấy triều đình đang có việc dụng binh, chúa Trịnh sai các tướng võ tập bắn ở lầu Ngũ Long. Văn Tả và tên lính canh ngục đứng xem, thấy không mấy người bắn trúng bia, cười mà nói rằng:

- Bia rành rành thế kia, mà bắn không trúng, sao mà họ hèn làm vậy?

Các tướng võ đứng bắn, nghe tiếng giận lắm, đưa súng cho Văn Tả và bảo rằng:

- Anh nói khoác làm gì thế, súng đây, anh thử bắn đi này!

Văn Tả không thèm cầm súng nhỏ, xin mượn khẩu súng to, cấp lên trên mang tai, bắn ra ba phát, vỡ ba cái đích. Các người kia ai cũng chịu là tài; rồi lại sai bắn thử lần nữa xem làm sao, thì bắn phát nào tin phát ấy, mười phát đậu chục. Việc ấy lên đến tai chúa Trịnh, mới tha tội cho theo đánh giặc.

Bấy giờ chúa Trịnh đang chống nhau với chúa Nguyễn ở trong Nam hà. Một bữa quân Bắc đóng ở trên núi, quân Nam đột nhiên đến vây đánh, quân Bắc bị thua tan chạy mất cả, chỉ còn một mình Đinh Văn Tả phục trong bụi rậm, chờ khi quân Nam đuổi theo, ở trong bụi rậm bắn ra, quân Nam tưởng có nhiều quân mai phục phải lui về; quân Bắc thừa thế quay lại đánh, quân Nam phải chạy. Tự bấy giờ nổi tiếng. Về sau, lại lập được nhiều công chiến trận, chúa Trịnh phong cho làm quận công. Văn Tả nộp trả bằng sắc không nhận, chỉ xin rút trong sổ án tử ra mà thôi, nhưng chúa Trịnh vẫn cứ phong cho.

Đền thờ vua Hi Tôn, dư đảng nhà Mạc là Mạc Kinh Vũ, vẫn còn chiếm giữ trên xứ Cao Bình. Vua sai Văn Tả thống lĩnh đại binh đi đánh, phá vỡ quân nhà Mạc. Kinh Vũ phải chạy sang Long Châu, mới trừ hết được đảng nhà Mạc. Từ đấy làm quan đến cực phẩm hàng võ.

Đến năm 80 tuổi, phải bệnh nặng, chúa Trịnh thân đến tận nhà hỏi thăm, hỏi rằng:

- Như người thì trong bụng còn muốn ao ước điều gì nữa không?

Thưa rằng:

- Tôi nhớ ơn nhà chúa, làm quan vinh hiển đến thế này; mà lại được thọ đến 80 tuổi, thì trong bụng cũng đã mãn nguyện rồi; nhưng chỉ còn ao ước một chút, giả thử đang lúc tôi chưa chết, mà chúa phong cho tôi làm phúc thần, thì tôi nhắm mắt đi, không còn điều gì hối hận nữa.

Chúa Trịnh lập tức sai người thảo sắc, phong ngay tại trước chỗ giường nằm. Văn Tả tạ ơn chúa rồi mất.

Con cháu nhà ấy, về sau ai cũng có tài làm tướng, kể thế 18 đời được phong quận công, đến mãi về đời Đinh Tích Nhưỡng về cuối đời nhà Lê, vẫn còn lòng lầy. Tục ngữ có câu: “*Đánh giặc họ Đinh*”, tức là chi họ ấy.

35. Võ Tánh

Võ Tánh tổ tiên thuở trước là người Phúc An, thuộc tỉnh Biên Hòa, sau dời đến Bình Dương.

Tánh là người khảng khái, trí dũng hơn người, nhà giàu, không chịu thuần phục Tây Sơn; mới xin với mẹ bỏ ra chiêu dụ hào kiệt, khởi nghĩa binh ở Phù Viên (thuộc Gia Định); rồi kéo đến Định Tường chiếm giữ Khổng tước nguyên (thuộc Tân Hòa), tụ đồ đảng đến hàng vạn người, hoặc là đạo quân Kiến Hòa, tự xưng làm Tổng nhung, hễ quân giặc đi qua đất ấy, thì đánh giết sạch. Quân giặc thường bảo với nhau rằng: “Gia Định tam hùng,^[46] Võ Tánh là một, chớ có phạm vào mà chết.”

Năm Mậu Thân, Tánh đem cả bộ thuộc đến bái yết đức Thế Tổ ở dưới hành tại.^[47] Đức Thế Tổ cả mừng, cho Tánh làm tiên phong doanh khâm sai Tổng nhung chương cơ; rồi lại gả em là Trương công chúa Ngọc Du (con gái đức Hưng Tổ, em đức Thế Tổ) cho.

Khi ấy tướng Tây Sơn là Thái bảo Phạm Văn Tham giữ thành Sài Gòn, Tánh đem quân vây đánh. Tham cùng quần xin hàng, dẹp yên được vùng Gia Định.

Năm Quý Sửu, Tánh được thăng làm Khâm sai chương Hậu quân doanh Bình sơn tham thặng tướng quân, theo đức Thế Tổ ra đánh thu phục được Phú An.

Năm Giáp Dần, Tánh phụng mệnh trấn thủ thành Diên Khánh (bây giờ là Khánh Hòa). Trần Quang Diệu (tướng Tây Sơn) đem hết cả quân vào vây. Tánh kiên thành cố thủ, khi ấy trong thành thiếu lương, quân sĩ rất kham khổ, Tánh lấy lời trung nghĩa khích khuyến, tướng sĩ đều cố sức đánh, giặc không thể nào phá được. Mùa hạ, năm Ất Mão, đức Thế Tổ đại cử quân thủy, bộ ra cứu viện. Tánh nghe tin có viện binh đến, bèn thân đốc tướng sĩ đương đêm mở cửa thành ra đánh, quân giặc tan chạy. Đức Thế Tổ ủy lạo khen Tánh rằng: “Tên Diệu là kinh địch, mà ngươi hay giữ được thành này, có gặp gió to mới biết được có cứng thật!” Bèn phong cho Tánh tước quận công.

Tánh tuổi trẻ, mà lại là bậc thân quý, lập được nhiều công chiến trận, vậy nên có ý kiêu căng. Tiền quân Tôn Thất Hội thường chê Tánh là người thiên hiệp, và bảo rằng: “Cậy mình quý mà không xét đến kẻ sĩ, là lỗi quan Phiếu Kỵ họ Hoắc,^[48] nay ngươi có bớt kiêu đi, thì mới giữ trọn được tiếng hay.” Tánh nghe lời cảm tạ, từ đấy nén bớt kiêu khí, đều được lòng tướng sĩ.

Năm Kỷ Mùi, Tánh hộ giá đức Thế Tổ ra thân chinh, hạ được thành Qui Nhơn. Đức Thế Tổ vào thành ủy lạo, đổi tên là thành Bình Định, lưu Tánh cùng Lễ bộ Ngô Tùng Chu ở lại trấn thủ.

Mùa đông năm ấy, Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng lại đem hai đạo quân vào vây Bình Định, Tánh nghe tin biết thế giặc đương mạnh, chừa có thể đánh được, bèn thu quân giữ thành. Đức Thế Tổ nghe tin báo, đại cử thủy, bộ chư quân ra cứu viện.

Tánh kiên thành cố thủ, tùy phương chống chế, quân lệnh nghiêm minh, khích lệ tướng sĩ đều liều chết mà đánh, lớn nhỏ cả thầy hơn vài mươi trận, không thua trận nào.

Hoặc có kẻ khuyên Tánh vượt vòng vây mà lên ra. Tánh không nghe, bảo rằng: “Ta phụng mệnh giữ thành này, thì ta nên thề cùng với

thành cùng sống thác. Nếu bỏ thành mà lần trốn lấy một mình, thì còn mặt mũi nào mà trông thấy chúa thượng nữa?”

Khi ấy quan quân đến cứu viện đã non hai năm trời, đánh mãi không tài nào giải vây được. Đức Thế Tổ sai người lặn nước từ cửa bể lên vào, bảo Tĩnh bỏ thành mà ra hội với quan quân. Tĩnh nhất định xin cố thủ, sai người cầm tờ mật biểu ra tâu rằng: “Nay quân giặc tụ vây cả ở thành này, thì ngoài Phú Xuân hẳn không hư, xin đem quân thừa hư ra đánh lấy Phú Xuân, chẳng khác gì đổi ngói lấy vàng; dầu chết một mạng tôi, mà đổi lấy được Phú Xuân, cũng phải.”

Đức Thế Tổ được tờ mật biểu, ngài mới quyết ý đem quân do đường thủy kéo ra. Đêm hôm ấy đốt lửa ở núi Độc Sơn làm hiệu, Tĩnh thấy hỏa hiệu, lại mở cửa thành ra đánh, giết được vài tên tướng giặc.

Khi ấy trong thành hết cả lương thực, quân sĩ phải giết voi, ngựa mà ăn, mà cũng không ai có lòng phản bội gì cả. Tĩnh sợ rằng hãm thành, thì tướng sĩ chết bại nhiều, bèn đưa thư ra bảo Diệu rằng: “Phận sự ta làm chủ tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn như các tướng sĩ không có tội gì, không nên giết hại.” Lại bảo các tướng rằng: “Ta uống thuốc độc, nhảy vào lửa, đàng nào cũng chết. Nhưng ta không muốn cho giặc trông thấy mặt, ta đành chết vào lửa mà thôi.” Mới sai quân lấy củi khô chất đầy dưới lầu Bát Giác, và để thuốc súng vào giữa.

Một hôm buổi sớm, Hiệp trấn Ngô Tùng Chu sang hỏi Tĩnh xem định kế gì? Tĩnh trỏ lầu Bát Giác mà rằng: “Kể tôi đành chịu thác ở đó mà thôi!” Lại bảo Tùng Chu rằng: “Tôi là võ tướng, không lẽ cùng sống với giặc được; ông là văn quan, giặc nó không nỡ giết nào, nên liệu mà tự toàn lấy mình.”

Tùng Chu cười mà rằng: “Dù văn, dù võ, ai cũng có một lòng trung ái cả, chớ có phân biệt chi? Tướng quân hay liều mình với nước, tôi lại không hay tận trung với vua hay sao?” Nói rồi lui về dinh, uống thuốc độc mà chết.

Tĩnh than rằng: “Ông này lại hơn ta một chước!” Liên thân đến liệm táng cho Chu Tùng tử tế. Cách hai hôm sau, Tĩnh mặc triều phục lên lầu hội các tướng bảo rằng: “Ta nhờ có các tướng đồng tâm mới giữ được thành mà chống nhau với giặc. Nhưng nay lương cạn, lực cùng, giữ cũng không được nữa, thôi thì ta liều mình chịu thác, chớ không làm khổ tướng sĩ mãi nữa.” Các tướng nghe nói, ai cũng thương xót, đứng chung quanh lầu mà khóc. Tĩnh khoa tay bảo các tướng lui ra, rồi sai Phó tướng Nguyễn Văn Biện châm lửa. Biện cũng khóc mà chạy, Tĩnh bấy giờ đang hút thuốc lá, lấy tàn ném xuống đồng thuốc súng, lửa tức thì bốc lên mà thác. Thống binh Nguyễn Tấn Huyền ở ngoài chạy vào, cũng nhảy vào lửa mà chết theo, hôm ấy là ngày 27 tháng 5 năm Tân Dậu.

Diệu đem quân vào thành, trông thấy cũng rõ nước mắt, sai làm lễ niệm táng tử tế. Còn các tướng sĩ trong thành, không giết hại người nào cả. Nhưng bọn tướng sĩ sau đều lên về, không có một người nào chịu ở theo giặc.

Đức Thế Tổ nghe tin Võ Tĩnh, Ngô Tùng Chu tử tiết, thương khóc than rằng: “Toàn tiết như thế, dẫu Trương Tuấn, Hứa Viễn ngày xưa, cũng không hơn được.”

Gia Long nguyên niên, sai lập đền thờ ở nền cũ lầu Bát Giác, truy tặng Tĩnh làm Dực vận công thần Thái úy Quốc công; Chu làm Tấn

trị công thân Thái tử thái sư Quận công; Huyền được tặng làm Chương cơ. Năm Minh Mạng thứ 12, truy phong Tí làm Hoài quốc công; Chu làm Ninh hòa Quận công; Chu làm Ninh hòa Quận công, đều được phối hưởng ở nhà Thái miếu.

36. Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Thành trạng mạo khôi ngô, tính thâm trầm, cương nghị. Chăm đọc sách, giỏi võ nghệ. Tổ tiên trước ở Thừa Thiên; cha là Hiền dời vào ở Gia Định.

Đời vua Duệ Tôn triều Nguyễn. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc khởi binh cướp Bình Thuận. Hiền mộ quân hương dũng theo đi đánh giặc. Khi ấy Thành cũng ứng mộ theo cha, đóng quân ở Cầu Giang. Tổng Phúc Hợp sai Hiền đem vài nghìn quân đi tải lương, Thành cũng theo đi. Lúc đang đi nửa đường, quân lính già nửa mắc đói, không kịp phòng bị, thì có quân giặc đổ ra chặn ngang đường. Hiền thấy quân giặc kéo ập đến, liền vẫy Thành lui tránh đi. Thành lên ra đằng sau trận, sai những quân đội thóc, gior sào lên làm giáo, treo áo lên làm cờ, vòng ra đằng trên Sa Đồng, vừa đánh trống vừa reo mà kéo lên. Giặc ngỡ là có viện binh kéo đến, phải tháo lui dần. Quan quân thừa cơ lại đánh được toàn thắng. Phúc Hợp khen Thành còn trẻ mà có trí khôn, thưởng cho 10 lượng bạc, và một cặp áo sa.

Đến sau, Hiền bị tử trận. Đức Duệ Tôn cho Thành làm cai đội, Thành đi chiêu tập được hơn 800 quân tráng dũng, theo Đỗ Thanh Nhân thu phục được Sài Gòn.

Năm Ất Tị, Thành theo đức Thế Tổ sang Xiêm ở thành Vọng Các, lại giúp Xiêm đánh phá được Miến Điện, khi ấy vua Xiêm muốn giúp binh, Đức Thế Tổ họp các tướng lại bàn. Thành tâu: “Quân Xiêm tàn ngược, không nên nhờ họ giúp nữa; nếu nhờ binh lực của họ mà được thành sự, rồi thì tất có lo về sau. Không gì bằng hãy tĩnh để đợi thời.”

Năm Đinh Mùi, Thành phụng mệnh đi đón Hà Hỷ Vãn, bị bạt phong giạt vào Hà Tiên, tuyệt lương, Thành giả làm thuyền giặc đi tuần, vào cửa bể cướp lương. Khi về đến nơi hành tại ở Cù lao Cổ Cốt, đức Thế Tổ biết chuyện cướp lương, gở trách Thành, truyền tống giam, sau cho tòng chinh. Khi quan quân thất lợi trận đánh ở Mỹ Tho, có kẻ xui Thành trốn về làng mà ở. Thành bảo rằng: “Vua, tôi nghĩa cả, dù sống, chết cũng phải giữ lấy; còn như sự thành, bại là tại trời, ta liệu trước sao được. Và lại nhân phải khiển trách mà đi, nhân lúc bại trận mà trốn, đó là kẻ tiểu nhân phản phúc, ta không thềm làm.” Bàn cùng với lũ Hỷ Vãn 17 người, vượt bể đi theo đức Thế Tổ. Một hôm gặp bão to, gãy cả cột buồm, bạt phong giạt vào cửa Bản Phố. Thành chạy vào trong làng, mượn được thuyền, nhờ được lương, lại vượt bể vào Long Xuyên, sau nghe tin đức Thế Tổ đóng ở Ba Lai, bèn theo đến nơi xin đi chiêu tập quân nghĩa dũng để đánh giặc.

Năm Quý Sửu, đức Thế Tổ ra thân chinh Qui Nhơn, cho Thành làm Khâm sai Bình sơn Tiền tướng quân đem bộ binh đi trước, đến đâu giặc đều tan vỡ cả. Khi ấy nghe tin Thái úy giặc là Nguyễn Văn Hưng đem quân tự Phú Xuân vào cứu viện Qui Nhơn, Thành bèn đem quân đến Thạch Tân án ngữ, năm trận đánh, quân giặc đều phải lui cả. Thành lại do đường bộ kéo đến họp với thủy quân ở cửa Thi Nại, rồi phụng mệnh rút quân đến đóng ở Phú An. Bấy giờ ai cũng sợ rằng quân giặc đuổi theo, Thành nói rằng: “Trong Qui Nhơn, ngoài Thuận Hóa, dầu là thân thích, mà thực là cừu thù, chẳng qua mượn tiếng vào cứu viện, mà kỳ thực là định nuốt nhau. Nhạc còn tự cứu không xong nữa là đi đuổi theo người.”

Sau Nhạc quả nhiên phải lũ Hưng bức tử, lời Thành nói không sai.

Năm Đinh Tị, Thành phụng mệnh trấn thủ Diên Khánh, khi ấy có bọn giặc khách tàu ô thường làm trở ngạnh ngoài bể, Thành dụng mẹo bắt được, đường bể mới yên.

Năm Kỷ Mùi, Võ Tánh trấn thủ Qui Nhơn, bị quân giặc vây, Thành phụng mệnh điều khiển các đạo bộ binh ra cứu viện, phá tan các đồn giặc. Quân giặc phải lui giữ Chủ Sơn, Thành đánh mãi không vỡ, sau Thành dò được con đường tây, nam, có thể đánh tập hậu được, bèn vẽ hình thế dâng biểu xin thêm quân.

Đức Thế Tổ sai Tổng Viêt Phúc, Lê Văn Duyệt đem thêm quân đến Thị Dã, đều theo tiết chế Thành. Thành bèn lưu Duyệt đóng quân án ngữ ở Thị Dã, mà Thành thì đem quân qua núi Bột Khê, hơn hai trăm dặm đường, cứ rần cơn mưa mà đi, vòng qua Đăng Trại đến sau lưng đồn giặc phóng hỏa đốt trại. Mặt trước Lê Văn Duyệt thừa thắng đánh ập vào. Quân giặc tan chạy.

Trận này, Thành và Duyệt cùng làm đại tướng, cưỡi voi cầm cờ, trở bảo các tướng. Thành tính hay rượu, lúc sắp vào trận, cầm hồ rót uống, lại rót một chén đưa cho Duyệt, bảo rằng: “Uống chén này lại càng hăng hái thêm lên.” Duyệt cười mà rằng: “Có nhát, thì mới phải mượn rượu, chớ như trong cơn mắt tôi chẳng cho quân giặc vào đâu, cần gì phải mượn rượu.” Thành có ý thẹn, bởi thế căm giận Duyệt.

Khi ấy, Thế Tổ sắp khởi trận hỏa công ở cửa bể Thi Nại, bèn mật báo Thành đem bộ binh đêm đánh trận giặc, để cho quân giặc mãi chống giữ, thì mặt thủy quân đánh xông vào. Võ Văn Dũng phải bỏ thủy đồn mà chạy.

Khi Thế Tổ đem thủy quân ra đánh Phú Xuân, lưu Thành đóng quân ở Vân Sơn, để chống nhau với giặc. Lại sai đem ấn sắc đến nơi quân thứ phong cho Thành tước Quận công.

Thành cùng Duyệt hội quân hai mặt đánh thành Bình Định. Diệu, Dũng hết lương ăn, đương đêm bỏ thành lên qua đường rừng trốn chạy. Thành chiêu hàng dư đảng được 3.000 người, phụng mệnh ở lại trấn thủ.

Thành học sách vở thông thái, am hiểu chính thể, trong hàng chư tướng, đức Thế Tổ trọng thành hơn cả; không cứ việc lớn, việc nhỏ, thường hỏi đến Thành để quyết định.

Tháng bảy năm Nhâm Tuất đức Thế Tổ định xong Bắc Thành, triệu Thành cho làm Tổng trấn, cả thầy 11 trấn đều thuộc về cả.

Năm Gia Long thứ bảy, Bắc Thành bốn trấn nổi giặc, giả danh tôn Lê. Thành làm khúc hát “Điểm mê” để hiểu dụ. Dân gian có người làm khúc “Tổ khuất”, đổ tội quan lại những nhiều, cho nên nổi giặc. Thành sức các địa phương quan đi hiểu dụ khắp mọi nơi, và sai các tướng tiến tiêu, đều dẹp yên cả.

Năm thứ mười, Thành phụng mệnh sung chức Tổng tài sửa lại luật lệ, định thành 20 quyển, 398 điều, tâu xin in cả để thi hành.

Năm thứ mười ba, gặp tang đức Thừa Thiên hoàng hậu (sinh ra ông hoàng tử Cảnh), đức Thế Tổ muốn để ông hoàng tử đệ tứ (đức Minh Mạng) làm thừa tự, vào chủ tế. Thành ngại rằng lòng vẫn tế khó xưng hô, đức Thế Tổ bảo rằng: “Con phụng mệnh cha, để mà tế mẹ, danh chính ngôn thuận, can gì mà không nên.” Nhưng Thành vẫn có ý bất mãn. Sau đó khi đương buổi triều, đức Thế Tổ hỏi Thành rằng: “Nay hoàng tôn Đán (con ông hoàng tử Cảnh) còn nhỏ, trong hàng các con, nên lập ai là phải?” Thành thưa rằng: “Đích tôn thừa

trọng, mới là chính lễ. Nay bệ hạ muốn chọn người khác, biết con chẳng ai bằng cha, chúng tôi không dám dự đến việc đó.”

Từ đấy Thành vào triều kiến, thường tâu xin lập ngôi chừ nhĩ,^[49] đức Thế Tổ nín nặng. Thành lại càng nghi sợ.

Con Thành là Thuýên đỗ Cử nhân khoa Quý Dậu, hay làm văn thơ, giao thông tân khách, nghe thấy Nguyễn Văn Khuê, Nguyễn Đức Nhuận là người Thanh Hóa, hay chữ có tiếng, mới làm một bài thơ sai tên môn hạ Nguyễn Trương Hiệu cầm ra mời vào chơi. Hiệu đem bài thơ ấy đưa cho Hình bộ Thiêm sự Nguyễn Hựu Nghi. Nghi vốn oán Thành, xui Hiệu cầm bài thơ ấy mách Lê Văn Duyệt. Duyệt với Thành hai người vốn không hòa với nhau, mới cầm bài thơ vào triều mật tâu: “Thuýên làm thơ có ý bội nghịch.”^[50] Đức Thế Tổ cũng không hỏi chi. Sau Hiệu cứ giữ mãi bài thơ ấy làm chứng, đón Thành đi châu về, nắm áo đòi tiền hối lộ. Thành bắt đắc dĩ phải bắt Hiệu và Thuýên tống ngục, liền vào châu tâu vua, đức Thế Tổ cho là chứng cứ chưa rõ, tha tội cho Thuýên, mà Thành vẫn tại chức như cũ.

Sau lại có kẻ hạch Thành bất pháp, Lễ bộ các Thành không được dự tế Nam Giao. Đức Thế Tổ lại sai Lê Văn Duyệt xét lại án người Thuýên. Thuýên phải thú phục. Thành sợ hãi xin chịu tội. Quân thân đều xin đem Thành tống ngục, đức Thế Tổ nói rằng: “Thành đâu có tội, nhưng cứ lễ đãi kẻ đại thân, phải nên xử một cách riêng.” Bèn sai thu cả ấn sắc của Thành, cho về ở nhà. Quân thân lại tâu: “Cha con Thành, cứ phép nên xử tử.” Gặp khi ấy ngoài Bắc Thành kết án Lê Duy Hoán mưu phản, đệ vào kinh để Hình bộ xét lại. Duy Hoán lại chiêu xưng là tự Thuýên xui làm phản. Đỉnh thân xin bắt Thành và cả các con giam ở nhà Thị trung quân xá. Các đỉnh thân họp lại tra hỏi Thành có làm phản không? Thành thưa rằng: “Không.” Khi Thành trở ra, bảo quan Thống chế Hoàng Công Lý rằng: “Thế là thành án rồi, vua bắt tôi chết, tôi không chết, không phải là trung thân.” Rồi liền uống thuốc độc mà chết, thọ 60 tuổi. Khi ấy có tên lính thư lại nhặt được tờ biểu trần tình của Thành để lại, Hoàng Công Lý đem dâng lên, trong tờ biểu có câu rằng: “Sớm rèn tôi luyện, kết thành tội cực ác cho cha con tôi, không còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ có chết mà thôi.” Đức Thế Tổ xem tờ biểu, thương tình, sa hai hàng lụy, rồi phán Lễ bộ xuất tiền kho làm ma từ tế.

Thành có tài lược kiêm cả văn, võ, lâm trận dùng binh, định mưu trước rồi mới đánh, cho nên ít khi thua, huân lao rất to. Còn như mưu mô việc miếu đường, Thành điều trần được nhiều việc, đều thứ đệ thi hành cả, thực là có mưu xa kinh lý việc nước.

Năm Minh Mạng thứ mười bốn, nghịch Ngôi khởi loạn ở thành Phiên An, vì có tên Hàm (con Thành) tòng nguy, xuống chiếu bắt cả lũ con Thành giết sạch. Đến năm Tự Đức mới lại được truy phục chức tước.

37. Lê Văn Duyệt

Lê Văn Duyệt tổ tích nguyên người Quảng Nghĩa, cha là Toại, thiên cư vào ở Định Tường, sinh được 4 giai, Duyệt là con trưởng. Khi sinh ra vốn người ái nữ, hình thể ngắn ngủn, nhưng có tài tinh nhanh, sức khỏe mạnh. Khi 14, 15 tuổi, thường than rằng: “Sinh ở đời loạn, mà không hay kéo cờ gióng trống làm đại tướng, để lưu công danh ở sử sách, thì không phải là tài giai.”

Năm Canh Tí, đức Thế Tổ lên ngôi vua tại Gia Định. Duyệt mới 17 tuổi, được sung làm Thái giám nội đình, sau được thăng làm cai cơ, quản hai đội quân thuộc nội, theo hầu đức Thế Tổ sang Xiêm La.

Năm Đinh Mùi, đức Thế Tổ về thu phục Gia Định, Duyệt thường theo đi chiến trận, cùng chư tướng bàn luận việc binh, đức Thế Tổ thấy vậy lấy làm trọng, thung dung hỏi rằng: “Người cũng biết việc binh à?” Duyệt thưa rằng: “Biết.” đức Thế Tổ nói: “Bình cơ là việc lớn, người sao lại nói khinh dị làm vậy?” Duyệt thưa: “Son tặc là quân vô đạo không bao lâu nữa cũng tự diệt mà thôi. Nay ta lấy người nhân mà đánh kẻ bạo, thế như chẻ tre, tôi không có gì làm khó cả.”

Nhân xin mộ binh theo về cánh Tả quân, rồi phụng mệnh ra đánh Qui Nhơn, được thăng làm thượng nội vệ úy, theo về quân Thần Sách.

Năm Kỷ Mùi, đức Thế Tổ sai Duyệt và Tổng Viêt Phúc đem quân ra án ngữ Bình Đề. Khi ấy đức Thế Tổ nghe tin có mấy vạn quân Tây Sơn kéo vào đánh, ngài sai Trung sứ ra hỏi tình trạng. Duyệt cùng Viêt Phúc tâu rằng: “Có hai chúng tôi ở đây, chẳng lo sợ gì giặc.” Lại trò nui trước mặt nói rằng: “Đây là chốn hai chúng tôi cùng liều sống thác với giặc đó.” Trận ấy quả nhiên thu phục được Qui Nhơn.

Năm sau, tướng Tây Sơn lại vào vây Qui Nhơn, quan quân ra cứu viện chỉ lệnh đênh ngoài bể, không đánh vào được cửa bể Thi Nại. Đức Thế Tổ muốn dùng chức hòa công, bèn sai Duyệt cùng Võ Di Nguy đem thủy quân xông vào đánh, quân giặc ở trong đồn bắn xuống như mưa, Di Nguy bị đạn ngã lăn xuống nước. Duyệt cũng không đoái lại nhìn chi, chỉ gia sức xông vào mà đánh. Đức Thế Tổ thấy tướng sĩ chết hại nhiều, ba lần cho tên tiểu sai truyền dụ bảo Duyệt tạm lui quân. Duyệt nhất định xin liều chết mà đánh, bảo tên tiểu sai rằng: “Tôi xin cứ tiến vào, chớ không lui.” Liền thúc ngựa xông vào cửa bể, thuận gió tung lửa ra đốt hết thuyền giặc. Trận này ở sử cho là một trận *võ công đệ nhất*, khi ấy là 19 tháng giêng năm Tân Dậu.

Bấy giờ các tướng khuyên đức Thế Tổ đem quân ra đánh úp Phú Xuân, nhưng ngài còn dùng dằng chưa quyết, Duyệt tâu rằng: “Việc binh qui hô thần tốc, mưu mô cốt phải quả quyết. Nay đóng quân mãi ở đây, thời mỗi mệt mà vô công; tiến ra lấy được Phú Xuân, thời thành Bình Định này không phải đánh mà tức khắc giải vây; đó là một trước đánh cờ thí xe vậy.” Đức Thế Tổ nghe lời, quả nhiên thu phục được Phú Xuân.

Năm Nhâm Tuất, Gia Long nguyên niên, Duyệt được thăng làm Khâm sai chương Tả quân doanh Bình Sơn tướng quân, tước quận công, cùng Lê Chất đem bộ binh đi tiên phong, dẹp yên Bắc Hà.

Khi ấy có vua Chân Lạp là Nặc Chân phái Xiêm La đánh đui, chạy sang Gia Định. Đức Thế Tổ cho Duyệt vào làm Tổng trấn Gia Định,

để điều đình xử lý việc Xiêm, Lạp, và đưa Nặc Chân về nước. Duyệt tâu xin đắp thành Nam Vang (Phnom Penh), thành Lu Yêm để lưu quân bảo hộ Chân Lạp.

Trước kia Duyệt vốn là tì tướng, thường phải theo tiết chế Nguyễn Văn Thành. Lúc lâm trận, tính Thành thường hay trì trọng, mà Duyệt thì quả cảm hăng hái, thường lập được công to, uy danh lừng lẫy cũng bằng Thành. Nhưng Thành ghét Duyệt là người quyền giới, bởi thế hai người không hòa với nhau.

Khi ấy có người Thanh Hóa là Nguyễn Hựu Nghi trước làm môn khách Nguyễn Văn Thành, vì phải quả trách, trốn sang làm môn hạ Duyệt. Nghi lại sai tên Nguyễn Trương Hiệu sang theo hầu Thuyên là con Thành, để rình xem Thuyên làm những điều gì. Sau Hiệu lấy được một bài thơ đem đưa cho Nghi. Nghi nói với Duyệt rằng: “Con Thành là Thuyên làm thơ chiêu dụ người đồng quận, lời rất bội nghịch.” Duyệt tin lời Nghi, mật đem bài thơ ấy tâu vua; việc án Thuyên gây ra từ đó.

Năm Minh Mạng nguyên niên, Duyệt lại vào trấn thủ Gia Định, dẹp yên giặc sư Kế ở Chân Lạp.

Năm Minh Mạng thứ 13, Duyệt thấy ngoài Bắc Thành, chia thành tỉnh, bãi chức Tổng trấn; chỉ duy thành Gia Định còn có Duyệt cho nên chưa bãi. Duyệt nghĩ mình già yếu, dâng sớ xin từ chức, vua không cho.

Ngày 30 tháng 7 năm ấy (1832), Duyệt mất, thọ 69 tuổi. Duyệt làm việc hay tự chuyên, dụng binh hay quá lạm. Nhưng một lòng báo quốc, phần chân chẳng nghĩ chi đến mình, vậy nên được lòng kẻ tướng sĩ, đem quân đi đánh, không thua trận nào.

Thủy chung bốn lần đi dẹp giặc mán Vách đá ở Quảng Nghĩa, quân mán rợ đều khiếp sợ uy phong, hễ kéo quân đến thì giặc mán đều tan trốn cả.

Khi ra kinh lược Thanh, Nghệ, những kẻ đào phạm ở Bắc Thành cùng kẻ thổ tù ở mặt thượng đạo đều về đầu thú.

Hai lần trọng trấn Gia Định, hưng lợi, trừ hại, dẹp giặc, yên dân, uy danh lừng lẫy, người Xiêm khiếp sợ, hễ khi nào có sứ bộ sang, thì người Xiêm lại hỏi thăm rằng: “Lê công có được mạnh khỏe không?”

Duyệt mất rồi, thành Gia Định đổi tên thành Phiên An, đặt ra Tổng đốc, Bố Chính, Án sát, Lãnh binh. Khi ấy Bố Chính là Bạch Xuân Nguyên sách nhiễu tham lam, tự xưng là phụng mật chi truy xét việc riêng của Duyệt, sai bắt lũ Lê Văn Khôi^[51] là bộ hạ Duyệt để tra hỏi. Khôi sợ phải tội, mưu làm phản; đêm hôm 18 tháng 5 năm Minh Mạng thứ 14, Khôi ngầm dụ đảng lính Bắc Thuần^[52] 27 người vào thành giết Bố Chính Bạch Xuân Nguyên và Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, chiếm giữ thành Phiên An. Quan quân đánh mãi không phá được, đến năm Minh Mạng thứ 16 mới dẹp yên. Đức Minh Mạng truy trách là tại Duyệt nuôi lũ phi đảng để gây nên vạ. Các quan nội các đều dâng sớ kể tội Duyệt. Đình thần nghĩ xử kết án Duyệt đáng tội trăm 7 điều, tội giã 2 điều. Sau xử án Duyệt phải truy đoạt quan tước, cuộc phẳng mộ địa, dựng bia đề tám chữ: “*Quyền yêm Lê Văn Duyệt thụ pháp xử.*” Con nuôi và cháu là Hán, Yên Tề đều phải xử tử.

Mộ Duyệt ở Gia Định, từ đấy thường khi trời tối, đêm khuya, trong mộ hình như có tiếng qui khóc, hoặc tiếng người, tiếng ngựa ồn ào, nhân dân ở đấy không ai dám đến gần. Đến sau sai quan địa phương bỏ cái bia dựng ngày trước đi, và cho con cháu được xây mộ lại, thì

tiếng khóc ban đêm mới thôi.

Chương thứ VI CÁC VỊ THẦN LINH ỨNG

38. SỬ ĐỒNG TỬ

Về đời vua Hùng Vương thứ ba. Vua có một người con gái tên là Tiên Dung, mới 18 tuổi, nhan sắc xinh đẹp, không muốn lấy chồng, chỉ thường đi chơi các sông núi xem phong cảnh. Vua yêu nàng ấy, mặc ý cho đi chơi không cấm. Mỗi năm trong tuần tháng hai tháng ba, bơi thuyền chơi ở mạn sông làng Chử Xá (tức là làng Chử Xá, huyện Văn Giang bây giờ).

Ở làng ấy có một người tên là Sứ Cù Vân và người con là Sứ Đồng Tử. Hai cha con thiên tính từ hiếu, gặp khi nhà phải hỏa tai, của cải hết sạch cả, chỉ còn một cái khổ vải, cha con thay đổi nhau, ai đi đâu thì đóng. Đến khi Cù Vân phải bệnh, dặn con rằng:

- Tao mà chết đi rồi, thì cứ táng trần cho tao, còn cái khổ đẩy để cho mày.

Cù Vân mất, Sứ Đồng Tử không nỡ để cha chết truồng, lấy khổ quấn cho cha rồi mới chôn. Còn mình thì trần truồng, đói rét khổ sở, ngày ngày đứng nấu hình bên sông, chờ có thuyền buôn qua lại thì xin, hoặc là câu cá bán để độ thân.

Một hôm, nàng Tiên Dung bơi thuyền đến chơi bến làng Chử Xá, chiêm trống om thòm, đàn sáo rầm rĩ, cờ tán rợp đất, lính tráng rất đông. Sứ Đồng Tử trông thấy sợ hãi ẩn vào trong bãi lau sậy, cào cát lên nép mình xuống dưới, rồi lại lấy cát trùm lên trên.

Tiên Dung bơi thuyền đến bến ấy, nhìn trông phong cảnh vui đẹp, mới lên bãi cát đứng xem, thấy chỗ ấy sạch sẽ, giảng màn tứ vi trên bãi cát để tắm, Tiên Dung vào màn, cởi áo xiêm tấp táp một hồi lâu, gội nước trôi cát, Sứ Đồng Tử chỗi lên. Tiên Dung trông thấy giạt mình, nhìn ra biết là người con giai, mới gọi hỏi căn cứ làm sao, thì Đồng Tử cũng thú thật cả đầu đuôi làm vậy.

Tiên Dung bảo rằng:

- Ta nguyên không muốn lấy chồng, nay sự đã thế này, tất là Nguyệt lão xe duyên đây.

Mới sai Đồng Tử tắm tấp, ban cho quần áo, đem xuống thuyền ăn yến vui vẻ. Người trong thuyền ai cũng cho là sự kỳ dị.

Đồng Tử nhất định xin từ, không giám lấy, Tiên Dung bảo rằng:

- Thiếp với chàng là tự trời xe duyên, can gì mà từ.

Đồng Tử từ mãi không được phải nghe. Từ bữa ấy hai người kết làm vợ chồng.

Có người về tâu với vua Hùng Vương, vua nổi giận nói rằng:

- Tiên Dung không biết tiết danh giá, chơi bờ đường xá, lấy kẻ nghèo hèn, còn mặt mũi nào mà nhìn đến ta!

Tiên Dung vì thế sợ hãi không dám về, mới cùng với Đồng Tử lập ra phố xá buôn bán với dân. Buôn bán mỗi ngày một thịnh, dần dần thành ra một làng. Các khách buôn bán ngoại quốc qua lại, ai cũng coi bà Tiên Dung làm chủ cả vùng ấy.

Có một người lái buôn bảo với Tiên Dung rằng:

- Nếu được trăm cân vàng, cho người đi với tôi ra ngoài bể, buôn những đồ quý sang năm tất được lãi gấp mười.

Tiên Dung mừng rỡ, bảo với Sứ Đổng Tử rằng:

- Vợ chồng ta là tự trời giắt lại, cơm ăn áo mặc cũng là tự trời cho, vậy thì chàng nên đem vàng ra bể mà buôn.

Sứ Đổng Tử đem vàng đi với người lái buôn ra ngoài bể, đến núi Quỳnh Lãng, trông lên trên núi có một am nhỏ. Đổng Tử trèo lên xem phong cảnh. Trong am có một nhà sư còn trẻ, tên là Phật Quang, thấy Đổng Tử có cách điệu thần tiên, muốn truyền phép cho Đổng Tử. Đổng Tử ở liền ngay đấy học đạo. Được hơn một năm, Đổng Tử trở về, Phật Quang tặng cho một cái gậy, một cái nón, và dặn rằng:

- Phép linh thông ở cả cái gậy và cái nón này.

Đổng Tử vâng lĩnh từ về, đem phật đạo về dạy Tiên Dung, Tiên Dung tinh ra, mới bỏ cửa hàng buôn, hai vợ chồng rủ nhau đi học đạo. Một hôm đi xa, trời đã tối mà chưa đến chỗ nghỉ. Canh ba đêm hôm ấy, bỗng dung hiện ra thành quách, lầu ngọc, điện châu, kho, tàng, dinh, phủ, vàng bạc, châu báu, giường, sập, màn, trướng, lại có tiểu đồng, ngọc nữ, tướng sĩ, thị vệ, hầu hạ xung quanh.

Sáng ngày mai, ai trông thấy cũng lấy làm lạ lùng kinh hãi, tranh nhau mang hương hoa ngọc thực đến dâng. Lại có đủ văn quan, võ tướng, chia quân canh giữ các cửa thành, tựa hồ một nước.

Vua Hùng Vương thấy truyện làm vậy, cho là làm loạn, sai quan quân đến đánh. Khi quan quân sắp đến nơi, chúng tâu xin đem quân ra cự.

Tiên Dung cười nói rằng:

- Việc này không phải tại ta làm ra, bởi tự trời xui nên thế. Ta dù sống chết đã có trời, dám đâu cự nhau với cha? Ta chỉ thuận theo lẽ phải, mặc ý cha ta giết chết cũng cam tâm.

Khi quan quân tiến đến, đóng ở châu Tự Nhiên (bây giờ gọi là Khoái Châu phủ), còn cách bên này một con sông. Trời đã tối, quân chưa kịp sang sông. Đến nửa đêm, bỗng nhiên trời nổi đông gió, bay cát đỏ cây, rồi thì cả một khu bà Tiên Dung ở, cửa nhà, người, giống súc vật, trong một lúc bay cả lên trời; chỉ còn bãi đất không ở lại trông đằm mà thôi. Bởi thế bãi ấy gọi là bãi Tự Nhiên, đằm ấy gọi là đằm Nhất Dạ (một đêm).

Dân ở đấy thấy sự lạ lùng, mới lập miếu để thờ. Về sau, vua Triệu Việt Vương đóng binh trong đằm, cự nhau với quân nhà Lương. Tướng nhà Lương là Trần Bá Tiên đánh mãi không được. Đến lúc Bá Tiên trở về, ủy cho tì tướng là Dương Sản vây đánh. Triệu Việt Vương thiết đàn trong đằm cầu khẩn, xin thần giúp cho. Bỗng thấy một ông thần (tức là Sứ Đổng Tử) cười rồing xuống đàn, bảo rằng:

- Ta tuy đã lên trời, nhưng uy linh vẫn còn ở đây, người có lòng thành cầu đến ta, vậy ta xuống giúp.

Nói đoạn, nhỏ một cái vuốt chân rồng, trao cho Triệu Việt Vương và dặn rằng:

- Người lấy cái vuốt rồng này, cắm lên chòm mũ đầu mâu, thì đi đến đâu, giặc phải tan đến đấy.

Nói vừa dứt lời, rồng bay vọt lên trời biến mất. Triệu Việt Vương nghe lời, cắm vuốt rồng lên trên chòm mũ, tự bấy giờ sức khỏe hơn trước, thanh thế mỗi ngày một to, mới đem quân ra đánh nhau với Dương Sàn, chém được Dương Sàn tại trước trận, quân nhà Lương phải tan chạy hết về Tàu.

39. Phù Đổng Thiên Vương

Về đời vua Hùng thứ sáu. Thiên hạ thái bình, dân gian giàu có; vua không triều cống với nhà Ân bên Tàu. Vua nhà Ân thấy vậy, già tiêng đi tuần thú, muốn đem quân sang cướp nước Nam.

Vua Hùng Vương lo sợ, vội quần thần vào hỏi mẹo đánh giũ, có người phương sĩ thưa rằng:

- Bệ hạ nên kêu với Long quân, thì ngài sai thiên tướng xuống giúp mới xong.

Vua nghe lời, lập đàn làm chay, cùng cấp ba ngày cầu khẩn. Bỗng đâu trời nổi cơn giông, sấm sét ầm ầm, mưa như trút nước. Rồi có một ông cụ già, cao lớn 9 thước, mặt mũi to lớn, đầu bạc râu trắng, ngồi ở ngã ba đường cái, vừa cười vừa nói, ngọng hát mua mênh.

Ai trông thấy cũng cho làm lạ, mới vào tâu vua. Vua thân hành ra mời cụ ấy đến chỗ đàn làm chay, dâng cơm rượu thiết đãi. Ông cụ ấy không ăn uống và cũng không nói năng câu gì.

Vua hỏi rằng:

- Sắp có giặc Bắc xâm phạm nước Nam, được thua thế nào xin cụ bảo cho.

Ông cụ lâu mãi mới nói rằng:

- Sau ba năm nữa, giặc Bắc tất kéo đến đây. Nhà vua nên tìm khắp cả thiên hạ, mà cầu lấy người kỳ tài, phá được giặc, thì nên chia đất phong tước cho người ta, truyền mãi vô cùng. Nếu được người giỏi phá giặc không khó gì nữa.

Nói đoạn, bay vụt lên trời biến mất.

Vua lấy làm lạ, mới tuân lời ấy, sai sứ đi khắp trong nước cầu người tài. Bấy giờ ở làng Phù Đổng, huyện Võ Ninh (bây giờ là Võ Giàng) có một ông nhà giàu, ngoại 60 tuổi, chỉ sinh được một người con gái, lên ba tuổi chưa biết nói, mà chỉ nằm ngửa, không ngồi đứng lên được. Khi sứ giả đi cầu người tài, đến làng ấy, người mẹ cười mà nói bốn con rằng:

- Đẻ được một chút con gái, chỉ biết ăn uống, ngồi đứng không được, thì đánh thế nào được giặc, để mà linh thiêng của vua, đền công sinh dưỡng cho cha mẹ.

Người con nghe vậy, bỗng nhiên biết nói, bảo mẹ gọi sứ giả lại đây. Mẹ lấy làm lạ lùng, bảo với người láng giềng. Người láng giềng thấy lạ truyện, xui người nhà thờ gọi sứ giả xem ra làm sao.

Khi sứ giả đến, trông thấy người còn bé, hỏi rằng:

- Tiểu nhi kia, gọi ta đến làm gì?

Tiểu nhi ngồi ngay dậy, bảo với sứ giả rằng:

- Sứ giả trở về cho mau, tâu với vua, đúc cho ta một con ngựa sắt, cao 18 thước; một thanh kiếm dài 7 thước; và một cái nón sắt, đem lại đây cho ta. Giặc đến trông thấy ta, tự nhiên phải sợ mà chạy, vua can gì phải lo?

Sứ giả mừng lắm, về tâu với vua.

Vua mừng rỡ bảo quần thần rằng:

- Đây là Long vương cứu ta đây! Năm ngoái ông cụ già nói truyện, quả nhiên không sai, các người chớ hồ nghi gì nữa!

Vua lập tức sai thợ rèn đúc ngựa sắt, kiếm sắt đến, sai người đem lại đưa cho tiểu nhi. Sứ giả sắp đến, mẹ ở nhà lo lắng, chỉ sợ con nói xằng thì vạ lây đến cả nhà.

Tiểu nhi cười âm lên nói rằng:

- Mẹ cứ kiếm rượu thịt cho nhiều, cho tôi ăn uống, còn việc đánh giặc, mẹ không phải lo.

Tiểu nhi tự bấy giờ mỗi ngày một lớn, cơm ăn áo mặc tốn lắm, mẹ tuy nhà giàu mà cũng không đủ nuôi cho con ăn, hàng xóm láng giềng, phải tư cấp giúp thêm; nào kẻ đỡ tiền thóc, người dâng rượu thịt, mà ăn vẫn không được no; vải lụa nhiều thế nào cũng mặc không đủ; cửa nhà ở cũng không vừa, phải ken cỏ lau lợp một cái nhà to để ngài ở.

Khi giặc Ân kéo đến núi Châu Sơn (thuộc về huyện Tiên Du), thì sứ giả đem ngựa kiếm đến nhà giao cho ngài. Ngài vươn vai đứng lên, cao hơn hai trượng, ngẩng mặt lên trời, gầm lên vài mươi tiếng, rồi rút thanh kiếm cầm trên tay quát to lên rằng:

- Ta là thiên tướng nhà trời đây!

Lập tức đội nón nhảy lên ngựa, quát ngựa tể đi. Ngựa hét ra lửa mà chạy như bay, chỉ chớp mắt đã đến chỗ quân đóng. Ngài trò gươm đi trước, quan quân kéo theo sau, tiến sát đến trại giặc. Giặc bày trận ở dưới chân núi Châu Sơn, ngài xông vào trận đánh giết một hồi lâu, gãy mất cả kiếm, mới vớ lấy tre ở bên cạnh đường, cầm cả tảng tre mà quạt vào đám giặc. Quân giặc tan nát tựa hồ đất lở ngôi tan, tranh nhau chạy trốn, kêu rằng:

- Lạy ngài, ngài là thần tướng trên trời, chúng tôi xin chịu hàng cả.

Khi đánh đến núi Ninh Sóc, thì giặc đã tan hết cả rồi, ngài mới cởi áo bỏ đày, rồi cưỡi ngựa bay lên trời. Đến bây giờ vẫn còn dấu người, ngựa ở trên núi.

Vua nhớ công, không biết lấy gì báo được, mới phong ngài làm Phù Đổng Thiên Vương, lập miếu thờ ngay ở vườn nhà ngài khi trước, ban cho dân một trăm mẫu ruộng tự điền bắt phải bốn mùa cúng tế.

Từ đấy, giặc Bắc không dám sang xâm phạm nữa. Bốn phương nghe truyện làm vậy, đâu đâu cũng hòa hiếu với nước Nam.

Đến đời nhà Lý, gia phong làm Sung Thiên thần vương. Bây giờ vẫn còn thờ ở làng gióng, mà tượng thì ở trên núi Vệ Linh, mỗi năm

đến tháng tư, dân làng ấy mở hội to lắm.

Những tre ngà nhỏ lên đánh giặc, bây giờ thành rừng ở huyện Gia Bình, gọi là tre Đằng Ngà.

Chỗ con ngựa thét ra lửa, cháy mất một làng, cho nên bây giờ làng chỗ ấy gọi là làng Cháy.

40. Tản Viên sơn thần

Núi Tản Viên thuộc về huyện Phúc Lộc (bây giờ là huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây), có ba tầng cao chót vót, hình như cái tán, cho nên gọi là núi Tản Viên.

Tục truyền thần núi ấy khi xưa là dòng dõi vua Lạc Long. Nhà nghèo, vào rừng kiếm củi, chặt một cây cổ thụ, hôm sau lại có sao Thái Bạch xuống cứu cây ấy sống lại, rồi cho ngài một cái gậy, và dặn rằng: “*Gậy này có phép cứu được bách bệnh cho người ta, hễ ai ốm đau, chỉ cần gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu dân độ thế.*” Ông ấy nhận cái gậy, từ đấy bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau. Có một hôm, đi qua bờ sông thấy lũ trẻ chăn trâu, đánh chết một con rắn. Ông ấy trông trên đầu con rắn có chữ *vuông*, biết là rắn lạ, mới cầm gậy gõ vào đầu rắn, thì con rắn ấy sống lại, bò xuống sông mà đi mất.

Được vài hôm, bỗng có một người con giai, đem đồ vàng, ngọc, châu báu đến nói rằng:

- Thưa ông, tôi là Tiểu long hầu, con vua Long vương bề Nam. Bữa trước tôi đi chơi trên trần, chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết, nhờ có ông cứu cho mới được sống, vậy tôi có của này đến tạ ơn ông.

Ông ấy nhất định không lấy, Tiểu long hầu mới cố mời ông ấy xuống chơi dưới bể, đưa ra một cái ống linh tê, để ông ấy rẽ nước đi xuống. Long vương thấy ngài xuống chơi, lấy làm mừng lắm, mở tiệc thiết đãi ba ngày, rồi đưa tiễn những của quý lạ, ông ấy cũng nhất định không lấy gì cả, Long vương mới biểu một quyền sách ước, ông ấy nhận sách đem về, giở ra xem, muốn ước phép nào cũng được. Từ bấy giờ cứu được cho dân nhiều lắm, mà các phép thần thông biến hóa, không thần thánh nào theo kịp.

Khi ngài đã thành thần rồi, đi qua cửa bể Thần Phù lên mạn ngược, tìm chỗ nào cao ráo, phong quang, và được thối dân thuận hậu thì mới ở. Khi đến Thăng Long, xem dân tình ăn ở phù hoa, không bằng lòng mới bỏ mà lên huyện Phúc Lộc, thấy chỗ ấy có núi Tản Viên, ba từng núi xòa xòa, hình như cái tán, phong cảnh vui vẻ, thần mới hóa phép làm một con đường về phía Nam núi, thẳng tự bến Phan Tân đến Tản Viên. Đường qua cánh đồng làng Vệ Đông và làng Nham Toàn, hóa phép hiện ra lâu đài để nghỉ ngơi. Lại qua cánh đồng Thạch Bàn, Vân Mông, rồi lên mãi từng núi cao nhất để ở.

Thần tự khi ở núi ấy, thường thường ra chơi sông Tiểu Hoàng xem cá. Chỗ nào có phong cảnh đẹp cũng đến chơi. Chơi đến đâu lại hiện ra đền đài đến đấy để nghỉ ngơi. Các làng trông thấy chỗ nào có dấu đền đài, thì lại lập đình miếu để thờ.

Bấy giờ vua Hùng Vương có người con gái tên là Mị Nương, nhan sắc rất đẹp, thần núi và vua thủy cùng hỏi xin lấy làm vợ. Vua Hùng Vương nói rằng:

- Một thuyền quỳên không có lẽ sánh được hai anh hùng, vậy thì ngày mai, ai đem được đủ đồ lễ đến trước thì ta gả cho.

Sáng ngày mai, thần Tản Viên đem những đồ vàng bạc châu báu, cùng các giống chim quý thú lạ dâng. ^[53] Vua Hùng Vương y ước gả cho, thần mới đón nàng Mị Nương về ở trên đình núi Tản Viên.

Vua thủy đem đồ lễ đến sau, thấy thần núi đã rước dâu về rồi, tức giận lắm, mới làm ra mưa to gió lớn, và dâng nước lên để đuổi theo cướp về.

Thần núi thấy vậy, làm ra lưới sắt, chắn ngang đường thượng lưu huyện Từ Liêm. Vua thủy lại đi đường khác, tự sông Lý Nhân vào sát chân núi Quảng Oai, men bờ lên cửa sông Hát Giang, rồi ra sông Lư, vào sông Đà để đánh mé sau núi Tân Viên. Lại mở ra các sông nhỏ, để đem nước vào đánh mé trước núi. Đi qua các làng Cam Giá, Đông Lân, Cổ Nhạc, My Xá, đi đến đâu xoáy nước xuống thành vực, để làm cho các giống thủy tộc ở, rồi tiến nước lên đánh nhau với thần núi. Thần núi thì bảo dân xung quanh đến đan phên chắn nước và dùng cung nỏ bắn xuống; lại sai các loài hùm, beo, voi, gấu, bè cây cối vận đá ném xuống sông. Mỗi phen đánh nhau, mưa gió sấm chớp ầm ầm, trời đất mù mịt. Đánh nhau xong rồi, thì thấy những loài cá, ba ba, thường luồng, chết nổi cả trên mặt sông. Từ đấy hai thần thù nhau, mỗi năm đánh nhau một chuyến.

Thần núi linh ứng lắm. Phàm khi nào đảo mưa cầu tạnh, cũng thường ứng nghiệm. Ai nhờ nhờ đến thì có tai nạn ngay. Mỗi khi tạnh trời, thần thường hiện hình chơi các nơi khe suối, có đám mây phủ như hình tán quạt.

Khi nước Nam nội thuộc nhà Đường, Cao Biền sang làm Đô Hộ, muốn trấn yểm các nơi linh tích, bắt đũa con gái 17, 18 tuổi chưa có chồng, cho ăn đồ hoa quả, mặc áo xiêm lịch sự, đặt lên ngai trên ngai, giết trâu bò tế bái để cho thần phụ vào người con gái ấy, rồi rình khi cất nhắc chân tay, thốt nhiên chém đi. Thường hay dùng thuật ấy để trấn áp bách thần. Khi Biền dùng mẹo ấy cúng thần Tân Viên, thì thần cười ngửa trắng ngai trên đám mây nhỏ vào cổ tế mà đi.

Cao Biền than rằng:

- Linh khí nước Nam còn thịnh vượng lắm, không tài nào mà trừ được!

Thần có phép lạ, biến hóa không biết đâu mà lường. Quan Hàn lâm là Nguyễn Sĩ Cố về thời nhà Trần phải đi dẹp giặc, đi qua đền ngài, đem lễ vào khấn, rồi đề một bài thơ rằng:

Non ngát, thần thiêng, lắm liệt thay!

Động lòng đã thấu tới cao dày,

Mị Nương cũng hiển oai linh lắm,

Xin giúp thư sinh một chuyến này.

41. Lý Ông Trọng

Về cuối thời vua Hùng Vương, ở làng Thụy Hương (tục gọi là làng Chèm), huyện Từ Liêm, có một người họ Lý tên Thân, hiệu là Ông Trọng. Cao 2 trượng 6 thước, khỏe mạnh tuyệt trần. Thuở còn hàn vi, nhân có sự giết người, đáng phải tội chết. Vua thấy người cao lớn lực lưỡng, không nỡ giết. Đến đời vua An Dương Vương, vua Thủy Hoàng nhà Tần đem binh sang xâm nước Nam. An Dương Vương xin hàng, rồi đem Lý Ông Trọng sang cống bên Tàu. Thủy Hoàng được Ông Trọng mừng lắm coi như cửa rất quý trong đời, dùng ngay làm Tư vệ hiệu úy.

Đến khi Thủy Hoàng đem binh đi đánh dẹp thiên hạ, thì sai Ông Trọng trấn thủ đất Lâm Thao, để phòng quân rợ vào quấy nhiễu. Ông Trọng hùng dũng, tiếng lừng lẫy một vùng, rợ Hung Nô không dám bén mảng đến cửa ải. Thủy Hoàng mới phong thêm cho Ông Trọng làm Phụ tín hầu.

Về sau, Ông Trọng cáo lão về nước nhà hưu dưỡng. Không được bao lâu, rợ Hung Nô thấy vắng Ông Trọng lại vào quấy nhiễu các sứ biên thùy. Thủy Hoàng nhớ đến Ông Trọng, sai người sang vời, thì bấy giờ người đã mất rồi.

Sứ giả về tâu lại, Thủy Hoàng phàn nàn thương tiếc vô cùng, mới đúc tượng Ông Trọng bằng đồng, đặt ở ngoài cửa Tư mã cung Hàm Dương. Trong bụng để trống, có máy vận cho chân tay động dậy được. Thường khi sai vài chục người chui vào trong tượng đồng vận máy cho rung động, người rợ Hung Nô qua lại, tưởng là Ông Trọng còn sống, không dám vào quấy nhiễu nữa.

Đến đời nhà Đường, Triệu Xương sang làm Đô Hộ, nằm mơ thấy một người to tát cao lớn, đến chơi bàn giảng nghĩa sách Xuân Thu, Tả Truyện. Hỏi tên họ thì nói là Lý Ông Trọng ở làng Thụy Hương. Triệu Xương tỉnh dậy, ngày mai hỏi thăm đến chơi tận làng ấy, tra hỏi sự tích, rồi lập miếu ngay tại khu nhà cũ ông ấy để thờ. Khi sau Cao Biền sang đánh nước Nam Chiếu, Ông Trọng hiển linh giúp Cao Biền, phá giặc thành công. Cao Biền mới sai sửa sang lại đình đài, tạc gỗ tô tượng, gọi là đền “*Lý hiệu úy*.”

Từ bấy giờ trở đi, thường linh ứng lắm, dân xã có việc gì cầu đảo đến cũng nghiệm. Lịch triều cũng phong tặng làm linh ứng thượng đẳng thần. Vì ở làng Chèm cho nên tục gọi là Thánh Chèm.

42. Tô Lịch giang thần

Khi xưa có người tên là Tô Lịch, làm quan Lịch ở huyện Long Đỗ, nhà ở cạnh con sông nhỏ. Nhà ấy ba đời nhân nhượng ở chung với nhau, được cất lên đồ khoa Hiếu Liêm, và được tinh hiệu cửa nhà, vì thế ở làng ấy cũng đặt là làng Tô Lịch.

Đến đời vua Mục Tôn nhà Đường, Lý Nguyên Gia sang làm Đô Hộ, lập dinh phủ ở trong thành Long Biên. Nguyên Gia thấy cửa bắc thành ấy, có con sông chảy ngược, sợ người sinh ra bụng làm phản, muốn cấm phủ chỗ khác, mà đắp ra thành La Thành.

Khi sắp xây thành, lập dinh ở cạnh sông Tô Lịch, rót rượu dâng khấn, xin ông Tô Lịch làm thành hoàng ở thành ấy.

Đêm nằm mơ thấy thần bảo rằng:

- Sứ quân sai tôi làm chủ thành này, vì dù tôi dạy dỗ được dân, để cho biết giữ đạo trung hiếu, thì phải lập miếu mà thờ tôi.

Nguyên Gia xin vâng lời. Từ đấy dân gian an nghiệp, không ai sinh ra bụng phản nghịch. Nguyên Gia mới đắp ra thành nhỏ để ở, và lập miếu để thờ Tô Lịch.

Khi Nguyên Gia mới đắp thành có thầy tướng bảo rằng:

- Tôi xem tướng ông không đắp nổi thành to đâu, sau năm mươi năm nữa, tất có một người họ Cao, đóng đô lập phủ ở đây, mới đắp nổi được.

Đến thời vua Ý Tôn nhà Đường, nước Nam Chiếu làm phản, vua nhà Đường sai Cao Biền sang đánh, dẹp yên được giặc, mới đặt ra Tĩnh hải quân, mà phong cho Cao Biền làm Tiết độ sứ. Cao Biền nhân thế giữ phủ Giao Châu, tự xưng là Cao Vương.

Cao Biền thông hiểu thiên văn, địa lý, xem xét tình thế, nhân chỗ thành nhỏ của Nguyên Gia, đắp rộng thêm ra gọi là Đại La Thành, chu vi 8.000 bộ.

Mé bắc thành ấy có con sông tự sông Lu (sông cái) vào mé tây bắc, rồi chảy xuống phía nam, vòng quanh La Thành, rồi lại đổ vào sông Cái. Mỗi năm đến tháng sáu mùa mưa, nước sông tràn lên mênh mông. Có một khi Cao Biền ngồi thuyền chơi trong sông, bỗng thấy một ông cụ già, đầu bạc phơ phơ, râu mày trắng xóa, hình dung kì dị, đang bơi tắm ở trong sông, cười nói vui vẻ lắm. Biền lấy làm lạ, hỏi tên họ, thì nói là họ Tô tên Lịch; hỏi chỗ ở thì nói là ở trong sông. Nói đoạn, vỗ tay cười ầm cả lên, rồi tự nhiên trời đất tối xầm, ông cụ ấy biến mất.

Cao Biền biết là thần, nhân thế gọi sông ấy là sông Tô Lịch.

Lại một buổi sớm, Cao Biền đứng ở cửa đông nam La Thành trông ra sông Tô Lịch, thấy trong sông nổi cơn gió to, sóng đánh bồn chồn, mây kéo mù mịt, rồi có một người dị dạng, đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng; mình mặc áo vàng, đầu đội mũ đỏ, tay cầm một cái hốt vàng, có bóng thấp thoáng như mây phủ, mãi đến lúc mặt trời mọc cao ba trượng mà chưa tan. Cao Biền lấy làm lạ, muốn dùng thuật trấn áp, đêm hôm ấy, chiêm bao thấy ông thần bảo rằng: “*Ta là tinh đất Long Đỗ, thần linh xứ này, ở đây đã lâu. Nay thấy người*

đến đây, cho nên ta mừng quá mà hiện ra, can gì phải trấn áp ta?” Biền tinh dạy sợ hãi, lập tức lập đàn cúng cấp, rồi dùng những vàng bạc đồng sắt làm bùa, cúng ba đêm ngày, rồi mới chôn bùa để yên.

Đêm hôm ấy mưa gió sấm sét, có tiếng quỷ thần hô hét quát tháo kinh thiên động địa. Một lát, những bùa vàng, bạc, đồng, sắt, bặt cả lên trên mặt đất, tan ra như gió, rồi bay tán vào trong không khí mất cả.

Cao Biền lấy làm lạ, than rằng:

- Ở xứ này có thần thiêng như thế ta nên về Tàu, chớ có ở đây mà sinh vạ về sau.

Tự đấy, Cao Biền có ý muốn về, mới tôn thần Tô Lịch làm Đổ phủ thành hoàng thần quân.

Đến thời vua Thái Tổ nhà Lý, thiên đô lên thành Thăng Long. Thần Tô Lịch có thác mộng vào lạy mừng. Vua lấy làm lạ, hỏi họ tên, thì cũng nói rõ họ tên là thế. Vua lại hỏi rằng: *“Thần có giúp cho trăm giữ mãi cơ nghiệp trăm nghìn năm không?”* Thần thưa rằng: *“Xin bệ hạ hưởng phúc nghìn muôn năm, thì tôi cũng được hưởng trăm năm hương hóa.”* Vua tỉnh dậy, ngày mai sai sứ đến tế ở đền ấy, tôn làm Đô quốc thành hoàng đại vương. Đến đời nhà Trần, lại phong *“Bảo quốc định bang đại vương.”* Đền thờ ở làng Đông Ác, huyện Thọ Xương (Bây giờ thuộc về thành phố Hà Nội).

43. Bạch Mã thần

Khi Cao Biền ở trấn nước Nam, giữ phủ xưng vương, đắp rộng thêm thành La Thành. Đắp xong, một buổi trưa, đứng ngoài cửa đông ngóng xem, bỗng nhiên mưa gió âm âm, rồi có một đám mây ngũ sắc, tự dưới đất bốc lên, khí sáng ánh ra tứ phía. Lại thấy có một người ăn mặc đường bộ, cưỡi con cầu long (rồng chưa có sừng) nửa vàng nửa đỏ, tay cầm hốt vàng, đứng trong đám mây, có bóng thấp thoáng lên xuống, lâu lâu thì tan mất.

Cao Biền lấy làm lạ lùng, nghi là ma quỷ, muốn thiết đàn cúng cấp, dùng phép trấn áp.

Đêm hôm ấy nằm mơ thấy thần lại bảo rằng:

- Xin ông chớ nghi tôi, tôi là thần chính khí ở đất Long Đỗ này, chớ không phải ma quái nào. Tôi thấy ông mới đắp xong cái thành, cho nên mừng mà hiện ra đây thôi.

Cao Biền tỉnh dậy, hội các quan lại bảo rằng:

- Ta không trị nổi được xứ này hay sao? Sao mà lắm ma quỷ hiện ra thế, hoặc là điềm gỡ gì đây chăng?

Chúng xin thiết đàn, bày hình tượng thần ấy, rồi dùng nghìn cân sắt, làm bùa trấn yểm.

Cao Biền nghe lời lập đàn cúng bái, rồi chôn nghìn cân sắt để yểm. Hôm sau, trời đất tối tăm mù mịt, mưa gió âm âm, rồi có tiếng sét đánh vào chỗ yểm bùa, sắt tan vụn bay đi mất cả. Biền thấy vậy sợ hãi, mới lập đền ở trong phố để thờ thần ấy. Về sau, vua Lý Thái Tổ thiên đô lên Thăng Long, mơ thấy thần lại mừng. Vua tỉnh dậy, sai các quan đem lễ đến tế, phong làm Thăng Long thành hoàng đại vương.

Bấy giờ vua mở ra chợ cửa đông cho dân buôn bán, miếu thờ ngài ở cạnh đường, thường có hòa tai, cháy lây cả một dãy phố, chỉ miếu của ngài là không động gì đến. Mỗi khi nhà vua làm lễ nghênh xuân, thường vẫn cúng trong miếu ấy.

Thái sư là Trần Quang Khải có đề một bài thơ rằng:

Xưa nghe lừng lẫy tiếng anh linh,

Ma cũng ghê, mà quỷ cũng kinh.

Ngựa lửa ba phen thiêu chẳng tới,

Roi lôi một trận đánh không chành,

Chỉ tay đè nén vài trăm quỷ.

Quát tiếng trừ tan mấy vạn binh.

Nhờ đội oai thần xưa giặc Bắc,

Khiến cho non nước tại thanh bình.

Trần triều phong là: “*Thuận dụ phu ứng đại vương.*” Đền ở phương Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, gọi là thần Bạch Mã (Bây giờ tức là đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm).

44. Sóc thiên vương

Về thời vua Đại Hành nhà Lê, quan Khuông Việt Thái sư là Ngô Cảnh Chân thường hay chơi ở làng Bình Lỗ, ưa phong cảnh chỗ ấy vui đẹp, mới làm một cái am để ở. Một đêm đến canh ba, mơ thấy một ông thần mặc áo vàng giắt sắt, tay tả cầm một ngọn thương vàng, tay hữu cầm một hòn ngọc, có vài mươi người lính hầu, mặt mũi hung tợn, trông như qui sứ.

Ông thần ấy bảo với Thái sư rằng:

- Ta là Côn Sa môn thiên vương đây, đầy tớ ta là thần Dạ Xoa cả đây. Thượng đế sai ta sang xứ Bắc, coi giữ nhân dân. Người có duyên với ta, cho nên ta lại đây nói chuyện với người.

Thái sư giật mình đứng dậy, nghe trong núi có tiếng quát tháo ầm ầm, trong bụng lấy làm sợ hãi. Hôm sau vào núi xem, thì thấy một cây cổ thụ, cành lá rườm rà, và có đám mây đẹp phủ lên trên ngọn cây. Thái sư sai thợ dẫn cây ấy, đem về tạc tượng như hình dáng trong mộng, rồi lập đền ở trên núi để thờ.

Trong năm Thiên Phúc thứ nhất (980), có quân nhà Tống vào cướp nước. Vua Đại Hành sai Thái sư cầu khẩn ở đền thần Côn Sa môn. Bấy giờ quân nhà Tống đóng ở làng Tây Kết, chưa kịp đánh nhau với quân nhà Lê. Quân Tống bỗng thấy một người ở dưới sông Bạch Đằng nhảy lên đứng trên mặt nước, cao hơn 10 trượng, xõa tóc trùm mắt, quân Tống khiếp sợ tan chạy, phải lui về giữ trên thượng lưu. Lại gặp cơn phong ba to, thuyền bè chìm đắm mất nhiều, vua Đại Hành thừa thế đốc quân lên đánh, bắt được Chuyển vận sứ là Nhân Bảo, vì thế quân Tống phải tan.

Vua thấy thần Côn Sa môn anh linh làm vậy, sai sửa sang thêm đền đài cho đẹp, rồi phong làm Sóc thiên vương, để trấn phương bắc. Đền ấy ở núi Vạn Linh, huyện Kim Hoa tỉnh Bắc Ninh.

Đến thời nhà Lý, lại lập đền thờ ở mé đông hồ Tây, phong làm phúc thần, để trấn phương bắc, và để có việc kì đảo cho tiện (tức là đền ở làng Nhật Tảo bây giờ).

45. Liễu Hạnh tiên chúa

Về thời vua Anh Tôn nhà Lê (1557) ở về thôn Vân Cát, xã Yên Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, có một người gọi là Lê Thái công tiên tổ tích đức đã ba đời, đến đời Lê Thái Công cũng hay làm phúc. Ngoài 40 tuổi, sinh được một người con gái. Cách năm sau, Thái bà có mang được vài tháng thì phải bệnh, ưa những đồ hương hoa, người nhà cho là ma làm, mời thầy phù thủy cúng cấp mà bệnh lại nặng thêm.

Đến hôm trung thu có người xin vào chữa bệnh cho Thái bà. Thái Công mời vào, người ấy cầm cái búa ngọc, lên đàn niệm câu thần chú, rồi ném búa xuống đất. Thái Công ngồi cạnh ngã ngay xuống mơ mơ màng màng, thấy có hai người lực sĩ đưa đi. Đường đi khuất khúc, đến một nơi nhà vàng cửa ngọc, lực sĩ đưa đi qua chín tầng cửa, rồi đến chốn cung đường, thì đứng lại ở dưới hè. Trông lên trên thì thấy có một vị áo mũ đường hoàng, hai bên vẫn võ cầm hốt đứng châu, nghi vệ rất thịnh. Sức có một người con gái mặc áo đỏ, băng chén ngọc dâng rượu thọ, nhờ tay rơi chén, sứt mất một góc. Tả ban có một viên mờ ngay sỏ ra biên vài chữ, rồi thấy hai người sứ giả và vài chục người thị nữ xúm lại dắt nàng mặc áo đỏ tự cửa nam đi ra. Mé trước có một cái biển vàng, trên có hai chữ “*Sắc giáng*”, giữa có hai chữ “*Nam nam*”, còn các khoản dưới thì mập mờ không rõ.

Thái Công hỏi người lực sĩ rằng:

- Đó là việc gì thế?

Lực sĩ nói:

- Đây là bà tiên chúa thứ hai tên là Quỳnh Hoa, chuyện này chắc phải đây xuống trần.

Nói đoạn, lực sĩ đưa Thái Công về đến nhà thì tỉnh dậy, mà Thái bà đã sinh ra một người con gái, nhân thế đặt tên là Giáng Tiên.

Khi nàng Giáng Tiên lớn lên, nhan sắc lạ thường, Thái Công cho ở trong nhà học hành. Nàng ấy thông minh, mà lại tài nghệ âm nhạc. Thường làm ra ca từ bốn mùa, lựa vào khúc đàn để chơi.

XUÂN TỬ (ĐIỆU XUÂN QUANG HẢO)

Cảnh như vẽ, khéo ai bày? Hoa đào mím miệng liễu giương mày. Bướm nhòn bay, oanh vàng lú lo trong bụi, én đỏ riu rít trên cây. Buồng xuân diu dặt mối tình ngây, đề thơ này!

HẠ TỬ (ĐIỆU CÁCH PHỐ LIÊN)

Trời đất nhiều phần nóng nẫu. Đầu cành rúc giọng ve, bãi cỏ vang tiếng chẫu; vò võ quốc kêu sấu, eo eo canh hót ngẫu, Đường bảo nhau “Chúa xuân về rồi thôi cũng hảo!” Cảnh sắc dường kia, ngao ngán cảm lòng khôn đậu. May đâu, thần Chúc dong gậy một khúc nam huân, hương sen thoảng đảo, một trận gió bay, sạch lòng phiền nẫu.

THU TỬ (ĐIỆU BỘ BỘ THIÊM)

Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc. Hoa lau muôn dặm trắng phau phau, cây cối về hồng pha về lục. Cung thiềm sáng quắc ả Hằng ngủ, dạo bước thêm giao tình rạo rạc. Chi bằng đến thẳng dưới giậu hoa cúc thơm, thành thơ dạo đàn gảy một khúc.

ĐÔNG TỪ (ĐIỀU NHẤT TIÊN MAI)

Khí đen mờ mịt tỏa non sông, hồng về nam xong! Nhạn về nam xong! Gió bắc căm căm tuyết mịt mù! Tựa triện ngời trông, tựa triện đứng trông. Suối lò mặt vẫn giá như đồng, ngồi chẳng yên lòng, nằm chẳng yên lòng! Dậy xem phong cảnh lúc trời đông, hoa quên lạnh lòng! Người quên lạnh lòng!

Một khi Thái Công dạo chơi sau vườn, nghe thấy khúc đàn ấy, trong bụng buồn rầu, nhân có ông bạn quen họ Trần ở cùng một làng, mới cho làm con nuôi ông ấy, và làm riêng một nhà lầu ở sau vườn Trần công cho con gái ở.

Cạnh nhà Trần công có một nhà quan, tuổi già chưa có con gái, nhân đêm trăng ra chơi vườn đào, bắt được đứa con giai ở dưới gốc đào, vì thế đặt tên là Đào Lang. Đào Lang mặt mũi tuấn tú. Trần công thấy Giáng Tiên tư chất khác phàm và lại nét na, có ý muốn kết duyên cho Đào Lang. Hai bên cha mẹ thuận lòng, mà hai người cũng tốt duyên phải lứa, mới gả cho nhau. Tự khi cưới về, Giáng Tiên một lòng hiếu thuận. Năm sau, sinh được một mụn con gái, cửa nhà thêm vui vẻ.

Ngày tháng thấm thoát, chợt đã ba năm. Hôm mồng ba tháng ba, Giáng Tiên tự nhiên vô bệnh mà mất, bấy giờ mới hai mươi mốt tuổi. Ba nhà sầu thảm vô cùng.

Thái bà đau xót đêm ngày khóc lóc. Một bữa đang khóc thì thấy con về ôm lấy mẹ mà nói rằng:

- Mẹ ơi! Con ở đây, mẹ khóc gì thế?

Thái bà mở choàng mắt ra trông thấy quả là con, cả nhà xúm lại hỏi han.

Tiên chúa nói rằng:

- Con là Đệ nhị tiên cung phải đầy xuống trần, nay đã hết hạn, lại phải lên châu Thượng đế. Cha mẹ có âm công, đã vào sổ tiên, mai sau cũng được đoàn tụ, không can gì phải lo sầu.

Nói đoạn lại biến mất.

Chàng Đào Lang tự khi uyên bay, trăm phần sầu não. Một đêm đang ngồi ngâm thơ giải phiền, sực thấy Tiên chúa đến, chàng kia níu lấy kể lễ nỗi đoạn sầu khổ. Tiên chúa khuyên giải hết điều rồi lại biến mất.

Tự bấy giờ đi mây về gió, chơi xem phong cảnh các nơi. Một hôm, đến tỉnh Lạng Sơn, trông thấy có ngọn chùa trên núi, mới lên xem cảnh, rồi ra nghỉ mát dưới gốc cây thông, gảy đàn ngợi hát. Xảy có Phùng Khắc Khoan (Trạng Bùng) đi sứ về qua, hai bên ngồi đối đáp với nhau.

Phùng công đọc trước một câu rằng:

- *Tam mộc sâm đình; tọa trước hảo hề nữ tử.*

(三木森庭坐著好兮女子)

Tiên chúa ứng thanh đối rằng:

- *Trùng sơn xuất lộ; tẩu lai sử giả lại nhân.*

(重山出路走來使者吏人)

Phùng công lại đọc rằng:

- *Sơn nhân bằng nhất kí; mạc phi tiên nữ lâm phàm.*

(山人憑一几莫非仙女臨凡)

Tiên chúa lại đọc rằng:

- *Văn tử dài tràng cân; tất thị học sinh thị trưởng.*

(文字帶長巾必是學生侍帳)

Phùng công thấy vậy, muốn hỏi lai lịch thì đã biến mất rồi, chỉ thấy gỗ nằm ngổn ngang, hình ra bốn chữ: “*Mão khẩu công chúa,*” (卯口公主)^[54] và có một cây gỗ dựng viết bốn chữ “Thủy mã dĩ tẩu.” (水馬已走)^[55] Phùng công đoán ý tứ các chữ ấy, biết là Liễu Hạnh công chúa nhờ mình khởi công sửa sang chùa ấy, mới xuất tiền cho dân sửa sang.

Lại một khi Phùng công đem bạn lên chơi hồ Tây, cũng gặp Tiên chúa, xướng họa liên ngâm với nhau. Về sau Tiên chúa hiển thánh ở đèo Ngang phủ Cát, tỉnh Thanh Hóa, hiện ra làm con gái đẹp bán nước những kẻ đùa bỡn chết hại rất nhiều. Triều đình nghi là yêu quái, sai thầy phù thủy và Trịnh hoàng thúc đem quân đi tiêu. Quan quân bắn vào trong núi, tàn phá đền đài. Được vài tháng, dân xứ ấy dịch tễ, lập đàn cầu khẩn, thì mới biết là Tiên chúa hiển thánh tâu lên triều đình, vua sai sửa sang lại đền miếu, phong làm *Mã Vàng công chúa*. Sau lại có công giúp nước phá giặc Mán, được phong làm *Chế thắng bảo hòa diệu đại vương*, lập đền trên núi Sùng Sơn, đến giờ vẫn còn anh linh.

Chương thứ VII CÁC VỊ TIỀN THÍCH

46. Từ Thức

Từ Thức người ở Hóa Châu (Thanh Hóa). Trong thời Quang Thái, đời vua Thánh Tôn nhà Trần, nhân có chân ẩm sinh, được làm Tri huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Cảnh huyện có ngọn chùa to, trong chùa có một cây mẫu đơn, mỗi khi mùa xuân hoa nở, khách bốn phương đến chùa xem hoa đông như hội, nhân thế gọi là hội xem hoa.

Tháng hai năm Đinh Tị (1396), chính giữa hôm hội, có một cô ả nhan sắc mỹ miều, mới đội 15, 16 tuổi, son phấn điểm nhạt, mặt mũi tươi dòn. Đến xem hoa, nhỡ tay vịn gãy mất một cành, bị nhà chùa bắt giữ lại. Từ Thức xảy đi qua trông thấy, hỏi con có đầu đuôi, rồi cời áo cầm bào chuộc cho ả ấy đi.

Từ bấy giờ ai cũng khen là quan huyện nhân đức, nhưng chỉ vì tính hay uống rượu ngâm thơ, từ bỏ việc quan bỏ đong cả lại, lắm phen bị quan trên quở mắng.

Từ Thức than rằng:

- Ta không thể nào vì vài đấu thóc lương mà buộc mình vào trong đám danh lợi được mãi, thôi thì một mái chèo bơi về tìm nơi nước biếc non xanh, cho thỏa chí ta còn hơn.

Lập tức cời ả giao trả quan trên rồi đi. Tính Từ Thức ưa chơi những chốn khe động trong huyện Tống Sơn, mới về làm nhà ở huyện ấy, mỗi khi nhàn đi chơi, sai một thằng nhỏ đeo một bầu rượu, cắp một cái đàn và mang một quyển thơ. Đi đến chỗ nào thích ý, thì ngồi chơi đánh chén, hoặc gảy đàn. Phàm chỗ nào có nước non lạ lung, như núi Chính Trạo, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, thì tất tìm đến chơi và có thơ đề vịnh.

Một khi dậy sớm, trông ra cửa Thần Phù, cách vài mươi dặm, có khi mây năm về, kết lại như hình cái hoa sen. Mới sai bơi thuyền đến tận chỗ ấy, thì thấy có núi rất đẹp. Đỡ thuyền trèo lên núi thì thấy khí núi xanh biếc, cao vời vợi ước nghìn trượng.

Nhân đề một bài thơ rằng:

Đầu cành thấp thoáng bóng kim ô,

Hoa đồng vui mừng đón khách vô.

Cạnh suối nào là người hái thuốc?

Quanh nguồn chỉ có gã bơi đò.

Xênh xang ghê mát cảm ba khúc,

Đừng đình thuyền câu rượu một vò.

Ướm hỏi Vô lăng chàng đánh cá,

Làng Đào đầu đó cách chừng mô?

Đề xong bài thơ nhìn xem phong cảnh một hồi, bỗng thấy trong sườn núi đá, có một cái hang, cửa hang tròn và rộng độ một trượng, thử vào hang xem ra làm sao, vừa đi được vài bước, thì cửa hang bỗng dung đóng sập lại, trong hang tối mù mịt, không còn biết đường nào mà đi, Từ Thức chắc chết ở chỗ ấy, nhưng vẫn cứ đi liều xem ra làm sao, mới quờ tay sờ sệt vào sườn đá mà đi, trước còn loanh quanh đi trong khe khô, dần dần thấy có bóng sáng, trông lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lôm chôm, mới cố leo vịn lên thì đường đi đã hơi rộng.

Khi lên đến đỉnh núi, thì lại thấy mặt trời sáng sủa, trông ra bốn bề, cũng có lầu đài cung điện, cửa nhà trang hoàng, cây cối tươi tốt, tựa hồ một cảnh chùa chiền.

Từ Thức lấy làm lạ lùng, ngắm nhìn phong cảnh, rồi thấy hai ả con gái nhỏ, mặc áo xanh, bảo với nhau rằng:

- Chú rể mới nhà ta đã đến kia kìa!

Nói thế đoạn, trở vào trong nhà báo tin, rồi lại ra bảo với Từ Thức rằng:

- Phu nhân cho chúng tôi ra mời người vào chơi.

Từ Thức theo hai đứa con gái đi vào, qua một dãy tường gấm, vào cửa sơn son, thấy đôi bên cung cấm, vàng bạc sáng quắc, có chữ đề rằng: “*Quynh hư chi điện, Giao quang chi các.*”^[56] Khi trèo lên gác thì thấy một bà tiên mặc áo lụa trắng, ngồi trên giường thất bảo. Cảnh giường có đôi ki gổ đàn hương, bà tiên mời Từ Thức ngồi trên kỷ và bảo rằng:

- Người vốn hay chơi cảnh lạ, có biết đây là chốn nào không?

Từ Thức thưa?

- Tôi tuy dong chơi giang hồ đã nhiều, nhưng chưa biết ở đây lại có tiên cảnh, xin bảo cho tôi được rõ.

Bà tiên cười nói rằng:

- Người biết đầu được chỗ này! Đây tức là hang thứ sáu trong 36 động núi Phi Lai; núi ấy đi khắp các mặt bể, chân không bén đến đất, chỉ theo chiều gió mà hợp tan thôi. Ta tức là Địa tiên núi Nam Nhạc, gọi là Ngụy phu nhân đây. Vì thấy người có cao nghĩa, cho nên mới đón đến chơi.

Nhân bảo con hầu gọi một người con gái ra. Từ Thức trông ra thì chính là người con gái đánh gẩy cảnh hoa mẫu đơn khi trước.

Bà tiên trở vào con gái bảo với Từ Thức rằng:

- Con em tên nó là Giáng Hương, khi trước xem hoa phải cái ách nạn, nhờ người cứu cho, ta vẫn còn hàm cái ân ấy, nay muốn cho nó kết duyên với người để báo ân.

Lập tức đèn hôm ấy, truyền sai đốt đèn mỡ phụng, giải chiếu vẩy rồng, cho làm lễ thành thân.

Hôm sau các tiên đến ăn mừng, kẻ cưỡi li vàng (tự rồng mà không sừng), người cưỡi câu đỏ (loài rồng) đến hội. Bà tiên mở tiệc trên gác Giao quang, nào là rèm ngọc trường điều, nào là đệm hoa ghế bạc. Các tiên ngồi riêng một bên tả, còn mé hữu Từ Thức ngồi.

Trong khi ăn yến, đủ thứ sơn hào hải vị, chả phụng nem công, thơm tho ngào ngạt, toàn những vị dưới trần không có bao giờ. Lại có đàn sáo bát âm rất là vui vẻ.

Chiều tối tiệc tàn, các tiên đầu về đấy. Từ Thức ở lại đấy được một năm, có ý nhớ nhà, nhân một khi thông thả bảo với nàng Giáng Hương rằng:

- Tôi vốn đi chơi, xa xôi đã lâu, khó đề nén được bụng trần, lại tưởng nhớ đến quê cũ, xin cho tôi hãy về thăm nhà một chút.

Giáng Hương có ý ngần ngại, không nỡ li biệt.

Từ Thức lại nói rằng:

- Thiếp không dám vị tình vợ chồng mà ngăn trở bụng quân tử; chỉ vì cõi trần bé nhỏ, ngày tháng ít ỏi, nếu có về chăng nữa, chỉ sợ cây cối cửa nhà không được còn như trước nữa đâu.

Nàng ấy mới nói với phu nhân. Phu nhân than rằng:

- Không ngờ gã ấy còn vương vịu trong đám bụi hồng, làm chi mà phải ngâm ngùi như thế?

Phu nhân mới cho một cỗ xe cưỡi vân, sai người lên xe ấy mà về. Giáng Hương cũng viết một phong thư buộc kỹ đưa cho, dặn về nhà hãy mở ra mà xem.

Từ Thức cáo biệt, ngồi lên xe, đi vừa chớp mắt đã đến nhà. Về đến nơi thì phong cảnh đã khác xưa, nhân dân thành quách, không còn gì là giống khi trước, chỉ còn hai bên khe núi thì vẫn còn nguyên.

Từ Thức đem họ tên mình, hỏi thăm các cụ già trong làng, thì có một người nói rằng:

- Tôi từ lúc còn nhỏ, có nghe cụ tổ ba đời nhà tôi cũng tên họ như thế, sa vào hang núi đã hơn 80 năm nay rồi.

Từ Thức buồn rầu lắm, muốn lại ngồi xe đi lên, thì xe đã hóa thành chim loan bay đi mất rồi. Mở bức thư ra xem, thì có câu rằng: “*Trong mây kết bạn loan hoàng, duyên xưa đã hết; trên bể tìm người tiên tử, hội khác khôn cầu.*” Mới biết là lời li biệt. Về sau, Từ Thức mặc áo khinh cừ, đội cái nón nhỏ, vào núi Hoàng Sơn ở huyện Nông Cống (Thanh Hóa), không biết lên tiên hay đi mất.

47. Tú Uyên

Thời nhà Lê, ở làng Bích Câu (tức làng Yên Trạch bây giờ, Hà Nội) có một người học trò, tên là Tú Uyên, vốn người tài mạo, cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, chỉ chăm việc học hành.

Có một hôm, chùa Ngọc Hồ mở hội, Tú Uyên đi xem. Đến chiều trở về qua chùa Tiên Tích (ở phố cửa Nam) trông thấy một người con gái đẹp lắm, đang đứng ở dưới gốc cây đu. Tú Uyên lại gần hỏi truyện, rồi hai người vừa đi vừa đối đáp với nhau, đến chỗ đình Quang Minh thì người con gái ấy biến mất, mới biết là tiên.

Tú Uyên đứng ngẩn ra một lúc, mới giờ về nhà. Từ đấy đêm ngày tưởng nhớ, phải bệnh tương tư thuốc nào chữa cũng không khỏi. Một hôm, nhớ đến sự bói thẻ, mới đến đền Bạch Mã xin thẻ, rồi nằm mộng ở đấy. Đêm thần báo mộng rằng: “*Sáng sớm mai, ra cổng cầu Đông sông Tô Lịch thì gặp.*” Tú Uyên mừng lắm, sực tỉnh dậy thì trời đã rạng đông; vội vàng chạy ra đấy, đứng thơ thần độ một vài giờ, không thấy gì, toan trở về, thì gặp một ông cụ bán bức tranh. Tú Uyên cầm mở ra xem, thấy người tổ nữ vẽ trong tranh, giống như người mình gặp khi trước. Mua đem về, treo ở cạnh buồng học, từ bấy giờ mới giải phiền.

Tú Uyên mỗi khi đến bữa cơm ăn, thì đặt hai cái bát hai đôi đũa, mời người tổ nữ trong tranh, như hai vợ chồng thực. Một hôm, mời thì hình như tìm tìm cười muốn nói. Hôm sau, đi học về, thấy mâm cơm dọn sẵn, nghĩ không biết thế nào, ăn thì toàn những món ngon vật lạ cả. Hai ba hôm cũng luôn như thế. Bữa sau, giả cách đi học, đứng rình dòm vào trong nhà, thấy người trong tranh hiện ra đang điễm trang, Tú Uyên rón rén bước vào, hỏi rằng:

- Duyên sự làm sao, thì nói cho tôi được biết.

Nàng ấy mới nói rằng:

- Thiếp ở trên cung tiên, tên là Giáng Kiều, vì nhà chàng có phúc đức lớn, nên gặp nhau từ khi ấy. Sau lại thấy chàng thương nhớ, cho nên chúa tiên cho thiếp xuống kết duyên với chàng.

Nói vừa xong, rút trâm trên mái đầu, hóa phép hiện ra cửa nhà, lâu đài, đầy tớ, đồ đạc, rồi làm cỗ bàn, mời các bạn tiên xuống ăn cưới. Từ đấy kết duyên làm vợ chồng.

Tú Uyên tự bấy giờ ham mê về tửu sắc, cả ngày chỉ uống rượu say sưa, bỏ sự học hành. Trong ba năm trời, nàng ấy khuyên ngăn mãi mà vẫn không nghe. Mỗi khi say rượu rồi thì lại chửi mắng ồm tỏi. Nàng ấy giận lắm mới biến đi. Tú Uyên tỉnh rượu, thấy vợ bỏ mình mà đi, mới hối lại, biết là lỗi tại mình. Đi tìm đâu cũng không thấy, bực mình muốn tự vẫn. Bỗng thấy nàng ấy ở đâu lại về. Tú Uyên nửa mừng nửa thẹn, lấy lời từ tạ, hai vợ chồng lại vui vẻ tử tế như xưa.

Không bao lâu sinh được một người con trai, đặt tên là Trân Nhi. Đến sau, con học hành thông minh, đã sắp nên người, nàng ấy bảo với chồng rằng:

- Ở hạ giới này, một đời người chỉ được bảy tám mươi tuổi mà thôi, kể ra không được là bao nhiêu. Và lại trong số tiên cũng có tên chàng, thì ta đưa nhau lên ở trên cung tiên là hơn.

Liền đưa cho Tú Uyên một viên thuốc và một đạo bùa. Một lát thì có hai con hạc xuống đón, hai vợ chồng mỗi người cưỡi một con, ngoảnh lại dặn con rằng:

- Con hãy ở đây, khi nào thi đỗ thì tao xuống đón.

Nói đoạn, bay cả lên trời.

Dân làng ấy vì thế lập miếu ngay chỗ nhà cũ ông ấy để thờ, gọi là đền Tú Uyên.

48. Phạm Viên

Phạm Viên người làng An Bài, huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An. Đời ông tổ Phạm Viên hiền lành, phúc hậu, gặp được người Tàu để cho ngôi mộ, đoán rằng: “*Ngôi này phát một đời Tiến sĩ, một đời thành tiên.*”

Đời con ông cụ ấy là Phạm Chất đỗ Tiến sĩ về thời vua Thần Tôn nhà Lê, làm đến Tả Thị lang. Phạm Chất sinh ra hai con, con cả là Phạm Tấn, con thứ là Phạm Viên.

Phạm Viên lớn lên, 18 tuổi mà vẫn biếng học, chỉ ham sự chơi bời. Ông bố chửi mắng thì Phạm Viên nói rằng:

Người ta quý thích chỉ là hơn, phú quý 80 năm, chẳng qua cũng là một giấc mộng hoàng lương mà thôi.¹⁵⁷¹

Từ đây bỏ nhà đi, vào núi Hồng Lĩnh hái thuốc. Đi cùng kiệt 3 ngày, vào đến rừng sâu, gặp một cụ già chống cái gậy trúc, mặc áo thầy tu. Viên biết là người lạ, quì xuống trước mặt, kể lễ sự mình. Cụ già đem Phạm Viên về, đi nửa thoi đường, thấy có vài gian nhà gianh cụ già đất vào trong nhà ấy. Vào đây chỉ thấy trên bàn có một quyển sách con, bên cạnh có một vò nước, còn thì không có gì cả, và cũng không có một người đầy tớ nào.

Phạm Viên ở đây, cụ già thỉnh thoảng múc cho một gáo nước, bảo phải uống hết, lại cho một cái túi, bảo rằng:

- Về cứ mở túi ra mà xem, tự khắc biết.

Nói xong, cụ già và cửa nhà biến mất cả, Phạm Viên trở ra tìm lối về, cứ trông về phía mặt trời mọc mà đi. Một lát đến đầu làng, về đến nhà thì đã được 12 năm rồi.

Bấy giờ Phạm Viên đã được 30 tuổi, họ hàng làng mạc ai cũng lấy làm kì, nhưng không ai biết Phạm Viên đã thành tiên. Phạm Viên ở nhà, có khi ngủ đến 10 ngày mới dậy, có khi 2, 3 tháng mới ăn một thìa cháo. Quan Thị lang vẫn gọi Phạm Viên là thằng dở.

Phạm Viên có bà cô ngoài 70 tuổi, không có con cái, Phạm Viên cho bà cụ 21 đồng tiền, và dặn rằng:

- Nếu có mua gì, chỉ mua 20 đồng, còn để dành lại một đồng, tự nhiên lại có 20 đồng khác, có thể đủ dùng được trọn đời.

Bà cụ nghe lời ấy, quả nhiên cứ mua buổi sang thì buổi chiều lại đủ 21 đồng tiền. Được một năm, bà ấy mất, món tiền ấy cũng biến đi.

Thường một khi đến chơi núi Ngọc Sơn, nằm trọ trong nhà hàng, bảo với mụ già nhà hàng rằng:

- Ở gần đây sau tất có hỏa tai, ta cho mụ kia một lọ rượu này, khi nào thấy cháy, thì lấy rượu mà vẩy vào, kéo gió to thì cháy lây mất cả.

Tháng năm, quả nhiên có hỏa tai, bấy giờ đương mùa gió nồm, không tài nào cứu được. Mụ già nhớ đến lời Phạm Viên, cầm lọ rượu rảy vào đám lửa, tự nhiên trời mưa xuống như trút nước, lửa phải tắt ngay, nước mưa sặc những mùi rượu ba ngày chưa tan mùi.

Lại một khi Phạm Viên đi qua huyện Hoảng Hóa thấy một người già ngoài 70 tuổi mà còn phải đi ăn xin, Phạm Viên thương tình, cho một cái gậy dặn rằng:

- Hễ đi đến chợ nào thì cắm cái gậy ấy bên cạnh đường, không phải van gì, tự nhiên người ta phải lấy tiền cắm vào đầu gậy, cứ đủ 100 đồng thì nhổ đem đi chỗ khác.

Ông già kia y lời ấy, quả được dư ăn thừa mặc, khi ông già ấy chết thì cái gậy cũng biến mất.

Phạm Viên thường dạy một người học trò, chỉ học hai chữ “*cát cao*” nghĩa là cái gầu múc nước. Người học trò xin học chữ khác, Phạm Viên bảo rằng:

- Ngày sau phú quý, chỉ hai chữ ấy đủ rồi, can gì phải học nhiều cho mệt?

Về sau, người ấy phải đi lính, canh thuyền, xảy khi chúa Trịnh đi chơi, bắt khai các đồ trong thuyền, đến cái gầu múc nước, không ai biết biên chữ gì. Bấy giờ cả quan Tham tụng là Hà Tôn Mục ở đấy, cũng không nhớ chữ gì là cái gầu.

Người ấy nhân canh ở đấy mới nói rằng:

- Khi trước tôi đi học, còn nhớ được hai chữ *cát cao* là cái gầu múc nước. Quan Tham tụng cho là người học rộng, tâu với chúa Trịnh, vì thế được cất lên làm quan lục phẩm.

Đến năm Phạm Viên 40 tuổi, ông thân sinh đang được vua chúa yêu dùng, làm quan tại kinh. Phạm Viên ở nhà, một hôm bỗng dung sai người nhà sắm sửa đồ thờ, may áo chề, sắm gậy trúc. Được vài ngày, quả nhiên có tin quan Thị lang mất tại kinh.

Phu nhân làm ma, toan đem xuống thuyền, để đi đường hải đạo về Nghệ. Phạm Viên không nghe, sắm đủ mình tinh nhà tang, áo quan vờng vì, và đủ các đồ nghi vệ đi đường, xin đến gả gáy thì rước ma đi bộ từ Thăng Long về Nghệ. Ai cũng cười là người gàn. Không ngờ đi tự gả gáy, mới đến lúc mặt trời mọc, đã về đến đầu làng An Bài, chúng bấy giờ mới tin Phạm Viên có phép tiên.

Tổng táng đâu đấy, Phạm Viên từ mẹ lại đi. Được năm năm thì phu nhân mất. Chiều hôm cất ma xong, Phạm Viên về khóc ở trước mồ, rồi để một hòm ở lại đấy mà đi. Sáng hôm sau, người nhà trông thấy mở hòm ra xem, thì thấy đủ cả trâu bò lợn gà, và các thứ giò nem bánh trái, không biết bao nhiêu mà kể. Lại có 500 quan tiền, 100 cân bạc. Trên mặt hòm đề rằng: “*Của cô ai tử là Phạm Viên kính tế.*”

Từ đấy trở đi, hoặc khi có người gặp ở Thăng Long, hoặc khi có người gặp ở cửa bể Thần Phù. Trong năm Bảo Thái, có ông Trương Hữu Điền mở trường học ở Hà Nội, có người ăn mặc lam lũ vào làm văn, chỉ chớp mắt xong bài văn rồi biến mất. Ông kia xem văn rồi nói rằng: “*Văn chương này cách cục nhà tiên, lại ông Phan Viên đưa ta đây!*” Biến hoá không biết đâu mà lường được.

49. Từ Đạo Hạnh

Từ Lộ tự là Đạo Hạnh, người làng An Lăng (tức làng Láng) huyện Vĩnh Thuận (Hoàn Long), làm thầy cúng ở chùa Tiên Phúc, núi Phật Tích (tức chùa Thầy ở Sơn Tây). Khi xưa thân phụ Từ Đạo Hạnh là Từ Vinh làm Tăng quan đô sát triều nhà Lý, thường vào chơi làng An Lăng, mới làm nhà ở đấy, lấy con gái họ Lăng, sinh ra Đạo Hạnh.

Đạo Hạnh lúc bé hay chơi bời, nhưng vẫn có chí, cùng với Phí Sĩ, Phan Át, Lê Hoàn kết bạn, đêm thì cố công đọc sách, ngày thì đàn sáo đánh bạc làm vui. Cha vẫn thường trách mắng là biếng học, nhưng sau biết cứ đến đêm thì chăm học lắm, từ bấy giờ không nói gì nữa.

Về sau, Đạo Hạnh thi khoa Bạch liên đỗ Tăng quan. Không bao lâu cha là Từ Vinh dùng tà thuật phản ông Diên thành hầu, Diên thành hầu nhờ thầy phù thủy là Đại Diên dùng phép đánh chết, quăng xuống sông Tô Lịch. Thầy ông Từ Vinh trôi qua cầu Yên Quyết, đến bến nhà ông Diên thành hầu, bỗng nhiên đứng lên trở tay vào trong nhà, suốt ngày hôm ấy không đi. Diên thành hầu mời Đại Diên đến. Đại Diên đến nơi quát rằng:

- Thầy chùa giận không để cách đêm, dù sống dù chết, cũng là một giấc mộng mà thôi.

Nói dứt lời thì thầy ngã xuống trôi đi. Từ Đạo Hạnh muốn báo thù cho cha, rình khi Đại Diên đi chơi, muốn đón đường đánh, bỗng nghe trên không có tiếng ngân rằng: “*Chớ! Chớ!*” Vì thế bỏ gậy mà chạy về.

Đạo Hạnh nghĩ lấy làm tức giận lắm muốn sang nước Ấn Độ học phép, nhưng đi qua núi Kim Si, hiểm trở lắm phải trở về, Đạo Hạnh mới vào trong hang núi Phật Tích, kết thành hội Bạch liên, để học phép Ngũ giáo. Ngày nào cũng tụng kinh “*Đại bi tâm*” và niệm câu thần chú, “*Bà la ni*”, cứ tụng 18 vạn lần mới thôi.

Một hôm thấy thần báo mộng rằng:

- Đệ tử tức là Tứ trấn thiên vương đây, cảm công đức của thầy tụng kinh, cho nên lại hầu, tuy thầy muốn sai khiến gì, tôi xin vâng lệnh.

Đạo Hạnh biết là đạo pháp mình đã thành rồi, có thể phục thù được cho cha, mới đến đầu bến sông Yên Quyết, cầm cái gậy ném xuống sông. Nước sông chảy xuôi mà gậy thì trôi ngược, trông tựa con rồng, đi mãi đến cầu Tây Dương mới thôi.

Đạo Hạnh mừng nói rằng:

- Phép ta hơn Đại Diên nhiều rồi!

Đạo Hạnh mới dùng phép tàng hình đến thẳng chỗ Đại Diên ngồi chơi, bảo rằng:

- Mày có nhớ việc ngày trước không?

Đại Diên ngẩng đầu lên trông, không thấy gì, Đạo Hạnh cầm gậy đánh, Đại Diên vì thế thành bệnh mà chết.

Đạo Hạnh báo xong thù rồi, từ bấy giờ tan hết oán cũ, sạch nhẵn lòng trần, mới đi chơi khắp nơi rừng núi, hỏi tìm ẩn chúng. Nghe có Kiều Tri Huyền tinh thông đạo phép, đến hầu tận nơi, hỏi thế nào là chân tâm.

Có câu kệ rằng:

*Lâu nay vẫn đám hồng trần,
Vàng còn chẳng biết, biết chân tâm nào!
Xin cho chớ báo làm sao?
Cho tìm thấy rõ kéo nao lòng người.*

Kiều Tri Huyền cũng đọc một câu kệ đáp lại rằng:

*Năm âm bi quyết là vàng,
Trông ra đầy mắt rõ ràng thuyền tâm.
Bỏ để đạo phật u thâm,
Muốn tìm tới đó muôn tâm chẳng xa!*

Đạo Hạnh thấy câu kệ như vậy, chưa hiểu ý tứ ra làm sao, mới đến hỏi ông Pháp Phạm Sùng Vân rằng:

- Thưa ông thế nào gọi là chân tâm?

Sùng Vân nói:

- Cái gì chẳng phải là chân tâm?

Đạo Hạnh bấy giờ mới tỉnh ra, lạy từ ông ấy rồi trở về. Tự bấy giờ pháp lực lại càng tấn tới, nội là rắn độc trong núi, hùm dữ trên rừng, cũng có phép sai khiến được cả.

Có một thầy tăng nói rằng:

- Khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, đó là phật tâm.

Đạo Hạnh đọc câu kệ rằng:

*Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Thử xem bóng nguyệt dòng sông.
Ai hay không có, có không là gì?*

Bấy giờ, vua Lý Nhân Tôn chưa có con, có người Thanh Hóa ra tâu rằng:

- Ở ngoài bãi bể, có đứa con giai lên 3 tuổi, tự xưng là Hoàng tử, gọi là Giác Hoàng. Nhà vua có những sự gì, y cũng biết cả.

Vua sai sứ đến xem tận nơi, quả nhiên có đứa bé ấy, mới đem về kinh, cho ở trong chùa Báo Thiên. Vua thấy đứa trẻ ấy thông minh thần dị lắm, muốn nuôi làm con.

Các quan can rằng:

- Nó tuy linh dị, nhưng tất phải thác sinh vào trong cung cấm mới được.

Vua nghe lời, thiết tuần chay to bảy đêm ngày, để cho nó làm phép đầu thai.

Đạo Hạnh nghe chuyện làm vậy, bảo riêng với chị rằng:

- Đây tất là Đại Điện, muốn đầu sinh vào cửa nhà vua để báo thù đây, kẻ kia dùng tà thuật, làm hoặc người ta đã nhiều, tôi sao nữ ngồi nhìn mà không cứu, để nó làm càn hay sao?

Mới bảo chị mặc giả nhà sư, cầm giấu vài quả ấn pháp sư, giắt lên mái nhà chỗ đàn chay. Cũng được ba hôm, Giác Hoàng phải bệnh, bảo với người ta rằng:

- Khấp cả thế giới, chỗ nào cũng chằng lưới sắt, không có đường nào mà đầu thai được.

Nói xong thì mất. Vua sai tìm khắp nơi có bùa bèn gì không, thì bắt được mấy quả ấn kết lại, có tên Từ Đạo Hạnh. Vua giận lắm, sai bắt Đạo Hạnh vào lầu Hung Khánh đánh trượng, rồi hội các quan lại nghị án.

Xây có Sùng hiền hầu đi qua, Đạo Hạnh kêu rằng:

- Xin ngài rủ lòng thương mà cứu cho tôi, tôi sẽ xin đầu thai vào cung để báo ơn ấy.

Sùng hiền hầu gật đầu. Đến lúc hội nghị, Kim hầu xin đem Đạo Hạnh chính pháp. Sùng hiền hầu cười nói rằng:

- Giác Hoàng nếu có thần lực, thì dù Từ Lộ giải chú thế nào cũng không việc gì. Nay vì thế mà phải chết, thì Giác Hoàng còn kém Từ Lộ xa lắm. Tôi thiết tưởng bắt tội hấn, thà rằng cho hấn thác sinh còn hơn, xin bệ hạ nghĩ cho.

Vua nghe lời, tha tội cho Đạo Hạnh, Đạo Hạnh trở ra, vào hầu nhà riêng Sùng hiền hầu, nhận thấy phu nhân đang tắm, đến sát tận nơi đứng xem. Phu nhân giận lắm, bỗng thấy một đứa trẻ con chạy vào trong thùng tắm, phu nhân kinh hãi, nói truyện với chồng. Sùng hiền hầu đã biết rồi, không trách hỏi gì đến. Từ đấy phu nhân có mang.

Đạo Hạnh dặn Sùng hiền hầu rằng:

- Khi nào phu nhân sắp ở cũ, thì phải báo cho tôi biết trước.

Đến khi phu nhân ở cũ, giờ dạ đã lâu mà chưa sinh được, Sùng hiền hầu sai người ruổi mau đến báo Đạo Hạnh.

Đạo Hạnh vội vàng tắm gội thay áo, dặn học trò rằng:

- Bụng ao ước của ta vẫn chưa thoả, nay lại thác sinh vào cửa đế vương, tạm làm thiên tử 23 năm. Nếu khi nào thân kiếp ta thác đi, thì mới thức là chìm vào bể sâu, không bao giờ sinh diệt được nữa.

Học trò nghe câu ấy, ai nấy cùng rỏ nước mắt. Đạo Hạnh nói an ủi học trò vài câu, rồi lột xác mà hoá. Người làng lấy làm lạ, để cái xác ấy vào khám phụng thờ.

Giờ ngộ Đạo Hạnh nhập tịch, đến giờ mùi thì phu nhân sinh ra đứa con giai, đặt tên là Dương Hoán, bảy giờ là tháng sáu năm Bính Thân niên hiệu Hội Trường Đại Khánh thứ bảy (1116).

Dương Hoán lên hai tuổi, thông minh lắm, vua yêu mến nuôi ở trong cung cho làm con, rồi lập lên làm Hoàng thái tử. Khi vua mất, thái tử lên ngôi, tức là vua Thần Tôn, đó là kiếp sau ông Từ Đạo Hạnh.

Khi xưa Đạo Hạnh mới vào chùa Thiên Phúc, thấy có một vết chân người ở trong hang đá, Đạo Hạnh lấy bàn chân in vào thì vừa bằng nhau, tục truyền hang ấy tức là chỗ Đạo Hạnh lột xác.

Mỗi năm mùng bảy tháng ba, thiên hạ đến chùa ấy lễ bái đông như hội. Thầy Đạo Hạnh đến mãi lúc nhà Minh sang cướp quân sĩ đốt mất, về sau dân đẩy lại tô tượng để thờ như xưa.

50. Nguyễn Minh Không

Người làng Đàm Xá phủ Tràng An (Nam Định) tên là Nguyễn Chi Thành. Lúc nhỏ đi học, xẩy gặp Từ Đạo Hạnh, mới theo học Đạo Hạnh hơn 40 năm,^[58] Đạo Hạnh khen là người có chí cho ẩn quyết và đổi tên gọi là Minh Không thiền sư cho ở riêng một chùa Quốc Thanh.

Khi đạo hạnh sắp hoá báo Minh Không rằng:

- Ngày xưa phật Thế Tôn ta, đạo quả đã tròn trặn, mà còn có báo kim tảo, huống chi lâu nay phép đạo suy mòn, thì ta giữ mình làm sao cho xiết được. Khiếp sau ta ở thế gian, giữ ngôi nhân chủ, chắc là không khỏi được bệnh nợ, người nên nghĩ nghĩa thầy trò, đến bấy giờ phải cứu cho ta.^[59]

Đến khi Đạo Hạnh hoá rồi, Minh Không trở về quê nhà, cấy cấy làm ăn, trụ trì hơn 20 năm, không cầu tiếng tăm với đời.

Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ tư đời vua Thần Tôn (1136), vua bỗng sinh ra bệnh kỳ dị, thuốc chữa thế nào cũng không khỏi. Tinh thần phiến loạn, tiếng gào thét kinh người (tục truyền vua hoá hổ). Các thầy thuốc, có hàng nghìn muôn người, nhưng không ai biết chữa ra cách làm sao.

Minh Không nghe tin làm vậy, mới chống gậy đến chỗ trẻ con chơi, cho chúng nó ăn quả và dạy chúng nó hát rằng:

- “*Tập tành vòng, có ông Nguyễn Minh Không, chữa được Hoàng thái tử.*”

Dần dần đám trẻ nào cũng hát câu ấy, tiếng đến tại triều đình. Triều đình sai sứ đi hỏi thăm mà tìm được Minh Không. Minh Không thấy sứ giả đến triệu mình, mới thổi một nồi cơm con, cho bọn chớ thuyền cùng ăn.

Sứ giả nói rằng:

- Bọn chớ thuyền đông lắm, có một niêu cơm con thế kia, thì ăn làm sao?

Minh Không nói:

- Hãy cứ ăn đi, lúc nào thiếu sẽ hay.

Minh Không mới sai dỡ cơm ra rá, thì càng dỡ càng nhiều, hàng mấy trăm người ăn uống mà cũng không hết. Chúng cùng ngạc nhiên lấy làm lạ. Đến lúc ăn xong, Minh Không bảo các quân chớ thuyền rằng:

- Các anh hãy ngủ đi một lát, đợi lúc nào có nước thủy triều lên sẽ đi.

Chúng nghe lời, nằm ngủ cả trong thuyền, một lát tỉnh dậy thì thuyền đã ngược đến Kinh đô rồi, ai nấy mừng rỡ cho là phép tài.

Minh Không đến Kinh, các thầy thuốc cùng các thầy phù thủy đang túc trực cả trên điện, mỗi người dùng một cách chữa bệnh cho

vua mà vẫn chưa thấy nào kiến hiệu. Trông thấy Minh Không đến, ăn mặc què mùa cộc kệch, chúng ai cũng khinh bỉ, không thèm chào hỏi đến. Minh Không lấy một cái đan dài 5, 6 tấc, đóng lên trên cây cột, nói to lên rằng:

- Hễ ai rút được cái đan này ra, thì mới chữa được bệnh hoàng đế.

Nói hai, ba câu, không ai thèm trả lời, Minh Không mới lấy hai ngón tay trái sẽ nhỏ ra, cái đan ấy bật ngay ra ngoài.

Minh Không đến trước mặt vua, hét to lên rằng:

- Đại trượng phu đã phú quý mà làm đến thiên tử, sao lại còn cuồng loạn như thế?

Vua sợ hãi run lật đật, Minh Không sai lấy cái vạc to, đổ nước hoà thuốc vào đun lên, đun sôi một trăm giao, Minh Không lấy tay khoắng vào trong vạc thuốc hai ba lượt rồi múc ra tắm cho vua, tắm xong thì vua khỏi bệnh.^[60]

Vua khỏi rồi, phong Minh Không làm quốc sư, thưởng cho vài trăm nóc nhà, cho lấy thuốc mà ăn.

Đến năm Đại Định thứ hai Minh Không mất, bấy giờ đã bảy mươi sáu tuổi. Minh Không mất rồi thiêng lắm, nhiều sự hiển linh. Phàm dân xã cầu mưa đảo nắng rất nghiệm. Các chùa ở huyện Giao Thủy, huyện Phả Lại, có tô tượng Minh Không để thờ cả.

51. Trần Lộc

Lúc nhà Lê trung hưng, việc binh cách mới yên, sinh lắm yêu quái, dân gian khổ sở. Bấy giờ có người ở làng An Động, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, tên là Trần Lộc, có phép phù thủy. Một bữa, Trần Lộc đi qua trái núi Na Sơn, đang lúc mùa hè nắng nực mới nghỉ mát ở dưới rặng tre. Sực ngẩng đầu trông lên trên núi, thấy có một ông cụ già, đầu bạc phơ phơ, đang đứng dựa cạnh sườn đá ngóng xem rừng rú, rồi cầm nón vẫy Trần Lộc lên.

Trần Lộc sấn áo treo lên, chiều tối mới đến đỉnh núi, cúi đầu lạy ông cụ ấy.

Ông cụ ấy bảo rằng:

- Bụng thầy mền đạo lắm, trời cũng chứng cho rồi, sai ta xuống cho thầy mấy bài quyết đây.

Nói đoạn, giao cho ấn quyết, rồi lại ghé vào tai dặn rằng:

- Đây là phép phạt Thượng phương đây, nên nhận lấy mà phải siêng năng tế độ cho đời.

Nói xong thì biến. Trần Lộc ngẩng lên trời lạy tạ rồi trở về. Từ đấy thí nghiệm phù phép nổi tiếng cao tay bùa bèn. Mới tự xưng mình là Phật tổ Như Lai; hai con gọi là tả hữu tôn thánh; học trò lớn gọi là tiền quân tôn thánh; học trò khác gọi là bỏ tát, kim cương, minh sư, chia làm ba hạng; thượng thừa, trung thừa, hạ thừa.

Trần Lộc nghe tin ở núi Mỏ Điều (thuộc về Ninh Bình) có con yêu tinh, thường hại những người đi đường, mới đến núi ấy để trừ nó. Con yêu ăn mặc ra dáng con gái trong cung, giữ trên đầu núi để cự nhau với Tổ sư ba ngày. Tổ sư giận lắm bắt một cái quyết Bài sơn, sặt một góc núi. Con yêu hoá ra con quạ, bay lên trên trời, Tổ sư lại bắt luôn mấy cái quyết bắn theo, con yêu tinh phải quyết, sa xuống đất chết.

Lại ở nước ta về mặt tây nam có 12 cửa bể, mỗi cửa bể có một thần sông, chỗ nước còn như núi rồi đổ xuống, thuyền bè đi qua hại nhiều. Tổ sư sai học trò bắn chết chín thần sông, còn sót ba thần chưa trừ xong, xây có việc phải vào coi Sùng Sơn, mới bỏ sót lại.

Bấy giờ vua Thần Tôn phải bệnh kì quái, có người cho là nhân quả kiếp sau vua Lý Thần Tôn, các quan lấy làm lo lắng. Đại nguyên soái là Thanh Vương đã phải xin ngài nhường ngôi cho thái tử, để ở riêng một cung mà trị bệnh. Vài năm không thuốc nào khỏi. Nghe tin Tổ sư cao tay phù chú, sai sứ đón ra để trị bệnh. Tổ sư vì tây nam có nhiều yêu khí, không thể đi được, sai học trò là Pháp hộ kim cương đi thay. Kim cương vào cung, vỗ ngực niệm chú, hơn một tháng thì Thượng hoàng khỏi bệnh, mới cho lập riêng một trường nội đạo, để cho vinh hiển.

Kim cương trở về, đi qua làng Bồ Vệ, trong làng đang họp uống rượu. Kim cương vô ý, đứng tiểu tiện ngay trước cửa đình, bị tuần làng ấy bắt trói lại, van vỉ mãi mới được tha. Kim cương trở đi, ngánh lại bắt một cái phộc quyết, tự dung già trẻ ở trong đình, ôm cả vào cột, như người bị trói, giằng gỡ ra thế nào cũng không được. Cả làng kinh hãi, đuổi theo tìm Kim cương nhưng không thấy đâu.

Việc ấy đến tai vua, vua biết là tự Kim cương, sai người vào nói với Tổ sư. Tổ sư bắt Kim cương phải giải cái quyết ấy rồi thu cả lấy các pháp bảo của Kim cương học được, chỉ cho vài quyết trừ tà mà thôi.

Đạo nội trường mới có từ đây.

Chương thứ VIII CÁC NGƯỜI CÓ DANH TIẾNG

52. Ngô Soạn

Ngô Soạn tự là Tử Văn, người huyện An Dũng, phủ Lạng Thương, có khí khái cương trực ghét kẻ gian phi, người ta thường khen là người có thẳng tính.

Cạnh làng ấy có một cái đền, xưa nay linh ứng lắm. Tự khi cuối nhà Hồ, quân Tàu sang xâm chiếm, ở xứ ấy làm nơi chiến trường. Có tên bộ tướng của Mộc Thạch là Thôi Bách hộ chết trận ở đây thành ra yêu quái, dân gian lắm người khuynh gia bại sản để cầu cúng mà không yên.

Ngô Tử Văn thấy vậy tức lắm, tấm gọi khẩn trời mà đốt cái đền ấy, Tử Văn đốt xong trở về, nghe trong mình hơi khác, rồi thì rùng mình rúc đầu, nổi cơn sốt rét mà người thì mê mẩn bàng hoàng. Trong thấy một người to lớn lực lưỡng, đội mũ mặc áo, ra dáng người Tàu, tự xưng là Cư sĩ, bắt phải làm đền lại miếu khác, không có thì sinh vạ.

Tử Văn không nói làm sao, cứ ngồi nghĩm nhiên như không. Người Tàu nói rằng:

- Phong đô (âm ti địa ngục) chẳng xa gì đâu, nếu không làm lại đền cho ta, ta sẽ lôi ngươi đến ngục ấy.

Nói đoạn đứng phắt đi ra.

Chiều hôm ấy Tử Văn lại thấy một người áo vải mũ thâm, cách điệu khoan hoà, đi từ từ vào trong thềm, chào nói rằng:

- Tôi là Cư sĩ đây, nghe ông làm được việc sượng quá, nên tôi đến mừng.

Tử Văn ngạc nhiên nói rằng:

- Mới rồi người mặc áo khách, tự xưng là Cư sĩ, có phải là thần thổ địa này không? Sao bây giờ cụ lại xưng là Cư sĩ?

Ông cụ ấy nói rằng:

- Hấn là tướng bại trận ở bên Tàu, hồn nhờ gửi bên nước Nam ta, chiếm lấy đền miếu của tôi mạo tên họ tôi, gian xảo độc ác, trên thì man cả trời, dưới ngược với dân, phạm các sự yêu quái là tự hấn cả, chớ không phải tôi làm điều gì. Tôi là ngự sử đời vua Lý Nam Đế, chết vì việc nước, được phong ở đây, giúp dân hộ chúng, đã hơn nghìn năm nay, có điều gì hung dữ như nó đâu. Vì tôi hờ cơ không giữ gìn, bị nó đánh đuổi đi, hiện tôi phải nương nhờ ở đền thần Tân Viên đã mấy năm nay rồi.

Tử Văn nói:

- Nếu như thế sao không kêu với Thiên đình, mà chịu bỏ chức vị đi nhờ chỗ khác?

Ông già nói:

- Thế lực nó lai láng, khó lòng lay động được nó. Tôi muốn đi kêu, thì nó dùng trăm chiêu ngăn trở lại. Các thần từ bên cạnh, tham của đút lót, tranh nhau đi nhận cho nó, bụng tôi không tỏ giải được lên, cho nên phải nhịn nhục thế này.

Từ Văn hỏi:

- Nó hung dữ như thế, có hại được tôi không?

Ông già nói:

- Nó đang muốn cam tâm với ông, thế nào nó cũng kiện ở dưới âm ti. Tôi xin dò truyện nó, lại bảo cho ông biết mà tìm phương lo liệu, kéo mà chết oan. Khi nào âm ti có tra hỏi, thì ông cứ lấy lời tôi làm chứng, nó có không chịu, thì xin hỏi đền đền Tản Viên, như thế thì không cãi được nữa.

Từ Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh lại nặng thêm, mơ thấy hai tên quỷ sứ, bắt điệu đem đến một dinh phủ lớn, ngoài có tường sắt cao chừng vài mươi trượng. Hai tên quỷ sứ vào bẩm, rồi ra bảo rằng: “*Tội anh nặng lắm, không có phép nào tha được.*” Nói xong, vẫy tay xua sang mặt bắc. Mặt ấy có con sông to, trên sông bắc một dịp cầu dài, ước hơn nghìn độ, sông đen như mực, mùi gió tanh hôi, khí lạnh buốt đến tận xương. Hai bên cầu có vài vạn quân dạ xoa, mắt xanh tóc đỏ, mặt mũi dữ dội. Hai tên quỷ sứ lấy trạc to trói Từ Văn, điệu ra đường ấy.

Từ Văn kêu to lên rằng:

- Tôi là người thẳng tính trên dương gian, có tội lỗi gì, xin báo cho biết, không nên bắt oan uổng thế này.

Sự nghe trên điện có tiếng truyền rằng:

- Thăng ấy nó cứng cổ lắm, nếu không phân đoán cho rõ tội, thì sao nó chịu? Vậy thì hãy đem nó vào đây.

Hai tên quỷ sứ mới dẫn Từ Văn vào cửa phủ, thì đã thấy người mặc áo khách đang kêu ở ngoài sân.

Diêm Vương quờ mắt Từ Văn rằng:

- Cư sĩ kia hẳn là người trung thần đời trước, có công với nước, Thượng đế phong cho hẳn được hưởng cúng tế ở một phương. Mà lại thăng học trò, sao dám ngạo ngược mà đốt đền của hắn? Thế là mày làm nên tội, còn cãi được nữa không?

Từ Văn kể rõ lại sự đầu đuôi như lời ông già nói trước, rạch ròi minh bạch, không có lúng túng câu nào.

Người khách đứng nguyên đơn kêu rằng:

- Nó trốn ở vương phủ này, mà còn nỏ mồm cãi cọ, gây sự phao vu, huống chi một cái đền hoang của tôi, thì nó còn sợ gì mà chẳng đốt?

Từ Văn lại kêu lên rằng:

- Đại vương nếu không tin lời tôi, xin hỏi đến thần Tản Viên thì đủ biết hư thực. Tôi nhược bằng nói sai, xin cam chịu tội.

Người khách thấy viện chúng đã có ý sợ, mới quì xuống tâu rằng:

- Thưa sinh kia thực là ngậy đại, tội là đáng lắm, nhưng điện hạ đã quả mắng nó, cũng đủ răn nó rồi, vậy xin ngài rộng lòng cho nó, để tỏ cái lượng nhân từ của ngài, bắt tất phải tra cứu cùng kiệt làm gì nữa.

Diêm Vương nghe nói, biết ý, mới quát lên rằng:

- Nếu như thế thì tội tại mày rồi đó, luật gian dối còn đủ cả đây, sao mày dám xuất nhập nhận tội?

Lập tức sai người đến núi Tản Viên, xét hỏi tường tận, quả hợp hết cả lời Từ Văn.

Diêm Vương giận lắm, bảo các phán quan rằng:

- Các người chia giữ các toà, mỗi người coi một việc, nên phải cầm lòng công bình, thường phạt cho đích đáng. Thế mà sao còn để cho bọn gian giáo nó khi trá được? Ấy là ở đây còn thế, huống chi đời Hán, Đường, bán quan mua tước, cái tệ còn nói làm sao cho xiết!

Lập tức sai lấy gông sắt đóng gông và lấy miếng gỗ tròn nhét vào miệng người khách, áp điệu vào ngục Cửu U, mà Từ Văn thì sai thả cho về.

Diêm Vương bảo với Cư sĩ rằng:

- Từ Văn kia nó có công trừ hại cho dân, phạm các đồ cúng tế mừng năm ngày tết, ngươi nên xẻ một nửa mà chia cho hắn.

Từ Văn về đến nhà, thì chết đã hai ngày rồi mới hồi lại. Từ Văn kể chuyện ấy cho người làng biết, người làng mua gỗ chữa lại đèn Cư sĩ. Mà ngôi mã của người khách, tự nhiên trụt đất, xương cốt bật cả lên trên.

Sau một tháng nữa, Từ Văn lại mơ thấy Cư sĩ bảo rằng:

- Lão phu được về miếu cũ, là công của ông cả, không biết lấy gì mà báo được ơn ấy. Hiện nay đèn Tản Viên còn khuyết một viên phán quan, tôi hết sức đề bầu cử ông vào chức ấy. Diêm Vương đã ưng cho rồi, xin đem việc ấy đề báo cái ơn trước. Người ở đời xưa nay ai chẳng chết, nhưng chết mà tỏ được cái tiếng là hơn, vậy xin ông đề lòng cho, nếu chậm nửa tháng nữa thì có người tranh mất đấy.

Từ Văn mừng rỡ nhận lời, dọn hết công việc cửa nhà, rồi tự nhiên vô bệnh mà mất.

Về sau, người huyện Đông Quan biết Từ Văn, một buổi sớm gặp khi mưa rầm, trông thấy quân quan trắng đi đông lắm, mà có tiếng quát tháo dẹp đường để quan phán quan đi. Trông lên trên xe thì là Từ Văn, Từ Văn cũng chấp tay có ý chào hỏi, nhưng không ai nói câu gì, cứ đi ào ào như gió.

Đến giờ con cháu nhà ấy, vẫn còn sự tích truyền lại.

53. Nhị Khanh

Từ Đạt người ở Khoái Châu (Hưng Yên), làm quan ở huyện Đông Quan. Gần đây có quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Hai người đi lại chơi bời với nhau thân thiết lắm. Phùng có con giai tên là Trọng Qui, Từ có con gái tên là Nhị Khanh, hai bên giai tài gái sắc, tốt lứa đẹp duyên, mới kết duyên Châu Trần với nhau.

Nhị Khanh tuy còn ít tuổi, nhưng về làm dâu nhà họ Phùng, hiền hậu hoà thuận, ai cũng khen là người nét na. Trọng Qui tính hay chơi bời, năng kia khuyen ngăn mãi không được.

Năm sau, gặp khi ở tỉnh Nghệ lắm giặc cướp, triều đình cần một quan cai trị giỏi để bỏ vào. Các đình thần gét Phùng Lập Ngôn là người thẳng tính, có ý muốn hại ngầm, mới cử Lập Ngôn vào chức ấy.

Lập Ngôn sắp đáo li, bảo với Nhị Khanh rằng:

- Đường đất xa xôi, ta không muốn cho con đi theo, vậy thì con hãy tạm ở nhà, đợi khi nào trời đất bình tĩnh, thì sẽ cho con về với chồng con.

Trọng Qui thấy vợ không đi, có ý ngán ngại, cũng muốn ở nhà. Nhị Khanh bảo rằng:

- Nay nghiêm đường vì nói thẳng mà người ta ghét, tuy cất vào chỗ quan sang, mà kì thực đưa vào nơi đất chết. Muôn dặm ba đào, hai thân mưa nắng, chàng không đi thì ai là kẻ sớm trưa hầu hạ? Vậy thì chàng phải đi theo, chớ có vì tôi mà bỏ mất đạo hiếu.

Trọng Qui bất đắc dĩ phải theo cha mẹ về Nghệ, để Nhị Khanh ở tại Đông Quan. Không được bao lâu, cha mẹ đẻ của nàng Nhị Khanh mất cả. Nhị Khanh đem mã về táng ở phủ Khoái, rồi thì ở nương nhờ với người bà cô họ là Lưu thị.

Bấy giờ có người quan võ họ Bạch, nguyên là cháu ngoại Lưu thị, thấy nàng Nhị Khanh có nhan sắc, muốn lấy làm vợ, nói với Lưu thị đề dõ hỏi nàng Nhị Khanh.

Nhị Khanh nghe tình sợ hãi lắm, bảo riêng người vú già rằng:

- Ta còn nhẫn nhục đến giờ, là vì vướng có chàng họ Phùng còn đó, nếu không còn thì ta chết theo rồi, chứ không khi nào ta mặc áo xiêm của chồng ta, mà đi làm đom cho người khác, mụ ở nhà ta đã lâu, nên nhớ ân tình chủ cũ, vào Nghệ hỏi thăm gọi về cho ta.

Người vú vâng lời. Bấy giờ đang lúc loạn lạc đường sá khó khăn, mụ ấy cố sức tìm vào đến Nghệ, hỏi thăm thì ai cũng nói rằng: "*Quan Tuyên phủ Lập Ngôn đã mất rồi, gặp phải con giai chơi bời, cửa nhà sa sút mất cả.*" Người vú đi đường, gặp Trọng Qui ở trong chợ. Trọng Qui đem về chỗ ở, thì chỉ còn một túp nhà gianh, bốn bề bỏ trống, mà đồ đạc chỉ còn cái bàn cờ, bộ ấm chén uống rượu, và con gà chọi con chó săn mà thôi.

Trọng Qui bảo người vú rằng:

- Ta vì đường xá xa xôi không sao về được, tuy ở chỗ này, nhưng lúc nào cũng nhớ đến nhà.

Người vú cũng nói cả truyện đầu đuôi ở nhà. Trọng Qui mới định ngày về. Khi về đến nhà, hai vợ chồng li biệt lâu ngày, nay lại xum họp, ân ái biết là đường nào. Nhưng Trọng Qui đã quen thói chơi bời với người lái buôn là Đỗ Tam. Trọng Qui thì tham của nhà Đỗ Tam. Đỗ Tam thì tham nhan sắc của vợ Trọng Qui, mới rủ nhau rượu chè cờ bạc, định lừa lẫn nhau.

Trọng Qui đánh bạc thường hay được. Nhị Khanh can rằng:

- Lái buôn tính hay lừa lọc, chớ nên chơi bời với hắn nữa, bây giờ tuy được của nó, rồi sau cũng thua hết với nó mà thôi.

Trọng Qui không nghe. Một hôm, Đỗ Tam họp bạn đánh bạc, bỏ ra trăm vạn quan tiền. Trọng Qui muốn vay. Đỗ Tam bắt phải viết giấy lấy nàng Nhị Khanh làm cuộc. Trọng Qui quen mùi hay được, tưởng chừng chẳng đến nỗi thua nào, mới viết giấy cam kết với Đỗ Tam. Uống rượu rồi đánh bạc. Trọng Qui thua luôn ba tiếng, hết sạch cả tiền, gọi vợ đến bảo rằng:

- Tôi vì nghèo ngặt, phải lụy đến nàng, nay đã trót nhờ thế này, dù hối lại cũng không kịp. Thôi nàng hãy ở lại đây với ông ấy, không mấy bữa tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nhị Khanh biết thân không khỏi được về tay nó, mới nói rằng:

- Bỏ chỗ nghèo theo chỗ giàu, thiếp còn ngại gì, mà cũng là duyên trời tiền định, ví dù chàng mà có bụng yêu đến thiếp, thì thiếp cũng xin hầu hạ chẵn đặng như ở với chồng trước. Nhưng thiếp hãy xin một chén rượu, để biệt chồng cũ, và về nhà từ giã với con một đôi lời.

Đỗ Tam mừng lắm, sai rót vài chén rượu đưa cho uống, rồi về nhà ôm hai con ra vỗ vào lưng mà bảo rằng:

- Cha con bạc tình, không nương tựa được vào đâu, thôi thì các con ở lại với cha con, mẹ không mặt mũi nào bỏ con mà đi với người khác nữa.

Nói rồi tự vẫn. Đỗ Tam chờ mãi không thấy đến, cho người gọi thì nàng ấy đã chết rồi. Trọng Qui thương tiếc vô cùng, từ bấy giờ mới ăn năn, chừa chơi bời, nhưng sinh lý mỗi ngày một kém, sớm tối nhờ người, nhân có người bạn cũ làm quan ở Qui Hóa, mới đem con sang đây để nương nhờ. Đi đến nửa đường, mệt mệ lắm, nghỉ ở dưới gốc cây bàng, bỗng nghe có tiếng trên không gọi rằng:

- Có phải chàng Phùng đây không? Nếu chàng còn nhớ ân tình cũ, thì đến ngày ấy tháng ấy chờ tôi trong đền bà Trung Vương chớ coi u mình là khác.

Trọng Qui nghe rõ rằng tiếng nàng Nhị Khanh, ngẩng lên trông thì chỉ thấy đám mây đen bay về phương bắc. Trọng Qui nghĩ lấy làm lạ, y hẹn đến ngày vào đền. Khi đến nơi thì bóng chiều đã xế, phong cảnh đìu hiu, chỉ có tiếng chim kêu riu rít trên cây cỏ thụ, tình cảnh buồn rầu, muốn về thì trời đã tối, mới nằm nghỉ trong nhà tạ mạc. Cuối canh ba, nghe ti ti có tiếng khóc, trước còn xa sau đến gần, trông mập mờ thấy rõ mặt, thì chính là nàng Nhị Khanh.

Nhị Khanh bảo Trọng Qui rằng:

- Từ khi thiếp mất đi, Thượng đế thương tình, cho giữ riêng một đền, coi về việc tấu sớ, không lúc nào rỗi mà thăm được chàng. Bữa trước nhân có việc đi làm mưa, xảy gặp chàng cho nên gọi lại mà hẹn, nếu không có dịp ấy thì không bao giờ được gặp nhau.

Trọng Qui hỏi:

- Nàng hẹn tôi đến đây có việc gì vậy?

Nhị Khanh nói:

- Thiếp thường được hầu cạnh Ngọc Hoàng có nghe các tiên nói chuyện rằng: “*Vận nhà Hồ đã hết, đến năm Bình Tuất có việc binh đao, chết hại hơn 20 vạn người, ai mà không vun giống cây đức, thì sợ mắc vào nạn ấy. Bao giờ có chân nhân họ Lê khởi lên thì mới yên.*” Vậy chàng cố dạy hai con, phải vững lòng mà theo ông ấy, thì thiếp chết cũng được cái tiếng về sau.

Hai vợ chồng truyện trò đến gần sáng mới biệt. Trọng Qui từ khi ấy hết sức dạy bảo hai con, cho đến lúc thành người. Đến khi vua Thái Tổ khởi nghĩa trong Lam Sơn, hai con mộ quân vào theo, về sau cũng làm đến Thị nội, bây giờ ở phủ Khoái, con cháu nhà ấy vẫn còn thịnh.

54. Tả Ao

Người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An, tên là Nguyên Đức Huyền (có bản nói là Hoàng Chí). Nhân tên làng, cho nên tục gọi là Tả Ao. Lúc còn trẻ nhà nghèo lắm, mẹ phải bệnh loà mắt, Tả Ao mới theo người khách buôn ở phố Phù Thạch về Tàu, để lấy thuốc chữa mắt cho mẹ. Thầy thuốc khen là người có hiếu, mới dạy cho phép làm thuốc. Học thành nghề mới trở về, xây có một thầy địa lý chính tông đau mắt, sai người mời thầy thuốc đến chữa, thầy thuốc già yếu không đi được, mới sai Tả Ao đi chữa thay. Thầy địa lý khỏi đau mắt, thấy Tả Ao có ý tứ khôn dể dạy, và cảm cái ơn chữa khỏi cho mình, mới truyền cho Tả Ao phép làm địa lý, Tả Ao học hơn một năm đã giỏi, thầy địa muốn thử xem sức học làm sao, đổ cát làm ra hình sông núi, rồi yểm 100 đồng tiền xuống dưới cát, và cho Tả Ao 100 cái kim, sai tìm huyệt mà cắm kim vào lỗ đồng tiền.

Tả Ao xem các huyệt, cắm trúng 99 cái kim vào 99 lỗ đồng tiền, chỉ sai mất một cái cắm ra ngoài.

Thầy địa lý nói rằng:

- Nghề ta sang phương Nam mất rồi!

Mới cho Tả Ao một cái tróc long và các câu thần chú hô thần để cho về nước Nam. Tả Ao vâng lời từ về; về đến nhà thì mẹ vẫn còn mạnh, mới chữa thuốc cho mẹ khỏi loà.

Một khi đi qua núi Hồng Lĩnh, trông lên xem, thấy có kiêu đất “*Cửu long tranh châu*”, mừng mà nói rằng:

- Huyệt đế vương ở đây rồi!

Lập tức nhổ ngôi mộ của cha, cất vào huyệt trên núi. Không bao lâu, sinh được một đứa con giai. Người Tàu xem thiên văn, thấy các vì sao châu cả về phương Nam, biết là người nước Nam được đất. Chính phủ Tàu truyền cho các nhà địa lý, ai để đất cho người An Nam, thì phải sang nước Nam dùng thuật mà phá đi, nếu không thì chu di cả ba họ.

Thầy địa lý trước, biết chắc là ông Tả Ao được đất mới sai con sang tìm đến nhà Tả Ao, lập mưu mà triệt đi.

Người ấy tìm đến nơi, vào chơi nhà mà bảo rằng:

- Từ khi đại huynh ở Tàu về, đã cất được ngôi tiên phần nào chưa?

Tả Ao nói thực cả truyện trước. Con thầy Tàu mới dùng mẹo đào lấy ngôi mộ ấy, mà bắt đứa con của Tả Ao đem về Tàu.

Được ít lâu, mẹ Tả Ao mất. Tả Ao tìm một ngôi đất ở bãi bể, kén ngày kén giờ để hạ huyệt. Đến giờ sóng gió ầm ầm, người anh Tả Ao giữ áo quan của mẹ, không cho hạ xuống, một lát sóng gió yên thì ở đấy nổi lên thành bãi rồi.

Tả Ao than rằng:

- Đây là hàm rồng đây, cứ 500 năm mới há miệng ra một lần, mà há chỉ trong một lát mà thôi. Bây giờ đã ngậm lại rồi, còn táng làm sao

được nữa. Trời không cho thì chỉ uống mất công ta mà thôi.

Từ bấy giờ Tả Ao không chịu làm ăn gì cả, chỉ lang thang đi làm đất cho người ta, một bữa đi xem xét đất đến làng Bút Sơn, huyện Hoảng Hóa, thấy có một huyệt đất hay, bèn bảo người ta rằng: *“Có ngôi đất, táng giờ Dần đến giờ Mão thì phát, nếu ai táng ngôi ấy tât được của, hễ ai chịu nhường cho ta một phần chia mười, thì ta cho ngôi đất ấy.”* Có một người xin táng, Tả Ao dặn đến sáng sớm mai thì cất. Táng xong mặt trời mới mọc. Người ấy vác cuốc ra rửa chân ngoài sông, thấy có một người chết trôi, nhân thể có cuốc, mới vớt lên chôn cho xác ấy, thấy trong bọc người chết có hai túi bạc, mở ra đếm thì được 50 nén, mới biết Tả Ao là tài.

Khi đến huyện Thanh Liêm lại tìm được một ngôi, bảo người ta rằng: *“Đây có ngôi đất, chỉ táng trong một tháng thì phát quận công, nếu ai cho ta 100 quan tiền, thì ta táng cho.”* Có một ông nhà giàu xin táng. Bấy giờ chúa Trịnh đang đánh nhau với nhà Mạc. Tướng nhà Mạc là Mạc Kinh Độ thua trận ở huyện Kim Bảng chạy chôn. Chúa Trịnh giao ai bắt được thì thưởng cho làm quận công một đời. Ông nhà giàu ấy táng được 20 ngày rồi. Bỗng một hôm thấy có một người vào nhà bảo rằng: *“Ta là Mạc Kinh Độ đây, cho ta đánh một bữa chén, ta sẽ làm ơn mà cho đem nộp lấy thưởng.”* Ông nhà giàu mừng rỡ, làm cơm thiết đãi. Mạc Kinh Độ ăn uống xong, cho trói mình lại mà đem đến đôn Cầu Châu nộp cho chúa Trịnh. Chúa Trịnh lập tức thưởng cho làm quận công. Người ấy được thưởng tạ Tả Ao 100 quan tiền, Tả Ao chỉ lấy 3 quan để ăn đường, rồi đi chỗ khác.

Từ bấy giờ danh tiếng đồn khắp thiên hạ. Tả Ao đi chu du bốn phương, phàm 20 năm trời. Đi qua các huyện Gia Bình, Từ Liêm, Đông Ngạc, Siêu Loại, Gia Lâm, táng cho nhà nào cũng được, lớn thì làm đến Tiên sĩ, Thượng thư; nhỏ cũng làm nên giàu hùng trưởng. Kể ra nhiều lắm, không sao cho xiết.

Khi đi qua làng Thiên Mỗ, thấy có một ngôi đất to, muốn táng hộ cho nhà họ Trần. Vừa đặt tróc long xuống đất, tróc long đồ ba lượt. Tả Ao niệm phù chú gọi Thổ thần lên hỏi, thì thổ thần nói rằng: *“Đất này phát ba đời quốc sư đại vương, con cháu công hầu không bao giờ hết. Trời đã để giành cho nhà Nguyễn Quy Đức; còn nhà họ Trần kia ít hồng phúc, không kham nổi được đất này; nếu ông làm cưỡng của trời thì tât có vạ. Và lại ông đi khắp thiên hạ, làm phúc cho người ta đã nhiều, mà không được ngôi nào để táng cho cha mẹ, ông nên nghĩ thế thì biết.”* Vì thế, Tả Ao từ bấy giờ không dám khinh thường để mà cho ai nữa.

Tả Ao sinh được hai con gái, nhà thì nghèo mà làm đất không lấy tiền của ai, cho nên con cái thường không đủ bữa mà ăn. Khi đã già, tìm sẵn một ngôi đất sinh phần cho mình, ở xứ đồng khoai, gọi là cách *“Nhất khuyến trực quần dương”* (Nghĩa là một con chó đuổi đàn dê). Nếu táng được ngôi ấy, thì chỉ ba ngày thành địa tiên. Đến lúc phải bệnh, sai hai con khiêng mình ra đấy, toan phân kim lấy rồi nằm xuống cho chôn; nhưng đến nửa đường thì đã gần chết, không kịp đến được chỗ kia, mới trở một cái gò bên cạnh đường, dặn con rằng: *“Chỗ kia là ngôi huyết thực (nghĩa là được hưởng người ta cúng tế), bắt đắc dĩ táng ngay ở đấy cũng xong.”*

Nói xong thì mất, bấy giờ mới 65 tuổi. Hai con đem táng vào gò ấy, quả nhiên về sau làm phúc thần một làng.

Địa lý xưa nay ở nước Nam, không ai giỏi bằng ông Tả Ao, thế mà chỉ làm phúc cho người, đến mình thì không sao làm được, mà con cái thì vẫn nghèo khổ. Thế mới biết rằng câu tục ngữ nói *“Tiên tích phúc nhi hậu tâm long.”*

55. Nguyễn Thị Điểm

Thị Điểm người huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương,^[61] em gái ông Tiến sĩ Nguyễn Trác Luân. Lúc lên 5, 6 tuổi, học sách Hán Cao Tô, anh có ra câu đố rằng:

“*Bạch xà đương đạo; Quý bạt kiếm nhi trăm chi.*”

Thị Điểm đối rằng:

“*Hoàng long phụ chu; Vũ ngưỡng thiên nhi tán viết.*”^[62]

Anh chịu câu ấy là tài, tự bấy giờ cho chuyên tập về nghề nghiên bút. Đến năm 15 tuổi, văn chương đã giỏi lắm. Một khi ngồi trước cửa sổ soi gương, anh ra câu đố rằng:

“*Đối kính hoa mi; Nhất điểm phiên thành lưỡng điểm.*”^[63]

Thị Điểm ứng khẩu đối rằng:

“*Lâm trì ngọa nguyệt; Chích luân chuyển tác song luân.*”^[64]

Thái học sinh là Đặng Trần Côn nghe tiếng Thị Điểm hay chữ, đưa thơ đến có ý muốn gheo.

Thị Điểm xem thơ cười nói rằng:

- Trè thơ mới học, thơ từ chẳng bỏ ngứa tai!

Đặng Trần Côn tức giận trở về, cố công đi học, mới thành danh sĩ.

Bấy giờ tiếng Thị Điểm lừng lẫy chốn kinh thành. Các học trò hay chữ ai cũng muốn trêu gheo. Một hôm, có Nguyễn Huy Kỳ ở Thụy Nguyên, Trần Danh Tân ở Cổ Am, Nguyễn Bá Cư ở Cổ Đô, Võ Toại ở Thiên Lộc, bốn người ấy có tiếng hay chữ, người ta thường gọi là “*Tràng An tứ hổ*” (nghĩa là bốn con hổ ở chỗ Tràng An). Bốn người đến chơi tận nhà Thị Điểm, muốn thử làm thơ với nhau.

Thị Điểm ra câu đố rằng:

“*Đình tiền thiếu nữ khuyển tân lang.*”^[65]

Bốn người không đối được, phải xấu hổ trở về.

Lại một khi Thị Điểm đi thúng thặng một mình, gặp quan Thượng thư là Nguyễn Công Hãng ở ngoài đường. Công Hãng bắt Thị Điểm vừa đi vừa ngâm một bài thơ “*Đi một mình.*”

Thị Điểm ngâm ngay rằng:

“*Đàm đạo cổ kim tâm phúc hữu.*”^[66]

“*Chu hàm tả hữu cổ quăng thân.*”^[67]

Công Hăng khen hay hay, thưởng cho 10 quan tiền.

Trong thời Long Đức (đời vua Thần Tôn nhà Lê) có sứ Tàu sang phong vương. Hoàng thượng sai Thị Điểm đứng chực ở ngoài cửa Đoan môn. Thị Điểm cố ý trêu ghẹo sứ giả. Sứ giả nói đùa một câu rằng:

“*An Nam nhất thốn thổ; Bất tri kỉ nhân canh?*”

Thị Điểm đối rằng:

“*Bắc quốc đại trượng phu; Giai do thử đồ xuất!*”

Sứ giả thẹn đỏ mặt rồi đi.

Thị Điểm kén chồng kĩ lắm, không ai lấy được. Ngoài 20 tuổi, mới lấy lẽ quan Thượng thư ở huyện Từ Liêm là Nguyễn Kiều. Hai vợ chồng quý trọng nhau như vàng.

Thị Điểm có làm ra bộ sách “*Tục truyện kỳ*” lưu truyền ở đời.

CHUNG.

MỤC LỤC:

[Tựa sách](#)

[TỰA](#)

[LỜI NGƯỜI HIỆU CHÍNH](#)

§I. [CÁC BẬC ĐAI ANH KIẾT](#)

1. [Trung Vương](#)
2. [Bồ Cái Đại Vương](#)
3. [Đình Tiên Hoàng](#)
4. [Lý Thái Tổ](#)
5. [Lê Thái Tổ](#)
- *6. [Bắc Bình vương](#)
- *7. [Đức Gia Long](#)

§II. [CÁC BẬC DANH THẦN](#)

8. [Lý Thường Kiệt](#)
- *9. [Tô Hiến Thành](#)
10. [Hùng Đạo Đại Vương](#)
11. [Nguyễn Trãi](#)
12. [Trình Kiêm](#)
13. [Lương Hữu Khánh](#)
14. [Phạm Đình Trọng](#)
- *15. [Đào Duy Từ](#)
- *16. [Trình Hoài Đức](#)

§III. [CÁC BẬC DANH HIỀN](#)

17. [Mac Đình Chi](#)
18. [Chu Văn An](#)
19. [Nguyễn Bình Khiêm](#)
20. [Đặng Đình Tướng](#)

§IV. [CÁC BẬC VĂN TÀI](#)

21. [Nguyễn Hiền](#)
22. [Lương Thế Vinh](#)
23. [Vũ Công Duê](#)

24. [Giáp Hải](#)
25. [Phạm Trần, Đỗ Uông](#)
26. [Lê Như Hồ](#)
27. [Phùng Khắc Khoan](#)
28. [Lê Quý Đôn](#)
- § V. [CÁC BÁC MÃNH TƯỚNG](#)
29. [Lê Phụng Hiểu](#)
30. [Đoàn Thương](#)
31. [Phạm Ngũ Lão](#)
32. [Nguyễn Xí](#)
33. [Phạm Tử Nghi](#)
34. [Đinh Văn Tả](#)
35. [Võ Tánh](#)
36. [Nguyễn Văn Thành](#)
37. [Lê Văn Duyệt](#)
- § VI. [CÁC VI THẦN LINH ỨNG](#)
38. [Sử Đồng Tử](#)
39. [Phù Đổng Thiên Vương](#)
40. [Tản Viên sơn thần](#)
41. [Lý Ông Trọng](#)
42. [Tô Lịch giang thần](#)
43. [Bạch Mã thần](#)
44. [Sóc thiên vương](#)
45. [Liễu Hạnh tiên chúa](#)
- § VII. [CÁC VI TIÊN THÍCH](#)
46. [Từ Thức](#)
47. [Tú Uyên](#)
48. [Phạm Viên](#)
49. [Từ Đạo Hạnh](#)
50. [Nguyễn Minh Không](#)
51. [Trần Lộc](#)

§ VIII. CÁC NGƯỜI CÓ DANH TIẾNG

52. Ngô Soan

53. Nhi Khanh

54. Tả Ao

55. Nguyễn Thi Diễm

[\[1\]](#) Có bản cho người khách xui đeo thanh kiếm vào tai ngựa, rồi nước ở chỗ ấy soáy mạnh lắm, lâu ngày thanh kiếm cưa đứt cổ ngựa, cho nên mới bại.

[\[2\]](#) Ông sư nói là bà mẹ ngài nằm mơ thấy giao cảm với thần núi Tiên Sơn, có mang sinh ra ngài. Ông sư chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn nuôi ngài làm con nuôi, cho nên theo về họ Lý.

[\[3\]](#) Theo Thiệu Chử, chữ 根 đọc là “căn”. [QuocSan]

[\[4\]](#) Truyện “Việt lam Xuân thu” có kể rõ các trận vua Lê Thái Tổ đánh quân Tàu.

[\[5\]](#) Theo sách Gương xứ Nam, thì là Despiau.

[\[6\]](#) Y Doãn giúp vua Thái Giáp nhà Thương; Hoắc Quang giúp vua Chiêu Đế nhà Hán đều là ấu chúa cả.

[\[7\]](#) Truyện “Hung Đạo vương” tiểu thuyết có kể rõ các trận đánh quân Tàu.

[\[8\]](#) Hàn Dũ đòi nhà Đường, xin hủy tượng phật và đốt sách phật.

[\[9\]](#) Thủy Hoàng chôn học trò và đốt sách nho.

[110](#) Quyển thi rọc tên ra, gọi là rọc phách. Đến lúc chấm văn xong lại dán tên lại gọi là hồi phách.

[\[1\]](#) Nghĩa là cửa ải nhà Tần nghe tiếng gà gáy. Ngày xưa Mạnh Thường Quân ở nước Tần trốn về Tề, ra đến cửa ải thì cửa ải còn đóng chưa mở. Lê lính canh ải, hễ gà gáy thì mới mở cửa cho khách đi lại. Trong bọn đầy tớ Mạnh Thường Quân, có người giả làm gà gáy. Các gà canh đầy tường là trời sắp sáng, đua nhau gáy ầm cả lên, lính canh mới mở cửa, Mạnh Thường Quân vì thế chạy được thoát.

[\[12\]](#) Lúc ngài còn nhỏ, thường ngâm một câu rằng: “Trời chẳng già, đất chẳng già, năm hồ bảy miếu một mình ta.” Đến sau ngài đi kinh lược xứ Sơn Nam, có bọn khách Tàu ở phố Hiến vào hầu, trông hình dáng ngài y như tượng thần Ngũ hồ bên Tàu. Nhân hỏi ngài sinh ra ngày tháng nào, thì quả nhiên trùng về ngày tháng Ngũ hồ có sự biến lạ, hiện còn ghi vào bia bảy miếu ở bên ấy, mới biết khi ấy là thần Ngũ hồ giáng sinh.

[\[13\]](#) Nghĩa của chữ ngọc giấu đi một nét chấm, thò lên thì là chữ chúa, thụt xuống thì là chữ vương. Có ý khoe mình làm nổi vua chúa.

[\[14\]](#) Nghĩa là chữ thổ cắt bỏ nửa nét ngang đi, phải thì là chữ thượng, trái thì là chữ hạ. Có ý chê kẻ kia phản nghịch.

[\[15\]](#) Nghĩa là anh hùng đời xưa nay hiếm có, công đức cho người ta được nhờ dài bằng với trời đất.

[116](#) Nghĩa là chữ mâu (矛) mà không có phây (ㄩ) là chữ dư (予), chữ mịch (覓) mà bỏ chữ kiến (見) là chữ bất (不), chữ ái (愛) mà bỏ chữ tâm (心) là chữ thụ (受), chữ lai (來) ngang cùng chữ lực (力) là chữ sắc (勅).

[\[17\]](#) Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định, Ngô Nhân Lĩnh, là ba nhà làm thơ.

[118](#) Quá ải chậm, người coi ải đóng ải, mời khách qua đường qua ải mà đi.

[119](#) Ra đối dễ, làm lại đối khó, xin ông sinh trước đối trước đi cho.

[\[20\]](#) Đang lúc nắng nẫu nực, thì như ông YDoãn, ông Chu Công (ý là đắc dụng với thời). Đến khi mưa tuyết lạnh ngắt, thì như ông Bá Di, ông Thúc Tề (ý là xếp xó một chỗ).

[\[21\]](#) Nắng chảy vàng tan đá, trời đất như lò lửa, người về lúc ấy ví như Y, Chu hai ông quan to, gió bắc lạnh lẽo, mưa tuyết lấp đường, người về lúc ấy ví như Di, Tề hai người chết đói. Than ôi! Khi dùng đến thì ra, khi không dùng đến thì cất đi, chi ta với người được thể thôi.

[\[22\]](#) Chạm vào ngựa của ta cười ấy là người Đông di hay người Tây di?

[\[23\]](#) Chấn đường lừa của ta đi, thử xem người phương Nam khỏe hay là người phương Bắc khỏe?
Câu ra thì dùng chữ sẵn ở sách Mạnh tử, câu đối thì dùng chữ ở sách Trung Dung cho nên hay mà tài.

[\[24\]](#) Chữ an (安) bỏ chữ nữ (女), chữ thi (豕) vào thì là chữ gia (家).

[\[25\]](#) Chữ tù (囚) bỏ chữ nhân (人), chữ vương (王) đến thì là chữ quốc (国). [Ngọc (玉) lai thì giống hơn. QuocSan]

[\[26\]](#) Lửa mặt trời, khói đám mây, ngày trắng đốt tàn con thỏ ngọc.

[\[27\]](#) Cung mặt nguyệt, đạn ngôi sao, chiều hôm bắn rụng cái ô vàng

[\[28\]](#) Bốn chữ LI VỊ VỒNG LỬỜNG cùng có chữ QUI.

[\[29\]](#) Bốn chữ CÀM SẮT TÌ BÀ mỗi chữ đều có hai chữ VƯƠNG thành tám.

[\[30\]](#) Chim đậu cành đọc sách Luận Ngữ, có câu chi tri... (Nghĩa là điều gì biết thì cho là biết, điều gì không biết thì cho là không biết). Có ý chê là tiếng nói như tiếng chim.

[\[31\]](#) Ếch kêu trong ao học sách Mạnh tử, có câu: Lạc dữ... (Nghĩa là nhạc cùng với nhiều người vui nhạc, cùng với ít người vui, thì đấng nào vui?) Có ý chê lại người Tàu nói như tiếng ếch.

[\[32\]](#) Con rùa sông Lạc báo triệu tốt, số trời chín, số đất chín, chín chín thành tám mươi một số, số số hợp thành ba đạo nhóm, đạo hợp với Nguyên thủy thiên tôn, bởi một bụng thành cảm cách lên.

[\[33\]](#) Con phụng núi Kỳ trình diễm hay, tiếng đực sáu, tiếng cái sáu, sáu sáu thành ba mươi sáu tiếng, tiếng tiếng suốt đến chín tầng trời, trời sinh ra Gia Tĩnh hoàng đế, cho muôn tuổi thọ dài lâu mãi.

[\[34\]](#) Một đám mây trên trời xanh, một giọt tuyết trong lò đỏ, một cành hoa vườn thượng uyển, một vầng trăng ao Giao Trì. Than ôi! Mây đã tan, hoa tàn, trăng khuyết.

[\[35\]](#) Núi ấy có 72 ngọn, cây cối rườm rà u uất, mẹ tả là núi Kì Lân, mẹ hữu là núi Phụng Hoàng. Trên núi Phụng Hoàng có suối ngọt chảy ra thành nguồn, vòng quanh sườn núi chảy xuống đọng lại một chỗ, gọi là đầm Miết. Nước đầm ấy ngon lắm, rồi lại chảy quanh ra ngoài chân núi thông xuống sông.

^[36] Tục truyền bà ấy tức ông Văn Định lên Sơn Tây lấy chồng khác, sinh ra ông Phùng Khắc Khoan (tức ông Trạng Bùng).

[\[37\]](#) Ứng về sau nhà Lê khôi phục được nước.

[\[38\]](#) Ứng về sau nhà Trịnh lại giữ quyền nhà Lê.

[\[39\]](#) Nghĩa là chim phụng hoàng làm tổ trên gác A các, con Kì lân ra chơi ở vườn Uyển hựu.

- [140](#) a) Không phải con rùa ở sông Lạc Thủy.
b) Không phải con rồng ở sông Mạnh Hà.
c) Ấy kia nước Hữu Hùng (hùng nghĩa là con gấu).
d) Đổng đô ở gò Trác Lộc (lộc nghĩa là con hươu).
Câu nào cũng có giống cầm thú cho nên hay.

[\[41\]](#) Nghĩa là con vịt từ giã mẹ gà về hồ.

[\[42\]](#) Nghĩa là: Tôi nghe quân tử xa chỗ bếp nước, lọ là phải nịnh vua bếp. Có ý chê làm việc dè tiện.

[\[43\]](#) Nghĩa là: Ta cốt có chức làm được Tể tướng, nhưng còn tạm nấu nồi canh. Nếu canh nhạt mặn tại tay, cũng như chức làm tướng.

[144](#) Bài đủ tám câu nhưng tục truyền mất bốn câu dưới.

[\[45\]](#) Xem truyện “Hung Đạo vương” thì rõ sự tích.

[146](#) Đỗ Thanh Nhân, Chu Văn Tiếp và Võ Tính là ba kẻ hùng trong Gia Định.

[\[47\]](#) Là nơi vua đi đóng quân ở đó.

[148](#) Là võ tướng đời nhà Hán.

[\[49\]](#) Là ngôi Thái tử.

[\[50\]](#) Trong bài thơ có câu kết: “Thử hỏi nhược đấc sơn trung Tể, tá ngã kinh luân chuyển hóa ky.” Nghĩa là: Hỏi này nếu được Tể tướng trong núi, giúp ta kinh luân chuyển động cơ trời.

[\[51\]](#) Là thổ mục Cao Bình, mộ binh theo Duyệt vào Gia Định, làm Phó vệ úy.

[\[52\]](#) Là những thú đing ngoài Bắc, Duyệt mộ làm lính cơ ở Bắc Thuận.

[53] Tục truyền đồ lễ: Voi 9 ngà, gà 9 cựa, ngựa 9 hồng mao, và một chĩnh vàng cốm.

[\[54\]](#) Gỗ ngổn ngang là hình chữ mộc 木. Chữ mào 卯, chữ khẩu 口 gia thêm chữ mộc, là chữ Liễu 柳 hạnh 杏.

[\[5\]](#) Thủy 水 mã 馬 là chữ Phùng 馮; Dĩ 已 tẩu 走 là chữ khởi 起, ý là bảo họ Phùng khởi công.

[156](#) Nghĩa là đèn Quỳnh Hư, gác Giao Quang.

[\[57\]](#) Hoàng lương là kê vàng. Xưa có người nằm mộng làm quan phú quý hơn 20 năm trời, lúc tỉnh dậy, nhà trọ vẫn chưa thổi chín nồi kê.

[\[58\]](#) Tục truyền hai ông sang Tây Trúc học đạo, một hôm ông Đạo Hạnh đội lốt hổ để lừa ông Minh Không. Ông Minh Không biết ý, nói rằng: “Cầu được ước thấy có khó gì.” Cho nên khiếp sau phải bệnh hoá hổ.

[\[59\]](#) Sứ cho là Đạo Hạnh để thuốc lại giao cho Minh Không.

[160](#) Tục truyền vua tắm xong thì bao nhiêu lông lột hổ tuốt cả ra, vì thế mới khỏi bệnh.

^[61] [Đặng Khoa Lục](#) cho là người Bình Lao, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. [Tang Thương Lục](#) cho là người Bắc Giang, chưa biết đích lời nào là phải.

[162](#) Hai câu cùng chữ sạ̃n mà chọi nhau từng chữ, cho nên tài.

[\[63\]](#) Nghĩa là soi gương, vẽ lông mày, một nét hoá ra hai nét. Điểm là nét vẽ, lại là tên bà ấy, có ý một nàng Điểm hoá ra hai nàng Điểm nữa.

[164](#) Nghĩa là cạnh sông xem bóng trăng, một vàng giống như hai vàng. Luân là vàng trắng, vừa là tên anh. Có ý một ông Luân thành ra hai ông Luân nữa.

[165](#) Thiếu nữ một nghĩa là gió, một nghĩa là con gái nhỏ.

Tân lang một nghĩa là cau, một nghĩa là rể mới. Câu này nghĩa là: Trước sân gió động cây cau vì thêm ý con gái nhỏ mời rể mới ăn giầu, cho nên khó đổi.

[166](#) Bàn bạc truyện xưa nay, có người lòng ruột.

[167](#) Chung quanh bên tả hữu, có bề tôi chân tay. Hai câu chững chạc, mà rõ là tình cảnh đi một mình.